

1^{re} ANNÉE, N° 6.

JUIN 1918.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

Organe de propagande de la Pensée Française

誌輯越大

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

MỖI THÁNG XUẤT BẢN MỘT KỲ

Giá mỗi số : 0 \$ 50

TỔNG-TÀI

...Sarcler n'est pas tout,
semencier est mieux....

A. SARRAUT.

LONGXUYÊN KHUYẾN-HỌC HỘI

QUẢN LÝ

NGUYỄN-VĂN-CU

CHỦ-BÚT

Chánh-trị khoa.....	LÊ-THỨC-THANH.
Lý-tài khoa.....	HO-BIỂU-CHANH.
Bác-học khoa.....	NGUYỄN-ĐÌNH-CHI.
Đông Tây thời vụ.....	LÊ-THƯỜNG-TIÊN.
Ấu Ấn từ đảng.....	ĐẶNG-THỨC-LIÊNG.



SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN-VĂN-CU

157, Rue Catinat, 157

1918



50 71799

Yêu mục

trương

CHÁNH-TRỊ KHOA.....	1. Ngày lễ Kỷ-niệm nước Việt-Nam..... 497 2. Phận sự người làm sách..... 501 3. Việt-Nam Chánh trị lược biên..... 503 4. Đề hình sự vụ (Về sự tịch biên các động vật của người thiếu nợ..... 508
LÝ-TÀI KHOA.....	1. Đại-việt tài nguyên..... 519 2. Nông-nghiệp tương tế hội..... 524 3. Việt-Nam nhập địa phần chắt..... 528 4. Bán hột đu-đu dẫu..... 531 5. Đề huỳnh tranh luận..... 533 6. Sản vật xuất dương..... 538
BÁC-HỌC KHOA.....	1. Pháp-luật..... 539 2. Địa lý học (tiếp theo)..... 545 3. Đại-pháp văn minh lược biên..... 550
ĐÔNG TÂY THỜI VỤ..	1. Tình thân ái Huế-kỳ và Pháp-quốc.... 554 2. Luận về sự Nhứt-bồn tiếp chiến tại Nga-quốc (Sibérie)..... 558 3. Âu-châu chiến địa..... 559 4. Tứ chiến..... 560 5. Mười ngày ở Huế..... 560 6. Cha con Đức-hoàng Guillaume..... 566 7. Lễ quốc-triều đại kỷ-niệm ở Huế..... 568 8. Phong tục nước Xiêm..... 573 9. Lên chức..... 575
ÂU A TỪ ĐÀNG.....	1. Lập hội Thuyết..... 579 2. Khuyến học văn của vua Minh-Mạng.. 581 3. Văn-tế và thi..... 589 4. Vọng tây tiến thuyết..... 594

GIÁ BẮN TẬP CHÍ

Một năm.....	5 \$ 00
Sáu tháng.....	3 . 00
Mỗi số.....	0 . 50

Ai mua Tập-chí hoặc muốn biện luận việc chi thi xin gửi bạc hay là thơ cho M. Nguyễn-văn-Cư, Quản-lý Đại-việt tập chí tại Longxuyen (Cochinchine).

Những bài gửi đến xin ân hành vào tập chí, nếu bốn-quần xét in chẳng tiện thì chủ gửi không phép đòi bốn thảo lại.

Ai muốn lấy những bài có ân hành trong tập chí này mà in vào đâu thì trước phải xin phép chủ-bút nào viết bài ấy đã.

Còn như lấy ý kiến trong bài ấy mà luận lại, thì phải chỉ rõ căn nguyên bài ấy mới được.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

CHÁNH-TRỊ KHOA

Ngày lễ Kỷ-niệm nước Việt-Nam

Ngày lễ Kỷ-niệm của một nước là một ngày chúng dân nước ấy bày cuộc ăn chơi mà mừng và nhớ một việc lành to-tác chi xây dựng cho nước nhà trong lúc trước.

Thiết nghĩ, hiện kiếm, nước Văn-minh nào cũng có định ngày lễ Kỷ-niệm để mà ghi tạc những việc đồ-sộ khi xưa. Như nước Đại-pháp thì lấy ngày 14 Juillet làm Kỷ-niệm việc lập dân-quốc; nước Huê-Kỳ lấy ngày 4 Juillet làm Kỷ-niệm việc lập hiến pháp hiệp chúng quốc; gần đây thì nước Trung-hoa lấy ngày 10 Octobre làm Kỷ-niệm việc lập dân-quốc. Duy có Nước Việt Nam ta xưa nay, chưa có định ngày nào mà làm Kỷ-niệm trong nước hết.

Từ khi nhà-nước Đại-pháp lãnh phần khai hóa nước ta, thì quốc-dân tùy ý thấy mà bày cuộc vui chơi trong ngày 14 Juillet là ngày lễ Kỷ-niệm của nước Đại-pháp gọi là lễ Chánh-chung đó.

Mới đây, ngoài Triều Huế, các đình thần hội nghị xin định ngày mười bảy tháng tư Annam mỗi năm là ngày Hoàng-đế Khải-Định lên ngôi báu mà làm ngày lễ Kỷ-niệm trong nước. Song Hoàng-thượng nghĩ vì công lao phục-quốc và dựng giang san nhà NGUYỄN đây là ơn Thê-tổ Cao-hoàng-Đề tức là vua GIA-LONG. Bởi vậy Hoàng-thượng mới làm một tờ Thánh-dụ định đặt lấy ngày mồng hai tháng năm Annam trong mỗi năm là ngày vua Gialong đăng-cực (lên ngôi Hoàng-đế Việt-Nam) mà làm ngày lễ Kỷ-niệm trong nước Việt-Nam.

Từ thượng quan dĩ chí hạ dân, ai nghe thấy cái gương khắc-kỹ và cái gương truy-viễn của Hoàng-thượng tưởng thấy đều khâm phục, có lẽ gương ấy còn chói lòa nơi cõi ngoại.

Chúng ta đây, ngày nay là dân thuộc Pháp, khi trước tổ tiên của chúng ta vẫn là dân ở Bắc, tùy từng đức Cao-hoàng sang đây mà bình phục Cao-man, nên mới có xứ Nam-kỳ cho chúng ta ở đây. Nay chúng ta được từng chánh phủ Đại-pháp lại được hưởng nhờ nhiều ơn rất lớn của quan Toàn-quyền Albert SARRAUT, chúng ta sẽ thấy đồng bào ta là dân Bắc-kỳ với dân Trung-kỳ, đến ngày mồng 2 tháng 5, được bày lễ ăn chơi mà Kỷ niệm ơn đức Cao-hoàng, chúng ta há đi làm tai diết mặt ngơ cho đành.

Song bởi Nam-Kỳ ta thì thuộc Pháp, mỗi mỗi phải từng quyền Chánh-phủ Đại-pháp, còn Bắc-kỳ và Trung-kỳ hãy còn là nước của Đại-pháp bảo hộ, cho nên Thánh-dụ của Hoàng-đế Khải-Định về ngày lễ Kỷ-niệm trong nước Nam, chúng ta chẳng dặng tợ chuyên mà tuân theo cho được. Mà chúng ta ý

muôn tuân theo Thánh-dụ ấy lắm, vậy chúng ta hết dạ cầu khẩn lòng khoan hồng đại độ của quan Toàn quyền A. Sarraut ban hành lời Thánh-dụ ấy trong xứ Nam-kỳ dâng đến ngày Kỷ-niệm nước Nam, chúng ta được cộng lạc với đồng bào ta ngoài Bắc-kỳ và Trung-kỳ, gọi là lễ niệm ân đức Thê-tô Cao-Hoàng-đê.

Thiệt tưởng lời khẩn cầu đây, lý thuộc về phong tục, chớ chẳng cang phạm chi với Chánh-thể Đại-pháp, cho nên chúng ta ước ao cho quan Toàn-quyền A. SARRAUT sẽ vui lòng mà phê chuẩn.

Vả lại, nếu quan Toàn-quyền mà chẳng phụ lời xin của chúng ta, thì tất nhiên là làm cho chúng ta ghi xương tạc dạ công đức của Cao-hoàng, mà hễ công đức của Cao-hoàng ngày nay chúng ta chẳng quên, thì công đức của nhà-nước Đại-pháp dạy dỗ chúng ta hơn 60 năm nay, ngày nào chúng ta quên dâng.

Sau đây, bốn báo xin lục lời Thánh-dụ của Hoàng-đê Khải-Định đã ân hành trong báo « Nam-phong » số 11 tháng Mai năm 1918.

Thánh-dụ ngày 23 tháng ba NĂM KHẢI-ĐỊNH THỨ 3.

« Có ngày sáng-nghiệp gian-nan, sau mới có ngày thũ-thành sung-sướng, hưởng cái ngày sung-sướng này, thì phải nhớ đến ngày gian-nan kia. Vì thế, các nước văn-minh bên Âu-Châu đều lấy lễ « Kỳ-niệm » làm trọng; như nhà-nước Đại-Pháp lấy ngày Dân-quốc thành-lập làm lễ « Chánh-chung » yến ẩm đờn ca đề vui mừng mà tỏ ra rằng không quên nghiệp trước vậy.

« Nước ta, ngày năm ngoái các đình-thần hội-ngự lấy ngày Trăm đảng cực (17 tháng tư) làm ngày Kỳ-niệm trong nước. Trong khi ấy, tưởng các quan cũng nghĩ rằng Trăm đảng-hối đã lâu, trải hết gian-khổ, đến ngày ấy mới đảng quang, thì thần dân nên cùng vui mừng mà lấy làm kỷ-niệm. Nhưng nay trăm nghĩ lại, tình thì vẫn phải, mà lý thì e chưa được hoàn-toàn. Vì sao? Xét như nhà Châu đời xưa, cương thường nhất-thống, ở trong kinh Lân có chép rằng « Xuân-vương-chánh-nguyệt » còn như nước nhà ta cơ nghiệp muôn năm thuộc về Bản-triều thì bắt đầu từ năm Gia-long nguyên-niên. Cái công phu gây dựng khó nhọc thành công ở đây chúng ta có lẽ nào dám quên hay sao ?

« Vì thế cho nên thuộc về ngày lễ « Kỳ-niệm » thì dời lại là mồng 2 tháng 5, tức là ngày đức *Thê-lỗ Cao-Hoàng-đê* trải 20 năm gian khổ định được vũ-công mới khởi đầu lên ngôi Thiên-tử vậy. Từ nay đến sau, định đến ngày ấy, thì đem tôn-nhân-phủ cùng văn võ đình-thần đến Thê-miếu làm lễ, lễ xong, về cung, thiết thưởng-triều ở điện Cần-Chánh, thụ triều-hạ. Quan Hữu-tư phải nghị soạn nghi tiết để làm lệ thường. Còn quan lại binh, dân trong nước, đến ngày ấy đều cho nghỉ trọn ngày, để được ưu-du, thỏa lòng đồng-lạc; Khâm-thủ ! »

Đại-Việt Tập-Chí.

Phận sự người làm sách

Truyện sách bổ ích cho phần trí cũng như thức vật bổ ích cho phần xác vậy. Xưa nay hễ nước nào mà có truyện sách làm ra nhiều thì dân nước ấy mau khôn ngoan, mau giàu mạnh.

Trong các nước văn-minh bên Âu-Châu, Mỹ-Giới, những văn-nhơn trí-thức đã có bày đủ thứ sách mà mở trí dân : những giáo-dục-gia thì đặt sách nói về bác-vật, hóa-học, địa-dư, sử-ký ; những kinh-tế-gia thì đặt sách luận về nông, công thương, chư nghiệp ; những văn-chương-gia, thì đặt những truyện phú, ca, thi, tiểu-thuyết. Những sách vở trong mỗi nước ấy kể cả triệu bộ, mà bộ nào cũng có ích cho đời, Ấy cũng nhờ những người làm sách biết tôn-chỉ cao-trọng nên mới được vậy ; mà dân người ta cũng nhờ có vậy nên mới được rộng-rãi bề học-vấn, mới được tinh-tấn đường chức-nghiệp, mới được tao-nbã lối ngôn-từ.

Việt-Nam ta khi trước không có sách vở riêng ; tổ-tiên ta, trong mọi việc, nào là chỗ cư-xử, nào là đường học-vấn, nào là kế sanh-nhai, thấy đều nương theo sách Tàu mà làm gốc. Đã biết trước khi nhà nước Đại-Pháp thâm phục cõi Đông-Dương thì trong dân-tộc ta cũng đã có một ít ông trí-thức, hoặc dùng chữ Tàu, hoặc dùng chữ nôm, mà đặt sách vở chớ chẳng không ; song xét lại những sách của người Annam làm ra khi ấy dầu chữ Tàu, dầu chữ nôm cũng vậy, thấy đều noi theo tư-tưởng của Trung-quốc, thấy đều tả tình-cảnh bên Trung-quốc, chớ chẳng hề nhắc tích nước mình, nói chuyện người mình bao giờ.

Trong mười mấy năm nay, nhờ có nhà in lập ra nhiều, nên đồng bang ta mới đua nhau mà dịch truyện Tàu ra quốc-ngữ và in ra quốc-ngữ những thơ tuồng nôm của người lớp trước. Những đấng học-thức kiêm-thời lại cũng có đặt thêm nhiều quyển thơ, tuồng, ca, phú, truyện, về mới nữa. Nếu lấy số mà suy thì cũng nên mừng cho quốc-văn của ta ngày nay được thành phát.

Vả đời nào cũng vậy, truyện sách thì có ích cho xã-hội luôn luôn, hoặc bổ về kinh-tế, hoặc bổ về văn-chương, hoặc bổ về phong-hóa, hoặc bổ về học-vấn. Những truyện sách của chúng ta ngày nay coi lại trong phần văn-chương và phong-hóa thì đã có chút đỉnh rồi ; còn nhắm đến phần kinh-tế và học-vấn thì hãy còn khuyết điểm. Lúc này là lúc quốc-dân ta, từ thị-thành dĩ chí thôn-tịch, thấy đều xun-xấn chen bước vào nẻo văn-minh, thấy đều ham đọc sách xem truyện ngổ đặng nghe nhiều thấy rộng.

Vậy những đấng cao-minh, những nhà công ích, như muốn trước thơ lập ngôn mà khai dân trí, quăng dân tài, mở dân tục, phát quốc-văn, thì khá nên cẩn thận cho lắm, khá lựa những điều chánh-lý, những truyện chánh-đạo mà thuật ra, ngổ đặng quốc-dân ta trước nghe được lời hay, sau khỏi lầm đường vậy.

Có nhiều người nói rằng dân tâm trong buổi này ưa đọc những truyện phủ ba dâm dục, ham coi những sách pha lửng khôi hài, nên phải đặt những đồ ấy bán mới dễ. Người nói như thế chẳng những là khi hơn tâm mà thôi, mà lại còn chưa hiểu phận sự người làm sách nữa ; bởi vì người muốn trước thơ lập ngôn đặng đề danh tiếng đời sau, nếu vì chỗ bán dễ bán khó mà đặt sách, chẳng kể chi chánh-lý, thì đã vô công với đời mà lại còn phải mang tiếng dặc người đi đường quấy. Xin đồng-bang thực sát.

Liêu-sanh-Hậu

Cựu quản-hạt Hội-đồng,

Longxuyên Khuyên-học Hội,

Phó Hội-Trưởng

Việt-Nam Chánh trị lược biên

(tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ NHỊ (tiếp theo)

Từ năm 1863 tới năm 1867, thì việc chánh-trị trong ba tỉnh thuộc về nhà-nước Đại-pháp không có dời đổi chi lắm. Quan Thủy-sư Đề-đốc De Lagrandière lên làm Nguyên-soái ba tỉnh ấy thế cho quan Thủy-sư Đề-đốc Bonard, thì ý-kiến hai ngài cũng như một. Ngài không muốn trị ba tỉnh trong Nam-kỳ nói trên đây theo các xứ thuộc-địa (Colonie) khác, ngài chỉ muốn trị theo xứ Bảo-hộ (*Pays de Protectorat*) mà thôi. Nhưng mà lúc ấy không có người xứng đáng đặt lên làm quan Phủ, quan Huyện cùng Tổng làng cho đủ, mà trị dân cho phục, nên ngài cũng buộc phải dùng các quan Thủy-sư Pháp thế cho quan Phủ, quan Huyện đặt bình định giặc chòm giặc khóm trong mấy năm ấy cho hết.

Đến tháng Juin năm 1867, quan Nguyên-soái De Lagrandière nghĩ rằng nếu nhà nước Đại-Pháp chẳng chiếm cứ luôn ba tỉnh trên, thì cai trị chẳng yên dặng, nên phải đánh lấy luôn tỉnh Vĩnh-Long, An-giang và Hà-tiên. Lúc ấy nhằm quan Phan-tranh-Giăng làm Kinh-lược trị ba tỉnh đó. Ngài đã có đi ư qua Đại-pháp, ngài biết sự cường thịnh của nước này dường nào rồi, nên ngài nghĩ, nếu chống cự thì chết quân lính nhiều lại làm cho nhơn dân chịu đồ khổ lắm, mà chẳng ít chi cho nước, nên ngài khuyên các quan dân trong ba tỉnh ấy ngbình phục nhà-nước Đại-pháp cho an phận. Còn ngài thì tịch cốc mà thác cho tròn danh tiết.

Từ ngày ấy thì trọn sáu tỉnh trong Nam-kỳ thuộc về nhà-nước Đại-pháp đến nay. Việc chánh-trị trong ba tỉnh mới chinh phục đây cũng sắp đặt lại y như ba tỉnh kia vậy.

Cũng nội trong năm ấy, Chánh-Phủ chia sáu tỉnh ra làm 24 hạt, kể ra sau này :

1 Thũ-dầu-một, 2 Thũ-đức, 3 Biên-hòa, 4 Long-thành, 5 Bà-rija, 6 Chợ-lớn, 7 Cần-giuộc, 8 Gò-công, 9 Tân-an, 10 Sài-gòn, 11 Trảng-Bàng, 12 Tây-ninh, 13 Chợ-gạo, 14 Mytho, 15 Cai-lậy, 16 Cần-lố, 17 Vĩnh Long, 18 Bến-tre, 19 Trà-vinh, 20 Sóc-trăng, 21 Sa-đéc, 22 Châu-đốc, 23 Hà-tiên, 24 Rạch-giá.

Dần dần sau sửa bớt lại còn 20 tỉnh đến nay;

Lúc ban sơ, trong mỗi hạt đặt một ông quan Thũy-sur Pháp cai-trị kêu tả quan-án. Việc binh, lương, thuế khóa chi cũng về một tay quan ấy cai quản hết.

Đến năm 1871, trong mỗi hạt mới thêm có ba quan Tham-Biện ; ông thứ nhứt làm Chánh Tham-biện, gồm quyền Quan-án và cai quản cuộc tài-chánh (finances) và Hội-kê-pháp (comptabilité); ông thứ nhì làm thủ-bổn, gồm cai quản việc quan-viên (personnel) sở bài sanh ý (patentes) sở ghe-thoàn (régime des barques) và các công-dụng vật-khiên (matériel); còn ông thứ ba thì cai quản sở tạo tác, sở thơ trạm và sở giáo huấn.

Qua năm 1873, mới có khởi sự chia quyền Quan-án, Quan-Bổ ra phân biệt, song cũng còn thuộc về quan Tham-biện chuyên quyền ấy, chưa có quan Tòa riêng. Có đặt quan Giám-đốc đặng quyền tra-sát hành-vi của các quan Tham-Biện.

Quan Tham-Biện nhứt hạng thì đặng lãnh quyền Quan-án lo việc tài-phán (justice); quan Tham-Biện nhì hạng chuyên lo việc chánh sự (administration proprement dite) cùng các việc tranh-luận của Chánh-phủ (le contentieux), còn quan Tham-Biện tam hạng thì chuyên lo thu các sắc thuế.

Chánh-phủ buộc các quan Tham-Biện trước khi ra hành chánh thì phải vào trường Hậu-bổ (collège des stagiaires) tại Saigon mà học tiếng Annam, tiếng Caoman, chữ quốc-ngữ, chữ-nho, pháp-luật Annam và Caoman, học thể-lệ chánh-trị của Đại-Pháp, và học sơ các công việc tạo tác. Học rồi phải thi cho

đậu mới ra hành chánh. đăng. Trong lúc hành chánh rồi, mỗi kỳ lên chức cũng phải thi cho đậu, trừ ra khi lên bậc Giám-đốc mới khỏi thi.

Từ ấy cho đến năm 1879. thi việc Chánh-Trị trong Nam-kỳ chẳng có dời đổi chi lắm. Các quan Langsa đều là quan-vỏ hết.



Trong hai mươi năm ấy, có sở Tài-phán (Justice) thì có dời đổi nhiều hơn hết:

Lúc ban sơ, nhà-nước Đại-pháp định giao cho Cai-tổng quyền Quan-tòa Tọa-tụng (Juge de Paix), quan Huyện quan Phủ đẳng quyền quan Tòa-sơ (Juge du Tribunal de 1^{re} instance) còn quyền Quan Tòa Khống-tổ (Cour d'appel) thì thuộc về quan Giám-đốc Langsa. Nhưng vậy mà bởi quan Phủ, quan Huyện, và Cai phó tổng lúc ấy không có quyền hành và sức học đủ mà phán đoán cho dân phục, nên mọi việc đều về phần quan Giám-đốc Langsa phân xử hết.

Qua năm 1863, có lời nghị phân định quyền Quan-án và các quan Giám-đốc. Về việc hình, thì quan-án xử các tiểu hình (délits) và các tội vi lệ (contraventions), còn về việc nhơn sự thì người xử những vụ từ 500 quan tiền Annam sắp xuống; trong các vụ từ 500 quan tiền Annam sắp lên, thì người tra xét các lẽ rồi chạy phúc bẩm cho quan Nguyên-soái phán đoán. Các việc đại-hình (crimes) thì cũng thuộc về Quan-án tra xét rồi thượng tở về cho quan trên phân xử.

Vi sở Tài-phán thì quyền của các quan Giám-đốc cũng y như quyền các quan-án vậy.

Đến năm 1864, có chỉ dụ đề ngày 25 juillet định tổ-chức sở Tài-phán xứ Nam-kỳ, lập theo thể lệ bên Đại-pháp tại Saigon một Tòa sơ, một Tòa Thương-mãi và một Tòa Khống-tổ; có đặt quan Tòa, quan Biện-lý và quan phó Biện-lý:

Trong Tòa-sơ có một ông quan Tòa và một ông Lục-sự.

Trong Tòa Thương-mãi có năm vị thương-nhơn của quan Nguyên-soái chọn cử lên, đẳng hiệp nhau mà phán đoán các vụ về thương mãi.

Còn trong Tòa Khống-tổ thì cũng có một ông Chánh-tòa và một ông Lục-sự mà thôi. Khi nào xứ Đại-hình thì có thêm quan Tòa-sơ, có một quan Tòa binh-pháp và hai vị phó Phán-quan tục kêu là Thăm-án (assesseurs).

Mấy sở Tòa kể trên đây là Tòa lập tại Saigon đặng xử các vụ khởi đoan tại đó mà thôi, và những vụ khởi đoan trong các tỉnh, mà trong ấy có người Langsa can dự.

Qua năm 1867, có lời nghị định lập chức luật-sư tục kêu là Trạng-sư hay là Thầy-kiện (avocat).

Cũng trong năm ấy, có lời nghị lập tại Saigon một hội Phái-viên tục kêu là Hội-đồng thăm-án (Commission d'examen de jugements) đặng xét những án từ của các quan án trong các tỉnh gửi lên. Qua năm 1868, có lập tại dinh quan Thượng-thor một Phòng-bình; quan đầu Phòng-bình gồm xét các án từ của quan án và quan Giám-đốc trong các tỉnh gửi về, rồi trình lên cho quan Nguyên-soái phán đoán.

Trong Hội-đồng thăm-án, có đặt một ông Hội-trưởng (Président) ông này chọn trong hàng Giám-đốc mà cử lên, hai ông Tham-biện và ba vị Annam làm Hội-viên. Hội này mỗi tuần nhóm một lần, trong ngày thứ năm đặng duyệt sát các án từ ở tỉnh gửi về. Lời nghị đề ngày 25 Mai 1878 định thâu quyền Phát-ngự (voix délibératives) của mấy vị Thăm-án hết.

Trong năm 1877 lời nghị đề ngày 24 Mars sửa các hình phạt định trong luật Annam lại như vậy: Tội xử 10 trượng, thì sửa ra phạt tù, từ một ngày tới hai tháng, tội xử 20 trượng sửa ra phạt tù từ hai ngày tới ba tháng, tội xử 40 trượng sửa ra phạt tù từ 4 ngày tới năm tháng; tội xử 50 trượng sửa ra phạt tù từ 6 ngày tới 6 tháng, tội xử 60 trượng sửa ra phạt tù từ 6 ngày tới 7 tháng; hình phạt mang gông cũng sửa lại phạt tù.

Từ đây qua đến năm 1879 mới có tổ chức sở Tài-phán lại.

Ấy là ở Tài-phán ; còn về cuộc Tạo-tác thi Nhà-nước Đại-pháp đắp đường, đào kinh, bắt cầu, lập nhà thương, trường học nhiều lắm.

Trong việc giáo-huấn, lúc ban sơ Nhà-nước tưởng lấy làm khó mà dạy dân Bồn-quốc học chữ Pháp dặng, nên chỉ chuyên dạy chữ quốc-ngữ cho nhiều mà thôi.

Đến năm 1869, mới có lập tám cái trường để dạy người lớn học chữ Pháp. Qua năm 1871 mới có lập tại Saigon một trường để dạy những người học dặng làm thầy giáo, kêu là trường Bồn-quốc, hiện kiêm là trường Chasseloup-Laubat.

Tới năm 1874, có lời nghị đề ngày 17 Novembre, tổ chức sở giáo-huấn lại. Mới lập 6 cái trường tỉnh lớn dạy chữ Pháp, có nuôi học trò trong trường. Học trò mấy trường này học ba năm rồi thi lên trường Bồn-quốc, học trường này cũng ba năm rồi thi lãnh bằng-cấp. Mấy người học giỏi hơn hết, chánh-phủ gởi qua Đại-pháp học thêm.

Từ ấy đến sau mới có người biết chữ Pháp khá khá.

(Sau sẽ tiếp theo)

Thúc-Thanh.

Đề hình sự vụ

(tiếp theo)

VỀ SỰ TỊCH BIÊN CÁC ĐỘNG VẬT CỦA NGƯỜI THIẾU NỢ

Khi mǎng kỳ tám ngày rồi (1) mà kẻ thiếu nợ chẳng chịu trả số nợ biên trong tờ truyền rao, thì hương-hào với người chủ nợ đi đến nhà người thiếu nợ mà tịch biên đồ thập vật trong nhà nó. Nếu người chủ nợ, hoặc người thiếu nợ vắng mặt, thì hương-hào phải kiếm hai người đã thành đinh (21 tuổi) đứng chứng kiến sự tịch biên ấy.

Hương-hào phải nhớ khoản sau đây cho lắm: Chẳng hề khi nào được tịch biên những tài sản của người thiếu nợ kể ra sau này:

- 1o Đồ y phục của nó thường mặc;
- 2o Đồ tư-cơ (2) nó dùng mà sanh nhai;
- 3o Vật thực phải để cho đủ nuôi nó và vợ con nó trong một tháng;
- 4o Giường, chiếu, mùng mền của nó và của vợ con nó dùng mà ngủ;
- 5o Các tài sản (3) hay là đồ từ khí (4) để phụng thờ tổ tiên nó và những vật nó dùng mà dưỡng lão; song phần dưỡng lão ấy

(1) Từ khi mǎng kỳ tám ngày đó cho đến hai tháng thì chủ nợ được cậy hương-hào tịch biên tài sản của người thiếu nợ, hoặc bắt giam thân nó. Nếu đề quá hạn hai tháng đó thì không được thi hành nữa. Như muốn thi hành phải truyền rao lại một lần thứ hai theo cách nói trong tập chí số 5

(2) Đồ tư-cơ là các đồ nghề người ta dùng mà làm ăn; như kẻ nông phu thì cuốc xới cấy bừa v. v.; như ngư ông thì chài lưới câu v. v.; như thợ may thì các vật dùng để thêu kiểu vá may v. v.

(3) Tài sản đây thì chỉ về hương hỏa, đất dưỡng lão, đất tuyết tự và đất lập tự. (Chứng dịch luật hộ tời sẽ cắt nghĩa mấy thứ đất đó).

(4) Đồ từ-khí đây là các vật để mà thờ phượng ông bà như bàn thờ, lư hương, chum đèn, quả, kỷ trà, bình phong, khay, chén v. v. Dầu người thiếu nợ là người vào bộ Langsa thì chủ nợ cũng chẳng được tịch biên mấy món đó, vì luật cho người Annam làm dân Langsa, là cho hưởng dân quyền Langsa mà thôi, chứ không buộc phải bỏ đạo của mình mà theo đạo người.

chẳng để cho nó quá phần thực một đũa con nó (1).

6o Những tiền công và lương bổng của nó phải chừa lại cho nó ba phần tư (2).

Như hương-hào biên lộn mấy món kể trên đó nếu người thiếu nợ kêu nài, thì phải bỏ ra.

Khi hương-hào đi đến nhà người thiếu nợ, thì trước hết, phải nhắc cho nó hay rằng nó phải trả số nợ mình đã truyền rao trong tám bữa trước, như nó lo trả kịp thì thâu rồi cho nó biên lai, bằng nó không trả thì vào nhà nó, dạy nó mở cửa, mở các tủ đựng mình soạn đồ mà tịch biên.

Biên vật chi, thì phải trị giá, biên rồi làm tờ vi bằng giao các vật biên đó cho người thiếu nợ gìn giữ, nếu nó không chịu giữ, thì hương-hào phải chọn một người nào đó, mượn mà canh giữ.

Tờ vi bằng việc tịch biên tài sản ấy, phải làm theo kiểu sau đây.

Năm..... ngày..... tháng.....
 chiếu theo bản..... (trích lục hay là đăng lục án) của
 tòa..... xử ngày..... tháng..... năm.....
 Án ấy có truyền rao hôm ngày..... tháng.....
 năm..... (3) lại có lời thỉnh cầu của tên..... (tên họ chủ
 nợ) ở làng..... tổng..... tỉnh..... ; nên
 tôi là..... (tên họ hương-hào) hương-hào làng.....
 có hai người chứng tùy tùng kể tên sau đây, đã ghe phen dạy
 tên..... (tên họ kẻ thiếu nợ), ở làng..... phải trả
 cho tên..... (tên họ chủ nợ) hoặc trao cho tôi có quyền
 thâu và cho biên lai, các số bạc kể sau đây mà đã có đòi nó
 trong tờ truyền rao ngày.....

1o — Số bạc vốn là.....

2o — Bạc lời tới ngày nay là.....

(1) Thí dụ: người thiếu nợ có hai đũa con và có 11 mẫu đất mà có chia cho con mỗi đũa 3 mẫu, còn để phần cường lão 5 mẫu. Như vậy chủ nợ cho phép tịch biên 2 mẫu để phần dưỡng lão 3 mẫu mà thôi.

(2) Thí dụ: Người thiếu nợ kia ăn lương mỗi tháng 20 \$ 00, chủ nợ được chận lấy mỗi tháng năm đồng mà thôi.

(3) Biên ngày tháng nào hương-hào đã truyền rao án ấy.

3o — Tiền tụng lệ là.....

4o — Tiền truyền rao án là.....

(hoặc sớ tiền chỉ khắc thì biên nội theo)

Tên (tên họ người thiếu nợ) không trả các số bạc ấy, nên tôi cho nó hay rằng, tôi đi tịch biên tài sản của nó, rồi đó, trước mặt tên và tên (tên họ hai người chứng) ở làng là hai người chứng theo tôi, tôi tịch biên tài sản của người thiếu nợ kê ra sau đây :

1o — Một bộ váng gỗ ba tấm giá đáng 20\$00

2o — Hai bộ váng dầu giá đáng 10. 00

3o — Một cái tủ gỗ giá đáng 25. 00

4o — Một cái bàn bằng gỗ giá đáng 8. 00

5o — Một đôi liễn cần giá đáng 15. 00

6o — (còn vật-chỉ cứ biên vô và trị-giá)

7o —

Khi tịch biên các vật kê trên đó rồi, thì tôi dạy tên (tên họ người thiếu nợ) phải gìn giữ của ấy cho đến ngày bán. (Như người thiếu nợ không chịu lãnh giữ, thì hương-hào chọn người mà muốn canh giữ, có vậy, thì biên :) Tên thiếu nợ không chịu lãnh giữ của ấy, nên tôi muốn tên có mặt tại đó, quê ở làng đăng gìn giữ của ấy. Tên này chịu lãnh phần canh giữ và hứa chịu sẽ giao các vật đó cho kẻ có quyền lãnh.

Rồi đó, tôi làm hai cái yết thị, truyền dán tại nhà người thiếu nợ một cái, còn một cái dán tại nhà hội làng, định đến ngày tháng năm tám giờ ban mai, sẽ bán các vật đã biên trên đây tại nhà người thiếu nợ, bán cho người nào trả giá cao hơn hết mà trả chót (1):

Tôi lại dạy tên thiếu nợ, đến bữa bán, nó phải có mặt tại nhà nếu nó vắng mặt, thì cũng cứ việc bán như thường.

(1) Phép định ngày bán phải định cách ngày treo yết thị ít nữa cho được năm ngày trọn. Thí dụ treo yết thị bữa 15 thì qua ngày 21 bán mới đủ phép.

Các việc xong, tôi khoá tờ vi bằng này hồi..... (mấy giờ?).
Tôi sao lục ra hai bản tôi trao cho người thiếu nợ một bản,
còn một bản tôi trao cho người lãnh canh giữ đồ đạc, trước
mặt hai người chứng.

Hết thấy đồng có ký tên dưới đây (1).

Người giữ đồ,
(Ký tên)

Hai người chứng,
(Ký tên)

Hương-hào,
(Ký tên)

Còn yết thị rao bán các vật tịch biên đó, phải viết ra hai thứ
chữ, chữ quốc-ngữ và chữ Tàu hoặc chữ nôm, Kiểu làm yết thị
như vậy :

Yết thị

PHÁT MẠI TÀI SẢN BỞI LĨNH TÒA

Lời rao cho thiên hạ đăng hay :

Đến bữa thứ.....ngày..... tháng.....năm.....
nhằm ngày.....tháng.....năm..... Annam, tám giờ
ban mai, Hương-hào ký tên dưới đây sẽ đứng giao giá bán
các đồ thập vật của tên.....(tên họ người thiếu nợ) tại
nhà nó ở trong làng.....

(1) Việc tịch biên tài sản có khi lâu có khi mau, như làm trong 3 giờ rồi
thì ăn 3 đồng bạc, như dùng thêm 3 giờ nữa thì ăn thêm 2 đồng bạc. Còn 2
bản sao lục vi bằng mà trao cho người thiếu nợ và người giữ đồ, mỗi bản
tính 0\$40. Tiền công người giữ đồ, trong 12 ngày đầu, mỗi ngày tính 1\$00,
từ đó về sau, mỗi ngày 0\$60.

Còn tiền công mấy người chứng, ba giờ đầu mỗi người lãnh 1\$00,
ba giờ kể lãnh mỗi người 0\$60. Các số tiền ấy chủ nợ phải trả trước, sau
bán đồ sẽ lấy lại.

Ai đấu giá cao hơn hết và đấu chót thì được mua, mà phải trả tiền mặc.

Các sản vật sẽ bán kể ra dưới đây :

- | | | |
|----------------|-------|------------------|
| 1 ^o | | trị giá là |
| 2 ^o | | — |
| 3 ^o | | — |
| | | |

(Biên hết các vật đã tịch biên) (1)

Làm tại.....ngày.....tháng.....năm.....

Hương-hào,

(Ký tên)

(Đóng con dấu làng vỡ)

Có nhiều khi, Hương-hào đi tịch biên sản vật của người thiếu nợ, mà trong nhà nó không có vật chi đáng giá đến 5\$00. Khi ấy Hương-hào phải làm một tờ vi-băng sự phạm vật (*procès-verbal de carrence*) theo kiểu sau đây :

Khúc đầu tờ vi-băng này làm y như kiểu trước, rồi biên tiếp khúc giữa và khúc sau như vậy :

Tên.....(*tên người thiếu nợ*) không trả các số bạc ấy, nên tôi cho nó hay rằng, tôi đi tịch biên tài sản của nó rồi dó trước mặt tên.....và tên.....là hai người chứng theo tôi, tôi tịch biên sản vật của nó kể ra sau đây :

- | | | | |
|----------------|-------------------|---------------|---------|
| 1 ^o | Một cái chổng tre | giá đáng..... | 1 \$ 00 |
| 2 ^o | Một bộ văng dầu | — | 1 50 |
| 3 ^o | Hai cái ghế tre | — | 0 40 |
| | | | |

Còn các vật khác như là mùng mền nệm chiếu, bàn thờ, thì luật không cho biên.

(1) Giá làm yết thị mỗi bốn chánh là 1\$00, bốn sao là 0\$20.

Nghĩ vì những vật biên được đó, giá chẳng đến 5\$00, mà chủ nợ cũng không chịu mua đến giá đó, dường ấy, dầu có bán cũng chẳng đủ trả tiền tồn phí; vì vậy; cho nên tôi để các vật lại cho nguyên chủ, chẳng tịch biên, rồi tôi lập tờ vi-băng sự phạt vật ấy giao cho chủ nợ tự dụng, tôi có sao lại một bữa mà giao cho người thiếu nợ.

Tôi khóa tờ vi-băng này hồi.....(mấy giờ?) trước mặt hai người chứng đồng ký tên với tôi sau đây :

Hai người chứng,
(Ký-tên)

Hương-hào,
(Ký-tên)

(Tờ vi-băng này Hương-hào và hai chứng cũng tính giá như tờ vi-băng trước)

Có khi hương-hào đến nhà người thiếu nợ mà tịch biên tài sản của nó, gặp nhà đóng cửa, kêu không ai lên tiếng, hoặc có người lên tiếng mà không chịu mở cửa, thì hương-hào phải để một người chứng canh giữ đó, phòng ngừa chẳng cho người thiếu nợ chuyên đồ ra, rồi bèn thân đến báo cho quan Biện-ly, đợi lệnh ngài truyền dạy cho mà làm.

Lại cũng có khi, hương hào đi truyền rao án hay là đi tịch biên tài sản, bị người thiếu nợ hay là vợ con nó chưởi mắng, hăm dọa, thì khi ấy, hương-hào phải lập tờ vi-băng sự phản nghịch ấy (*procès-verbal de rebellion*) mà gởi cho quan Biện-ly phán đoán. Tờ vi-băng ấy nương theo kiểu sau đây mà làm :

Năm..... ngày..... tháng..... tôi ký tên dưới đây là..... hương-hào làng..... vì có lời thỉnh cầu của tên..... (tên họ chủ nợ) và chiếu theo bốn án tòa..... xữ ngày..... tháng..... năm..... nên tôi cùng hai người chứng tên..... và tên..... ở làng..... có đi đến tại nhà tên..... (tên họ người thiếu nợ) đặt tịch biên tài sản của nó.

Khi tên này thấy tôi đến nhà bèn buông lời chưởi mắng tôi như vậy..... (phải biên cho rõ các tiếng nó dùng mà chưởi mắng). Tôi lấy lời êm lẽ thuận mà đáp với nó, nó đã không

nghe, lại nổi cộc, vát cây, vát dao hăm đòi đánh chém tôi. Tôi e trong cơn nóng giận, nó làm hại cho tôi, nên tôi cùng hai người chứng phải nhún nó mà lui về. Vì vậy, nên tôi phải lập tờ vi-băng về sự phản nghịch đó, mà gửi nạp cho quan Biện-lý làm tội nó. Tuy vậy, tôi cũng còn dành đề quyền của tôi mà kiện thiệt hại nó.

Hương-hào,
(Ký tên)

Kể từ ngày tịch biên tài sản của người thiếu nợ cho đến ngày trước bữa định bán đồ, nếu có người nào có gửi đồ đặt nơi nhà người thiếu nợ, mà đồ ấy cũng bị tịch biên luôn, thì người gửi đồ đó được phép làm đơn tranh cãi vật của mình lại. Đơn ấy phải nạp cho hương-hào, hương-hào cho biên lai, rồi gửi cho quan tòa với các giấy tờ mình đã làm trong vụ đó. Như có vậy, thì hương-hào phải đình vụ bán lại mà đợi lệnh tòa phát lạc.

Nếu người nào vào đơn tranh cãi chẳng đủ lý, thì bị thưởng các sở tồn, và có lẽ phải bị thưởng thiệt hại cho chủ nợ nữa.

Khi đến ngày bán đồ, thì nhứt diện, hương-hào sai người đánh trống hoặc đánh mả-la mà bắt cho thiên hạ hay, dặng đến đầu giá cho đông, nhứt diện, hương-hào đi với hai người chứng vào nhà người thiếu nợ, biểu người canh giữ đồ trình tờ vi bằng và các món đồ mình đã tịch biên và giao cho nó giữ. Hương-hào lấy tờ vi bằng mà dò coi có thiếu món chi chẳng; như không thiếu, thì lập tức làm tờ vi bằng mà miềng khữ cái trách nhậm người giữ đồ; còn như có thiếu vật chi, thì phải hỏi nó, lấy lời khai nó, rồi lập tờ vi bằng gửi cho tòa phán đoán. Tòa xét sự thiếu đồ đó, nếu lý gian về ai, thì tòa cứ làm tội sang đoạt của người

Kiểu lập tờ vi bằng kiểm sát đồ đặt ấy làm theo như sau đây.

Năm. ngày. tháng. vì có lời
thỉnh cầu của tên. (tên họ chủ nợ) nên tôi ký tên dưới
đây là. hương-hào làng. đi với hai người
chứng tên là. đều ở làng. đến nhà tên. . . .
. . . (tên họ người thiếu nợ) dặng kiểm sát những tài-sản tôi đã

tịch biên theo tờ vi bằng làm ngày tháng
năm Tài-sản ấy, tôi định đến ngày nay thì bán.

Khi đi đến nhà, tôi gặp tên (tên người thiếu nợ) (như
không gặp thì biên không gặp) và gặp tên là người tôi
mướn canh giữ đồ. Rồi đó, trước mặt người thiếu nợ, người
giữ đồ và hai người chứng, tôi lấy tờ vi bằng tôi làm hồi
trước, tôi kê tên từ món đồ, thì tên giữ đồ có chỉ đủ cho tôi
xem hết. Bởi vậy nên tôi lập tờ vi bằng này mà miêng khữ
trách nhậm của người giữ đồ, rồi người ấy và hai người chứng
có ký tên với tôi sau đây :

Người giữ đồ,	Hai người chứng,	Hương-hảo,
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)

Nếu có thiếu món chi thì khúc đầu tờ vi-bằng cũng làm như
vậy, rồi khúc giữa và khúc chót biên tiếp như sau đây :

.....
Rồi đó, trước mặt người thiếu nợ, người giữ đồ và hai người
chứng, tôi lấy tờ vi-bằng tôi làm khi trước mà xét thì tôi thấy
thiếu các vật kể ra sau đây :

10..... giá đáng

20.....

.....
Tôi bèn hỏi tên giữ đồ có sao thiếu mấy vật ấy, thì nó khai
rằng :

(Phải biên trọn lời khai nó vô đây)

Vi vậy, nên tôi lập tờ vi bằng này đặng gởi cho quan tòa
phát lạc. Tôi có ký tên dưới đây với người giữ đồ và hai người
chứng (1).

Người giữ đồ,	Hai người chứng,	Hương-hảo,
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)

(1) Giá tờ vi bằng nay và tiền chứng cũng y như giá tờ vi bằng tịch biên
tài sản vậy.

Khi hương-bào kiểm sát các vật xong rồi, dầu đủ, dầu thiếu cũng cứ việc bán.

Phép bán thì hương-hào chỉ ra từ món đồ, rồi hô giá mình đã định trong tờ vi-băng trước, hỏi ai muốn mua thì trả lên, mỗi tiếng trả chẳng dặng dưới một cắt. Thí dụ: chỉ một cái ghế hô giá là 1\$00, có người trả 1\$10 thì hương-hào nói: 1\$10 một lần, nghỉ một chút, rồi nói 1\$10 hai lần. Như lúc đó có người vục trả 1\$40, thì hương-hào trở lại nói 1\$40 một lần, nghỉ một chút, rồi nói 1\$40 hai lần rồi nhóng coi ai có trả thêm nữa không, nếu không ai trả nữa thì nói: 1\$40 ba lần. Khi hương-hào nói: tiếng ba lần rồi, thì không ai được trả lên nữa. Người trả chót 1\$40 đó, được mua. Hương-hào kêu người ấy hỏi tên họ và chỗ ở rồi biên vô sổ và thâu tiền liền. Như người có đó tiền trả, thì thâu rồi bán món khác; nếu người đó không tiền trả, thì phá đấu giá món đồ ấy lại. Khi đấu giá lại, nếu có kẻ mua trội hơn giá trước chẳng nói làm chi, bằng mà người ta mua sục giá đó, thì người đấu giá trước phải bồi thường thêm cho đủ giá nó đấu trước. Thí dụ: Người đấu giá trước mua một cái ghế 1\$40 mà không tiền trả, khi đấu giá lại có người khác mua đến giá 1\$20 mà thôi, khi ấy người đấu giá trước bị thưởng 0\$20. Luật định việc thưởng bồi đó, là có ý ngăn cản mấy người không có ý mua đồ, mà vô trả phá giá chơi.

Nếu món đồ nào người ta không trả đến giá mình đã định trước, thì hương-hào được sụt giá đó xuống cho người ta mua.

Hương-hào cứ theo cách chỉ trên đó, mà bán các món đồ khác đến chừng nào nhằm số tiền bán đủ trả nợ, trả tiền tồn phí thì ngừng lại, giao các món đồ nào chưa bán cho nguyên chủ; bằng bán chưa đủ số tiền, thì cứ bán cho hết đồ mình tịch biên nới thôi. Việc xong phải làm tờ vi-băng dặng nạp nơi phòng lục-sự với các sổ bạc mình bán được đó.

Tờ vi băng bán đồ ấy làm theo kiểu sau đây:

Năm ngày tháng vì
có án tòa xử ngày tháng

năm và có lời thỉnh cầu tên (tên họ chữ
nợ) ; lại chiếu tờ vi bằng tôi làm mà tịch biên tài sản của tên...
..... (tên người thiêu nợ) hôm ngày tháng ..
..... năm , chiếu tờ yết thị có đính trong tờ vi
bằng đó định đến ngày nay thì bán các tài sản ấy và chiếu tờ vi
bằng kiểm sát tài sản ấy mới làm ngày nay, nên tôi là
..... hương-hào làng , có trước mặt tên ...
..... (tên họ người thiêu nợ, như không có mặt thì do vắng
mặt), và hai người chứng tên là đều ở làng
..... tôi có đứng bán các tài sản tôi đã tịch biên trong tờ
vi bằng kể trước đó, tôi bán cho kẻ nào trả giá cao hơn hết và
trả giá chót.

Tài sản bán được bao nhiêu tôi xin kể ra sau đây :

1o Một bộ văng gỗ ba tấm, bán cho tên Nguyễn-văn-Xoài
ở làng.....Giá là hai mươi lăm đồng..... 25 \$ 00

2o Hai bộ văng dậu, bán cho tên Lê-văn-Mít ở làng....giá
là mười hai đồng..... 12 \$ 00

3o Một cái tủ gỗ bán cho tên.....ở làng.....giá là hai
mười tám đồng..... 28 \$ 00

.....
(Như bán tới món chi mà người mua không tiền trả phải
dầu giá lại thì biên như vậy :)

5o Một đôi liên cần bán cho tên Nguyễn-văn-Giáp ở làng.....
giá là hai chục đồng..... 20 \$ 00.

Mà tên Nguyễn-văn-Giáp này không tiền trả, cho nên tôi bán
đôi liên đó lại cho tên Lê-văn-Ất ở làng..... giá là
mười tám đồng..... 18. \$ 00

Vì vậy, nên tên Nguyễn-văn-Giáp phải thường thêm 2 \$ 00
cho đủ giá nó trả trước (1).

Như số tiền bán nhằm đủ trả nợ và trả các số tiền tổn phí
thì biên như vậy :)

Xét vì tôi bán đến món đồ này, nhằm số tiền đủ trả nợ và
trả tiền tổn phí cho nên tôi thôi bán nữa ; tôi kêu tên....(tên

(1) Tiền thường đây nhập vô mấy số tiền bán đó, chứ chang ai được hưởng
nhờ.

họ người thiếu nợ), tôi giao các vật tôi chưa bán đến cho n
nhận lãnh, rồi tôi khóa tờ vi bằng này hồi.....(mấy giờ
và tôi cùng tên.....(tên người thiếu nợ, như khôn
có mặt nó thì đừng biên tên nó) và hai người chứng ký t
sau đây.

Người thiếu nợ,
(ký tên)

Hai người chứng,
(ký tên)

Hương-hào,
(ký tên)

Như bán hết đồ không chứa vật chi, thì bỏ khúc trên đ
biên thể vô như vậy :

Xét vì tôi đã bán hết, không còn món chi, nên tôi khóa tờ v
bằng này hồi.....(mấy giờ) và tôi có ký t
sau đây với tên.....(Người thiếu nợ) và ha
người chứng.

Khi bán và lập tờ vi bằng sự bán ấy xong rồi, thì hương-hà
phải bản thân đem nạp các tờ giấy chi thuộc về vụ bán đó và
nạp số tiền bán nơi phòng lục-sự mà lãnh tiền công (1).

Nhiều khi có người gởi đồ nơi nhà người thiếu nợ, đồ ấy
bị tịch biên và bị bán, không hay mà cần xin lấy lại. Khi đồ bị
bán rồi thì người chủ đồ ấy còn có phép vào đơn vô phòng
lục-sự mà xin chặn số tiền bán vật của mình gởi. Hoặc có
chủ nợ nào khác hay biết việc bán đồ người thiếu nợ, thì chủ
nợ đó được phép vào đơn và nạp giấy nợ nơi phòng lục-sự mà
xin chia số tiền bán đồ ấy.

Như có vậy thì quan Tòa xét hết mấy lá đơn, coi đơn ai
phải quấy, rồi ngài lấy số tiền bán đồ mà phân chia theo phép
cho những người nào đặc văn bằng.

Ấy đó, là việc bán đồ thập vật của người thiếu nợ, kỳ sau,
tôi sẽ chỉ cách bán điền thổ và cách bắt người thiếu nợ mà
giam thâu.

(1) Công đem nạp nơi phòng lục-sự các tờ giấy và bạc tính là 0\$80. Như
kẻ thiếu nợ hay là người chủ nợ xin sao lục tờ vi bằng bán đồ đó thì tính mỗi
trương ăn 0 \$ 20. Còn tiền công đứng bán, quan lục-sự tính trả cho, tùy số
tiền bán nhiều ít. Tiền công mấy người chứng cũng y như trước.

LÝ-TÀI KHOA

Đại-Việt Tài Nguyên

CHƯƠNG THỨ NHÌ.— CÔNG-NGHỆ

Đoạn thứ nhứt. — Nông-nghiệp Công-nghệ

(TIẾP THEO)

Đoạn Nông-nghiệp công-nghệ chẳng những là gồm bao Súc-mục với Tan-Tằm mà thôi. Xét cho kỹ thì nhà máy xay lúa, lò làm bột, lò nấu đường, lò cất rượu, v.v. cũng thuộc về đoạn ấy.

Đã biết tư-bốn với nhơn-công là hai đều cần nhứt của công-nghệ, hễ hai ấy có đủ thì bất luận xứ nào bày cuộc công-nghệ cũng được. Nhưng vậy những lò lập trong mấy xứ có sẵn nguyên-liệu thì sao cũng lợi hơn những lò lập trong mấy xứ không có; bởi vì trong mấy xứ không có nguyên-liệu mà mình lập lò công-nghệ thì phải mua nguyên-liệu xứ khác về mà chế tạo. Những đồ mua ở ngoài đem về đã bị tổn phí chở chuyên mà lại còn bị đóng thuế xuất dương nhập khẩu nữa, dường ấy đồ làm ra bán phải mắc hơn đồ làm trong mấy xứ có nguyên-liệu sẵn; mà hễ đồ một thứ mà bán giá mắc hơn người ta thì thế nào bán cũng khó.

Trong Đại-Việt này đồ nguyên-liệu thứ nào cũng sẵn có. Ấy vậy nếu quốc-dân lập được cơ xưởng rồi dùng những đồ ấy mà chế tạo thì chắc phải có lợi nhiều. Tôi xin chỉ riêng ít thứ Công-nghệ thuộc về Nông-nghiệp ra sau đây cho quốc-dân rõ thấy mà lần bước vào đường thiết nghiệp.

Nhà máy xay lúa

Theo những lời tôi đã tỏ trong *Đại-Việt Tập-Chí* số 1 t. trong Đông-Dương này tuy xứ nào cũng có làm ruộng lúa, song trong xứ Trung-kỳ, Cao-man và Lào, lúa làm may vừa đủ cho dân trong xứ dùng mà thôi, chứ không có dư mà bán cho Ngoại-quốc được. Ngoài Bắc-kỳ năm nào trúng mùa thì có dư được một vài chục muôn tấn, còn như thất mùa thì có vừa đủ dùng mà thôi. Bởi có ấy nên trong mấy xứ nói trên đây thuở nay không ai tính lập nhà máy xay lúa, mà nếu có tính lập ra thì chắc phải lỗ, bởi vì lúa không có đủ mà xay, phải đi mua lúa xứ khác chở về thì tốn phí nặng lắm. Còn trong Nam-kỳ mỗi năm số lúa dư để bán cho Ngoại-quốc thường-thường gần một triệu rưởi tấn; dầu có thất thế nào cũng có lúa dư luôn luôn.

Ấy vậy nếu nói tới chuyện nhà máy xay thì ai ai cũng xây mà ngo Nam-kỳ, bởi vì trong xứ này có sẵn lúa dư nhiều, nên lập nhà máy thì đủ lúa mà xay liên năm.

Trước khi Đại-pháp chiếm cứ Nam-kỳ thì xứ ta không có cuộc thông-thương. Lúa làm được bao nhiêu thì dùng trong xứ mà thôi, mà trong xứ dân số ít, còn lúa gạo nhiều dùng không hết, nên giá phải rẻ, mỗi gia bán năm bảy tiền mà thôi. Đại-pháp thấu phục Nam-kỳ rồi mới mở rộng cuộc thông-thương. Từ ấy các nước mới đem hàng hóa đến bán và mua lúa gạo chở về. Những người trí-thức dòm thấy lúa Nam-kỳ có chỗ bán, bèn tính lập nhà máy xay ra gạo mà bán cho dễ.

Nhà máy xay lúa khởi lập đã gần 50 năm rồi. Cái thứ nhất, thuộc của hãng Spooner Renard và Công-ty, lập trong năm 1869 để xay gạo lức và gạo trắng. Qua năm 1870 ông Cahuzac lập thêm một cái để xay gạo trắng. Khách-trú dòm thấy mỗi lợi nên qua năm 1877 chúng nó hùn vốn với nhau mà lập riêng một cái nữa, rồi từ đó lần lần lập thêm hoài cho đến ngày nay kể hết thấy là 10 cái nhà máy. Xin coi cái biểu sau đây mới thấy mười cái nhà máy ấy cái nào có được bao nhiêu cối xay gạo lức, bao nhiêu cối xay gạo trắng và mỗi ngày xay hết bao nhiêu lúa.

HIỆU NHÀ MÁY	SỐ cối xay gạo lức	SỐ cối xay gạo trắng	SỐ lúa dùng mà xay trong 24 giờ
Vạn-xương-Nguyên (Nam-long)...	18	16	650 tấn tới 700
Vạn-thuận-An.....	18	16	650 tấn tới 700
Vạn-đức-Nguyên.....	18	16	650 tấn tới 700
Vạn-ích-Nguyên.....	12	10	550 tấn tới 600
Nghĩa-xương-Thành.....	12	10	550 tấn tới 600
Vạn-hương-Nguyên.....	18	18	1.000
Vạn-thái-thành.....	24	24	1.200
Union (Nhà máy hội).....	12	10	500
Orient (Nhà máy thời).....	16	14	800
Di-Xương.....	Về nhà máy này thì kiểm không được số chắc nên không dám để.		

Những nhà máy kể trên đây đều lập tại Cholon. Trước khi Âu-châu khai chiến thì trong 10 cái nhà máy ấy 8 cái thuộc của khách-trú, còn 2 cái là nhà máy hiệu *Union* và nhà máy hiệu *Orient* thuộc của hãng Speidel và Công-ty, mà cũng có vốn của người Langsa hùn chút đỉnh. Vả Speidel là dân Đức-quốc nên khi có giặc Chánh-Phủ đuổi hết dân Đức ra khỏi xứ rồi tịch ký hết thấy sự sãn. Nhà máy *Union* và nhà máy *Orient* cũng bị tịch. Qua tháng Aoút năm 1915 Chánh-Phủ đấu giá bán hai cái nhà máy ấy thì khách-trú hùn nhau mà mua nhà máy *Union* giá là 570.000\$00 và nhà máy *Orient* giá là 785.000\$00. Từ ấy cả 10 sở nhà máy xay tại Cholon đều trọn về tay khách-trú.

Cách ít năm sau đây người trong Nam-kỳ ngó thấy mối lợi trong sự bán gạo trắng nên mon men lập nhà máy nhỏ nhỏ mà xay. Ở tỉnh Sóc-trăng ông Gressier là điền-chủ lớn, có lập được một cái nhà máy xay mỗi ngày chừng vài chục tấn gạo trắng. Đồng bang ta cũng có lập được 4 cái, ở Saigon một cái, ở Mytho tại Châu-thành một cái, tại An-Hóa một cái, và ở Rachgia một cái. Mới đây có một người khách-trú cũng lập thêm tại Rachgia một cái nữa, dặng xay gạo trắng

bán chớ tàu Hải-nam. Chúng ta cũng nên mừng cho đồng-bang ta đã có chí cạnh-tranh quyền lợi, song rất tiếc thay những nhà máy của đồng-bang ta còn nhỏ quá, mỗi cái mỗi ngày xay chừng một vài chục tấn gạo, đủ bán lẻ trong xứ dùn mà thôi, chớ chưa có sức chường ra mà chịu bán cho ngoại-quốc được.

Trong Nam-Kỳ ta sự mua bán lúa gạo là một mối lợi rất to tác. Ai cũng biết rằng xưa nay chúng ta chấy da phởn trắng lăm ra hột lúa rồi thì phải đem đến khách-trú mà bán, họ thấy vậy du bưng định giá bao nhiêu mình cũng phải chịu. Sự mua bán lúa gạo có nhiều chỗ ứ huất kè chẳng xiết, song nếu nói nơi đây thì lạc đề mục. Vậy tôi xin để qua chương *Thương-cổ* tôi sẽ phân tỏ. Nay tôi chỉ luận sự lợi hại trong cuộc lập nhà máy xay mà thôi.

Vả bấy lâu nay các nước mua lúa gạo Nam-kỳ phần nhiều thường hay hỏi mua gạo trắng hoặc gạo lúc cho nhẹ tồn phởn chớ chuyên. Nếu chúng ta muốn thông-thương với các nước mà chúng ta không có nhà máy thì làm sao mà chịu giá gạo cho được. Ấy vậy nếu đồng-bang thiết có lòng muốn vẫn hưởng quyền lợi cốc mề của xứ mình, muốn của mình làm ra mình được định giá mà bán, muốn thoát khỏi tay khách trú làm trung gian mà chia bớt mỗi lợi của mình, thì chẳng kể chi hay chớ bằng lập nhà máy cho đủ mà xay lúa của mình.

Tôi cũng chán biết sự lập nhà máy là một sự rất quan hệ chẳng phải một ngày một bữa mà tính cho rồi được. Tuy vậy mà theo kinh-tế học-thuật nếu muốn cho lý-tài trong nước được sung túc thì phải lo phương liệu thế mà nắm cho được cái quyền rồi sau muốn day trở bề nào mới dễ. Xin đồng-bang chớ khá nghe tính lập nhà máy mà dục mình. Tuy nói cuộc ấy là cuộc cả thề, mà nếu đồng-bang thiết có lòng muốn tấn hóa cho kịp người, muốn tranh lợi với người, thì dầu sự khó thế nào cũng phải làm cho được. Xin nghĩ đó mà coi, Khách trú Kiều-cư trong xứ ta kể hết không đầy 20 muôn người mà họ còn kiếm thế hiệp sức hùn tiền mà lập được 10 cái nhà máy dặng chiếm mỗi lợi cốc mề của ta thay, hưởng chi quốc dân Nam-kỳ đếm hơn 3 triệu người, cũng hiểm tay trí-thức

rộng cũng hiểm nhà tư-bồn lớn, há lại không thể mà làm được như Khách-trú vậy sao ?

Theo đạo kinh-tế muốn làm việc chi trước hết phải nghiên-cứu cho kỹ-lưỡng rồi mới đặt phương-pháp mà thi thố. Sự lập nhà máy xay lúa là một lối kinh-tế yếu hệ hơn hết của quốc-dân Nam-kỳ, mà cũng là một cuộc rất khó tính thiệt. Vậy nay đồng-bang muốn tán thành cuộc ấy thì phải suy xét kỹ lưỡng mỗi đường lợi, mỗi nẻo hại mới được, phải tính coi bây giờ lấy vốn đâu mà làm, tính coi phải mua máy nơi xứ nào mà dùng, tính coi có người đủ sức đứng cai quản chẳng, tính coi phải lập tại chỗ nào, tính coi phải làm làm sao cho có đủ lúa mà xay luôn luôn, tính coi phải làm làm sao cho gạo mình xay ra đó có thể mà bán cho các nước được, tính coi sự bán gạo phải làm thế nàoặng chỗ chuyên cho thuận tiện, tính coi những nhà máy của khách-trú đã có sẵn rồi đó có thể nào tranh lợi cùng mình chẳng.

Ấy là những điều chúng ta phải nghiên-cứu trước khi khởi công đó, bởi vì nếu chúng ta không tính trước cho kỹ, hề muốn làm thì vụt ra làm, không có phương-pháp, e phải mang lấy những điều thiệt hại.

Đề qua kỳ sau tôi sẽ tỏ sơ ý-kiến của tôi về sự lập nhà máy trong Nam-kỳ và tôi sẽ xin những đấng thức-giả trong Việt-Nam luận thêm đặng giúp đồng-bang mau tấn bộ trong cuộc lợi ích này.

(Sáu sẽ tiếp theo)

Biều-Chánh.



NÔNG-NGHIỆP TƯƠNG-TẾ HỘI

(TIẾP THEO)

Cách sắp đặt trong hội

Đồng-bang đọc ba bài trước rồi thì chắc thấy rõ sự lợi ích và các tổ chức hội Nông-nghiệp Tương-tế rồi. Vậy nay tôi xin chỉ tiếp cách thi thố đặng giúp cho những đấng nhiệt thành phần công ích dễ mà điều dặc Đồng-bang vào đường Tương-tế.

Nếu điền-chữ và tá-diễn trong tỉnh nào mà muốn lập hội Nông-nghiệp Tương-tế theo thể lệ định trong lời nghị ngày Novembre 1912, thì phải nhóm nhau cho được chừng 50 người sắp lên rồi lấy kiểu điều lệ tôi đã lập trong Đại-Việt Tập-Chí số 5 đó mà nghiệm-cứu, hoặc muốn thêm, hoặc muốn bớt điều chi tùy ý. Điều lệ định xong rồi thì chọn trong những điền-chủ lớn và những người trí-thức mà cử chín người đặng làm hội viên lãnh phần cai-quản. Phải lập sổ biên tên họ những người có mặt tại đó và ưng chịu vào hội, rồi mỗi người ký tên vào sổ ấy ngang tên mình.

Việc xong rồi bèn chép sạch hai bản điều-lệ và làm hai cái sổ biên tên họ hết thấy hội-viên. Điều-lệ và sổ ấy thì hội-dồng cai-quản ký tên rồi đem nạp cho quan Tham-Biện Chủ-tỉnh và xin gửi lên cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ phê. Hễ quan Nguyên-soái phê rồi thì in ra nhiều bản, Chánh-Hội-Trưởng và Từ-hàn phải ký tên hai bản điều-lệ mà nạp cho quan Chủ-tỉnh với hai cái sổ biên tên họ những viên chức hội-dồng cai-quản. Cũng phải phát cho Hội-viên mỗi người một bản điều-lệ có biên tên họ và số hiệu của mình theo sổ trưởng. Hễ nạp điều-lệ cho quan rồi thì hội lập thành.

Vả hội Nông-nghiệp tương-tế muốn cho có thể lực thì phải đông hội-viên mới được. Ấy vậy hễ quan phê điều-lệ rồi thì phải vận động cùng trong tỉnh, phải cáo báo cho nhơn dân biết chủ-

Ề HỘI

nghĩa của hội đảng chiêu tập hội-viên. Trong làng nào, hoặc tổng nào có đủ số trên 50 hội-viên thì được phép lập hội ngành. Như chỗ nào hội-viên đông quá thì được phép chia làm hai ba ngành.

Chỗ nào muốn lập ngành thì phải cho Hội đồng cai-quản hay trước rồi nhóm nhau lại mà cử một Chánh hội-trưởng, một Phó hội-trưởng, một Thủ-bồn và một Từ-hản.

Hội-đồng cai-quản hội Nông-nghiệp tương-tế mỗi tháng nhóm một kỳ và nhóm ngày nào phải định trước cho chắc. Mỗi kỳ nhóm ấy thì các hội ngành phải sai phái-viên đến dự nhóm đảng hiệu các điều của Hội-đồng cai-quản bàn luận rồi về tổ bày lại cho hội ngành biết. Như hội ngành nào không sai phái-viên đến dự nhóm và nên nhóm có tính sự chi lợi ích mà nên cho các hội-viên biết thì Hội-đồng cai-quản phải viết thơ mà truyền lại cho hội ngành.

Chữ-nghĩa quan hệ hơn hết của hội Nông-nghiệp Tương-tế trong Nam-kỳ là lập thế đảng làm cổ sản vốn mà cho người trong hội vay cho nhẹ lời và đảng thoát khỏi tay khách-trủ làm trung-gian trong sự mua khí cụ và sự bán thổ sản. Ấy vậy hội lập thành rồi thì các hội ngành phải nghiệm-cứu thế nào đảng cất kho tàn để trữ lúa của hội-viên và đảng có bạc sản mà cho hội-viên vay cho dễ. Sự cho vay xin để sau tôi sẽ phân rõ. Nay tôi chỉ nói một việc cất kho trữ lúa cùng các thổ sản mà thôi.

Nếu kho tàn cất rồi trong mỗi phần sở thì những hội viên đều được đem lúa mà gởi nơi kho phần sở mình đảng chờ khi nào có giá cao sẽ bán một lược. Mỗi năm đến kỳ định thâu lúa vào kho thì hội Ủy-viên phần sở chọn ba người rồi trí ở đó luôn luôn mà coi thâu lúa cho đến chừng nào thâu hết lúa mới thôi.

Hề lúa của Hội-viên chở đến thì ba người Kiểm-sự ấy phải coi lường rồi đổ vào bao cân lại. Lúa nên lựa giống dài hột để theo dài, thứ tròn hột để theo tròn. Còn lúa xấu như mục ằm, thì phải bắt, không cho vô kho; làm như thế là có ý muốn giữ danh tiếng lúa tỉnh mình đảng bán cho cao giá.

Mỗi Hội-viên đều có tên trong sổ trường tại phần sở. Dem gởi lúa bao nhiêu đều có ghi vào sổ ấy và chừng bán lúa rồi, truất tiền tồn phí như ; mua bao, canh giữ, cân lường v. v. hết bao nhiêu còn bao nhiêu hội-viên lãnh về cũng có biên vào sổ. Mỗi người Hội-viên lại có một cuốn sổ cầm tay. Cuốn sổ này cũng biên y như trong sổ trường vậy.

Trong sổ trường và sổ cầm tay đều phải biên cho rõ ràng người hội-viên nào ngày nào gởi lúa đong được bao nhiêu thùng (phải dùng thùng 40 litres cho có mứt), cân nặng bao nhiêu kilos và gởi thứ lúa chi. Khi phần sở thâu hết lúa rồi bèn gởi giấy cho Hội-đồng cai-quản mà nói coi phần sở mình trữ lúa cộng được bao nhiêu thùng và cân là bao nhiêu kilos.

Nếu phần sở nào có trữ bắp, đậu, cùng thổ sản chi khác thì cũng coi cân lường và vô sổ y như lúa vậy.

Còn khi thâu lúa cùng các thổ sản vào kho thì nên định việc chở chuyên đến vừa, việc vát lên vừa, mà đong và cân thì về phần hội-viên của ai nấy làm. Sự vô bao, vát bao sắp trong vừa, sự canh giữ và sự bán lúa ấy thì phần sở lo mướn người làm rồi đến khi bán lúa sẽ truất tiền trong phần mỗi người, ai gởi nhiều chịu nhiều, ai gởi ít chịu ít, mà trả tiền tồn phí ấy.

Sự bán lúa và đồ thổ sản trong kho, hễ khi nào có giá thì phải nhóm các hội-viên phần sở mà bàn nghị. Như phần đông định bán mới được bán. Sự bán này hoặc các phần sở giao quyền cho hội-đồng cai quản liệu định cũng được. Trong Đại-việt Tập-Chí số 3 tôi đã tỏ rằng hễ lúa mình bán một lần nhiều thì mình bán thẳng cho nhà máy khỏi cạy tay khách-trú làm trung-gian mà mất lợi.

Tôi vẫn biết sự chọn ba người kiểm-sự coi thâu lúa vào kho là sự khó. Song hội Nông-nghiệp tương-tế lập ra chủ ý để giúp đỡ nhau, bởi vậy mỗi người hội-viên đều phải có lòng tương-tế tương-trợ mới được. Sự chọn ba người kiểm-sự này mỗi năm phần sở nào lựa người mà cứ theo phần sở nấy. Như không ai chịu lãnh trách-nhậm ấy thì phải bỏ thăm, nhằm ai nấy chịu. Vả chức kiểm-sự trách-nhậm rất lớn và công-phu cũng nhiều, bởi vậy khi bán lúa rồi phải chuẩn một số tiền mà thưởng công những người ấy.

Này giờ tôi luận đây là luận việc bán đồ thổ sản. Còn sự mua vật dụng như : cây cuốc, xuồng, phân, phân, giống, muối v. v. thì mỗi năm Hội-dồng Cai-quản phải hỏi các phần sở coi chỗ nào muốn mua vật chi bao nhiêu. Các hội-viên đến hội Ủy-viên phần sở mà khai rồi hội Ủy-viên cho hội-dồng cai quản hay.

Hễ khai các phần sở đến đủ rồi thì Hội-dồng Cai-quản cộng coi thứ nào cần dùng bao nhiêu mới gởi giấy thẳng đến chỗ làm vật đó hay là chỗ trữ vật đó mà mua dặng về phân phát lại cho các phần sở. Nếu mình chung lại mua một lần được nhiều đồ thì sao giá cũng rẻ hơn là mỗi người đến tiệm nhỏ mà mua lẻ.

Tôi tưởng quốc-dân đọc những bài tôi luận về Nông-nghiệp Thương-tế trong mấy tháng nay thì ai cũng rõ sự lợi ích về cuộc ấy và cũng hiểu cách thể lập hội rồi. Tôi thầm ước ao sao trong Nam-kỳ những đấng nhiệt thành về đường công ích thấy đều xướng ra, mỗi tỉnh lập thành một hội *Nông nghiệp Thương-tế*, dặng điều đặc nông-gia trong xứ ta vào đường kinh-tế, dặng bảo bọc quyền lợi cho những kẻ điền-phu, và dặng rộng mở lý-tài cho nhau cộng hưởng.

Trộm nghĩ lúc này là lúc Chánh-phủ toan lo khai hóa quê hương ta, mà coi lại quốc-dân ta cũng có mỗi muốn thức tỉnh mà tranh quyền lợi cùng thiên hạ. Ấy là một dịp rất may mắn cho chư thức-giã thì thổ đó. Vả Nam-kỳ là xứ diên-phi địa quăng, cái mỗi lợi về phần Nông-nghiệp chẳng có mỗi lợi nào bị kíp. Nếu thức-giã muốn cho đồng-bang năm trọn được quyền lợi ấy thì chẳng chỉ hay hơn là chằm chước mà lập thành hội *Nông-nghiệp thương-tê* cho nhiều, Xin Đồng-nhơn lưu ý,

Hồ-văn-Trung.

Việt-Nam nhập địa phân chất

Rút trong báo Le Courrier Saïgonnais

ngày 28 Février 1918

Bên Âu-Châu chưa từng thấy xứ nào có nguyên-liệu mà chẳng có lập cuộc công-nghệ đặng chế tạo nguyên-liệu ấy bao giờ, như chỗ nào có than đá thì tự nhiên có hăng lấy than, chỗ nào có đất sét thì chắc có lò hầm gạch, chỗ nào có khoán-vật thì liền thấy ống khói đầy trời, chỗ nào có đất sét trắng thì sao cũng có lò hầm đồ kiêu.

Bên Pháp-quốc ta, đất nầm có từng có lớp, lớp nào cũng có chỗ dùng, dùng lớp này rồi thì dùng tới lớp kia, chẳng hề bỏ qua một mảy nào hết. Chúng ta chưa từng thấy địa hạ tài-nguyên nào mà mọt không dùng bao giờ. Tuy trông vậy chớ cũng có, mà có là có tại mấy xứ đất còn mới kia, bởi vì trong mấy xứ mới ấy chưa ai dò thử, chưa ai biết lấy mà dùng, chớ dưới đất dầu kính biết bao nhiêu sản vật.

Những đấng bác-sĩ của ta có làm nhiều sách vở nói về khoa học; chúng ta đọc sách ấy rồi thì hay nói chẳng có điều chi mà chúng ta chẳng biết. Thiet chúng ta cũng hiểu xứ nào cũng có tài sản riêng, đất nào cũng có vật liệu riêng; những điều ấy đều có nói trong sách vở của chúng ta học cả. Tuy vậy mà chúng ta chớ nên tiềm những sự cao xa; ước xin sao con người biết dùng cho được những vật thường thấy mỗi ngày, biết lấy cho hết những đồ chắt chứa dưới đất, thì hay hơn là kiếm học cao kỳ mà không dùng vào đâu được hết.

Ấy vậy chúng ta chẳng nên kiếm sự khó làm chi, nên tính những việc dễ làm dễ hiểu. Dưới một khoản đất nào cũng có nhiều thứ sản vật, vậy khá lấy mà dùng những đồ mình đã biết rồi, chớ khoan tính kiếm những đồ mình chưa biết. Nếu trong các thuộc địa chỗ nào chúng ta cũng làm như vậy, thì chẳng có nước nào giám sánh tài nguyên với nước ta cả. Mà muốn làm cho được

như vậy, thì đừng có dò lẩn theo đường cũ hoài, phải chuyên tâm sáng tạo, phải biết thể cái cách mới được. Xưa nay chúng ta ít ư chế sữa ít ư bày đặt. Ấy là cái lỗi của chúng ta đó. Chúng ta phải tập cách thiết hành mới được. Hễ thấy trong nước nhà ta có một vật liệu chi đó thì phải mau mau lấy mà dùng, chớ đừng có để người ngoại quốc họ hay họ làm thì uổng lắm.

Hôm nọ tôi đã có nói rằng phải làm cho cuộc công-nghệ trong cõi Đông-Dương này thanh phát mới được. Tôi đã có hỏi vì cớ nào mà mía của Việt-Nam lại không dùng làm đường mà bán tại đây? vì cớ nào mà bố của Việt-Nam lại không dùng làm bao đựng lúa? vì cớ nào mà không chịu đánh dây? vì cớ nào mà không chịu dệt vải? vì cớ nào mà không chịu dùng dừa mà làm bơ (beurre) như bên Ấn-Độ vậy?

Đến những sản vật ở dưới đất muốn hỏi như vậy cũng được nữa. Hôm nọ tôi đã có hỏi vì sao mình chớ đồng sống qua cho Nhứt-bồn rồi mua đồng lá đem trở về mà dùng? Mình không biết nấu đồng rồi làm ra lá như họ vậy sao?

Trong xứ này dưới đất còn chứa nhiều nguyên-liệu, chỉ đợi ta ra công thì làm lợi. Những vật chúng ta đã thấy thì nhiều rồi, còn những vật ta chưa thấy lại nhiều hơn nữa. Nghĩ đó mà coi có phải dân sự xứ này có sẵn vàng đồng đó không, hễ giơ tay ra thì hốt được

Nếu chúng ta hỏi thử mấy người tự thuở nay không ra khỏi Mậu-quốc vậy chớ tánh chất của vùng đất Việt-Nam này ra thể nào, thì sao họ cũng biểu chúng ta vẽ địa thể cho họ coi; mà hễ họ hiểu địa thể rồi thì sao họ cũng nói đất Việt-Nam phần nhiều là đất bưng.

Tức cười hay không? Phần nhiều là đất bưng chớ! Trong Nam-kỳ đất có nhiều thứ chớ phải đất bưng không hay sao? Đất ấy có nhiều chỗ thì là đất sét xấu, mà tùy nói xấu chớ dùng làm ngói gạch cất nhà tốt lắm. Còn có một hai chỗ lại có đất sét rất tốt; thứ đất ấy thuở nay Trung-quốc và Nhứt-bồn dùng làm đồ kiêu mà bán cho các nước đó.

Trong xứ Đông-dương này nghề đào-khi còn sơ siêng lắm. Nếu ai biết dùng đất sét tốt mà dựng nên một lò gốm, chế tạo những đồ dùng thường thì lợi biết chừng nào. Gần Cholon, tại Cây-mai, có lập được ít lò, song trong mấy lò ấy dùng đồ khí cụ vụng về lắm, nên làm đồ không được tốt. Nếu ai đến đó lập lò đào tạo theo cách văn-minh thì sẽ làm được đồ tốt hơn nhiều ; và có lẽ cũng làm đồ kiểu được nữa.

Cuộc Công-nghệ này ở xứ nào cũng lập được cả, chẳng luận xứ lạnh hay là xứ nực. Nay trong Nam-kỳ có đất sét tốt, mà hơn công lại nhẵn tảnh và xáo thũ thì chắc sao cũng làm đồ tốt như bên Mầu-quốc được.

Hiện kiêm người Annam đã có làm tộ chén dùng mà ăn cơm. Tuy còn vụng về, song đã biết sơn màu sơ sơ và biết vẽ bông chít dích. Nếu có người điều khiển giỏi và có đồ khí cụ sẵn, thì chắc sao cũng làm khéo được mà dùng, khỏi mua của ngoại-quốc chở về, bị bề dọc đường làm cho giá lên rất mắc.

Mới đây mỹ-thuật-gia của ta là ông Joyeux có chỉ cho thợ Annam cách nắn dĩa, cách vẽ bông và cách hăm đồ kiểu. Có lẽ rồi đây chúng ta sẽ thấy tại xứ ta làm được những chậu chạm bông, những lục-bình cao cổ chớ chẳng không.

Ấy vậy chúng ta nên gia tâm trong việc này, nên lập cho thành cuộc công-nghệ này. Những người Langsa ở trong xứ này đã nhiều rồi. Nếu ta lập lò làm chén, đĩa, tô, chậu, lục-bình mà bán cho những người ấy dùng, khỏi mua bên Mầu-quốc thì cũng bộn rồi. Đường ấy chúng ta khỏi lo việc chở chuyên khó lòng, và đồ làm tại đây thì sao giá bán cũng rẻ hơn đồ xứ khác chở đến. Ở Nam-kỳ có đất sét tốt và sự lập lò chẳng khó chi. Nếu chúng ta đào tạo được những đồ bằng kiểu thường dùng đó dạng mà dùng khỏi mua của ngoại-quốc thì khoái biết chừng nào.

E. Daure.



Bài luận của ông E. Daure trên đây lợi ích biết dường nào, nhằm lẽ biết chừng nào ! Vùng đất Việt-Nam ta đây nào phải là rỗng đất bùng, để dùng mà cấy lúa đâu. Có nhiều chỗ đất sét rất tốt, nên lập lò gốm mà đào tạo đồ kiểu cũng đáng chờ

Ngoài Bắc-kỳ, tại Thanh-tri, cách Hà-nội ít ngàn thước, đồng bang ta đã có hùn với nhau mà kinh dinh một cuộc lò-gôm rất lớn. Người Quản-lý khi trước có du lịch bên Trung-quốc, đã có lấy được cái nghề đào tạo đồ kiểu của Chi-na, nên về mới kêu hùn lập hội mà làm đó. Hiện kiêm lò của đồng-bang ta tại Thanh-tri làm những tô, chén, đĩa, không thua chi đồ kiểu của Tàu. Chẳng kể tiểu-công, sô thợ khéo trong lò ấy đem trên 100 người. Lò để hăm đồ đã xây được một hai cái. Có nghe nói quan Quản-dốc sở diển-tín đến viên lò gồm này, có thử coi những con ốc để gắn trên đầu cột dây thép. Ngài vừa lòng lắm và hứa sẽ đặt làm cho Nhà-nước.

Trong Nam-kỳ tại mấy tỉnh ở miền hướng đông là Biênhoa, Giadinh và Thudáumot có nhiều chỗ có đất sét tốt, làm đồ kiểu cũng được lắm. Nếu đồng-bang trong Nam biết làm như đồng-bang ngoài Bắc, hai đảng giúp đỡ chỉ biểu cho nhau dựng làm cho cuộc đào khi công-nghệ trở nên thanh phát, thì ích lợi cho quê hương, nở mày cho Đồng-chúng biết chừng nào.

Xưa nay quốc-dân ta dùng đồ kiểu mỗi mỗi đều mua của Tàu, thường năm tốn hao mấy triệu đồng bạc. Nếu mình làm được tại trong xứ mình rồi bán cho người mình dùng thì vinh lợi biết bao.

Qui-Thành

Bán hột đu-đu dầu

Từ khi Âu-châu khởi chiến đến nay, Mầu-quốc ta càng ngày càng làm máy bay thêm hoài đang dùng theo mặt trận. Vả máy bay thì mỏng mảnh lắm, nên phải dùng dầu thiết trong mà chui mới được. Thuở nay duy có thứ dầu đu-đu chui máy bay được mà thôi, bởi vậy Chánh-Phủ Đại Pháp kiếm mua trong các thuộc địa đem về mà dùng.

Từ khi Huê-kỳ khai chiến với Đức-quốc thì Chánh-Phủ lại cần mua dầu đu-đu hơn nữa, bởi vì Huê-kỳ tính đem mười muôn cái máy bay qua mà giúp cho Mầu-quốc,

Mấy năm nay Đông-Dương ta thường trông mong cho có diệp mà đến ơn đáp nghĩa cho Mầu-quốc, nên vừa nghe Mầu-quốc cần dùng dầu đu-đu mà gìn giữ nước nhà, thì cả quốc-dân đều tranh nhau trồng đu-đu, trước là bán cho Chánh-Phủ mà lấy lợi, sau là trả nghĩa khai hóa luôn thể. Có nhiều người lại kiếm mua hạt đu-đu rồi đem về ép ra dầu, tưởng làm như thế một là có lợi nhiều, hai là thuận tiện bề chuyên chở. Chấn dè dầu đu-đu làm tại Đông-Dương bên Mầu-quốc không bị mua, làm cho phải ối, không có chỗ mà dùng được. Mỗi thán nay mấy người có dầu mà bán không được đó phiên trách vì sự thất lợi và có ý tưởng mấy hãng làm dầu bên Mầu-quốc sợ Đông-Dương dục mỗi lợi nên kiếm thể mà làm ngăn trở như vậy. Vậy tôi tưởng nên lọc mấy lời của ông Emile Baillaud là Thuộc-địa kinh-tế cuộc Từ-Hàn tại Paris ra sau đây cho quốc-dân rõ biết vì sao Chánh-Phủ khuyên phải trồng đu-đu cho nhiều mà lại không chịu mua dầu đu-đu.

Vả dầu đu-đu dùng mà chui máy bay thì phải cho thiệt trong và phải có mùi chua vừa vừa thì chui mới khỏi hư máy. Dầu đu-đu bên Đông-Dương, Trung-Hoa và Nhật-bồn thì thường đục lấm và lại chua thái quá nữa, bởi vậy nên đem về Mầu-quốc chui máy bay không được. Đã biết dầu ấy nếu đục thì chổ ở Pháp-quốc rồi lọc lại cho trong cũng được; song nếu lọc lại thì dầu phải mất một phần mà lại còn phải tốn hao thêm về sự sang sớt, về sự làm thùng lại nữa. Nếu tốn hao thêm mà làm ra dầu tốt dùng được thì cũng chẳng hại chi, ngặt dầu đu-đu xừ ta đem về Mầu-quốc làm trong thì được mà làm cho bớt chua không được. Đã biết lúc này mấy nhà chế tạo bên Pháp-quốc cũng đang kiếm thể mà làm cho dầu đu-đu bớt chua, song Chánh-Phủ đã tính rồi, thể nào chổ dầu cũng bất tiện hơn là chổ hạt đu-đu. Chánh-Phủ đã có thí nghiệm hể 2500 kilos hạt đu-đu thì làm ra được 1.000 kilos dầu. Ấy vậy trong 100 kilos hạt thì lấy dầu nước nhứt được 30 kilos, dầu nước nhì được 10 kilos, còn xát hết 60 kilos. Dầu nước nhứt dùng chui máy bay, dầu nước nhì dùng chui các máy khác, còn xát dùng làm phân rất quí vì từ khi có giặc đến nay nông-gia lấy làm bối rối về cái vấn-đề mua phân lấm.

Còn trong sự chở chuyên thì tính lại chở dầu tốn tiền sở phí nhiều hơn chở bột; ví như chở 1.000 kilos dầu thì ra tới 1.250 kilos vì thùng đựng nặng tới 250 kilos; còn chở 1.000 kilos bột thì số bao nặng thêm chừng 15 kilos mà thôi. Đã vậy mà chở thùng hay mất dầu vì thùng cây thế nào khỏi chảy cho được. Còn như tính dùng lu mái mà chở thì tốn bao nhiêu mà lại chất đồng dưới tàu không được cặng bất tiện hơn nữa. Bởi các cơ đó nên Chánh-Phủ mua bột đủ chở không chịu mua dầu. Vậy quốc-dân ta nếu có lòng muốn vừa giúp cho Mầu-quốc trong sự thảo trừ Đức-Tặc thì khá trồng đủ cho nhiều đặng bán bột cho Chánh-Phủ, chở đừng có làm dầu vì dầu ấy chở chuyên bất tiện mà lại tại xứ mình làm không được tốt nữa.

Thứ-Tiên

Đệ Huynh tranh luận

(tiếp theo)

Qua ngày sau Nguyễn-đệ mặc đi viễn thân bằng. Đến chiều trở về cơm nước rồi mới mời anh chị và kêu vợ vào thư phòng mà nghe thuật tiếp chuyện hành trình của mình.

Đệ. — Hai bữa rày tôi đã thuật rõ ràng sự học vấn và cách cư xử của người Langsa cho anh chị nghe rồi. Vậy nay anh hai còn muốn nghe đến việc chi nữa.

Huynh. — Trước khi ra đi em nói em tính sang Đại-pháp đặng dò đường thương-cổ và công-nghệ coi món chi nên bán, cuộc chi nên lập, rồi về mà làm ăn. Em đi một năm nay em coi nghề nào nên làm đâu, em nói thử nghe chơi.

Đệ. — Sự làm ăn của em thì đã quyết định rồi; vậy nếu em nói cho anh nghe rồi anh chịu hùn với em hay không?

Huynh. — Không. Dầu em nói thế nào qua cũng không thêm.

Đệ. — Sao vậy?

Huynh. — Khó quá em. Chớ em không thấy mấy năm trước ở Mytho, ở Sadec, ở Cholon, ở Bienhoa mấy ông văn-minh tân-bộ bày lập tiệm rồi mất vốn hết đó sao?

Đệ. — Anh nói vậy thiệt em buồn quá. Trong cuộc làm ăn may thì lời; chẳng may thì lỗ, có cang chi mà sợ. Họ hư mình làm sao đừng hư mới hay cho chớ.

Huynh. — Tiền xa ký phúc, hậu xa giới chi.

Đệ. — Anh cứ mấy chồ hư anh chỉ hoài; sao anh không xét giùm rằng tuy có năm ba tiệm hư khi trước, mà nay cũng có được mấy mươi tiệm đã nên rồi.

Huynh. — Nên vật gì. Thật anh cũng có nghe nói bây giờ Annam có lập được ít tiệm, mà thứ tiệm nhỏ nhỏ đó mà lỗ lóm bao nhiêu.

Đệ. — Ban đầu nhỏ rồi sau mới lớn chớ.

Huynh. — Thôi, bây giờ em tính làm ăn thế nào?

Đệ. — Mà em nói rồi anh chịu hùn hay không?

Huynh. — Em muốn mang nghèo thì em làm đi mà, rủ anh làm chi.

Đệ. — Nếu vậy thì nói cho anh nghe có ích chi đâu.

Vợ đệ. — Thầy ba này, anh hai ảnh không ham mua bán thì thôi; nếu thầy ép uồn đây, sau ruồi lỗ ảnh phiền thầy đa.

Đệ. — Em không hiểu, mua bán thì lời chớ sao mà lỗ được.

Huynh. — Đừng kè chắc như vậy em.

Vợ đệ. — Đâu thầy nói thử coi thầy thấy bên Langsa họ mua bán làm sao mà thầy chắc lời lắm vậy.

Đệ. — Trong cuộc thương-cổ và công-nghệ có nhiều bí thuật lạ lùng nói chẳng xiết. Những người chuyên nghề ấy thường hay tùy thời mà liệu định. Nhưng vậy mà người buôn bán yếu cần phải có mấy tánh này: 1^o siêng-năng, 2^o thành-thiệt, 3^o kỹ-luỡng, 4^o vui-vẻ.

Cuộc thương-cổ bên Mầu-quốc ta to tác đồ-sộ vô cùng. Vì như cuộc mua bán ấy mà gần thử chừng năm mươi ngày thì trong nước thiệt hại cũng không biết bao nhiêu mà kể. Hèn chi mấy kinh-tế-gia trong các nước văn-minh họ nói: « Quốc dĩ thương vi bản » thật phải lắm.

Huỳnh. — Quốc dĩ nông vi bản, chớ sao lại dĩ thương.

Đệ. — Trong Nam-kỳ điền phi địa quảng, xưa nay dân sự nhờ ruộng rầy mà ấm no, nên đồng với nhau mà cho là nông vi bản. Chớ nước người ta nông-vụ đã tinh tấn rồi mà thương-nghiệp lại còn lợi hơn nữa, nên người ta mới lấy chữ thương làm gốc.

Đế em nói cách buôn bán của Đại-pháp cho anh chị nghe rồi mới biết chẳng phải em *cượng từ* mà *đoạt lý*. Chẳng nói chi việc tiểu-thương, mua đồ tỉnh này đem bán cho tỉnh kia, xây vắn trong nước, bởi vì sự ấy là sự thương, dầu nước nào chưa khai hóa cho mấy đi nữa cũng có vậy. Có việc lạ xưa nay người mình chưa từng biết là cuộc thông-thương kia.

Trong nước có nhiều thứ thổ sản hoặc đồ chế tạo nhiều quá dân sự dùng không hết. Theo lẽ tự nhiên hễ vật chi mà nhiều quá thì giá phải rẻ. Ấy vậy những người làm ra đồ thổ sản hoặc đồ chế tạo ấy, nếu muốn bán cho được cao giá thì phải kiếm trong nước khác coi chỗ nào ít thứ đó thì chở đến mà bán. Đã vậy mà trong nước lại có nhiều thứ không có hoặc có mà ít lắm không đủ cho dân sự dùng. Lẽ thương hễ vật chi ít thì giá mắc. Ấy vậy người trong nước muốn có lợi, nên ra buôn bán, kiếm trong nước khác coi chỗ nào có dư nhiều mấy vật trong nước mình cần dùng đó, thì mua về mà bán lại.

Có chỗ đồ trong nước mình đi bán cho nước khác và có mua đồ nơi nước khác đem về trong nước mình mới hóa thành cuộc thông-thương. Mỗi lợi trong cuộc thông-thương to tác kể chẳng xiết. Bên Mầu-quốc ta tại mấy hải-khâu, trên bờ thì kho tàng cất đầy dọc dẫy ngan dặng mà qui tụ sản vật để chở đi các nước, hay là cửa trũ hàng hóa của các nước gửi lại; còn dưới nước thì tàu ra vô chẳng ngớt, chiếc lớn chiếc nhỏ đều đầy vạp hàng hóa. Lấy đó mà suy thì biết những người mua bán hàng hóa ấy lợi là dường nào. Anh hai nghĩ coi, nếu ra mua bán thì lỗ, thì làm sao cuộc thương-cổ người ta được trở nên đồ sộ như vậy.

Huỳnh. — Em thấy vậy rồi em nói *thương vi bản* hay sao? Nếu không có *nông* thì đồ đâu mà buôn bán đó?

Đệ. — Ấy là em nói cuộc thương-cổ. Chớ còn nông-nghiệp người ta cũng tinh-tấn lắm. Nội nước Langsa chẳng có một chỗ đất nào mà bỏ hoang như bên mình vậy, hễ liệu trồng thứ này không được thì trồng thứ khác, thậm chí mấy chỗ cao quá đem nước lên không được mà trồng lúa trồng cây tui người ta trồng cỏ dặng nuôi thú vật.

Mà anh tưởng những đồ của Langsa chở đi bán cho ngoại-quốc đó là đồ thô sản hết hay sao? Em coi phần nhiều là đồ chế tạo đó anh. Trong nước người ta dân sự tấn hóa vô cùng, bởi vậy nên người nào chuyên về nông-nghiệp thì chuyên, còn cũng có người chuyên về mở mang công-nghệ. Bên Mầu-quốc em coi lại chẳng có vật dụng chi mà không làm ra, có nhiều công xưởng dùng nhơn-công đến năm bảy ngàn người. Nông-vụ và công-nghệ được tinh tấn như vậy nên cuộc thương-cổ mới quảng đại được.

Huynh. — Em có coi những hàng mua vô bán ra đó là thứ gì hay không?

Đệ. — Em coi kỹ lắm chớ.

Huynh. — Nếu vậy bây giờ em tính mua những đồ ấy đem về đây mà bán hay sao? Cha chả! khó dữ há! có nhiều món như nón tây, nỉ đen, Annam mình ít dùng lắm mua về bán sợ không được. Còn bán thì có nhiều thứ như rượu chác, xà-bong, trong xứ mình không có em mới làm làm sao mà bán ra cho các nước được?

Đệ. — Anh nghĩ lếu quá! có phải vậy đâu.

Huynh. — Vậy chớ em tính mua bán, mà mua vật gì và bán vật gì?

Đệ. — Xứ nào theo xứ nấy chớ. Trong Nam-kỳ nếu muốn tính cuộc thông-thương, hễ bán ra cho các nước thì bán lúa, gạo, tiêu, bắp, dừa, cá khô, trà, quế, v. v. Còn mua về mà bán lại thì mua những vật nào đồng-bang hay dùng mà trong xứ mình không có đó chớ.

Huynh. — Qua nghĩ khó thiệt. Nếu mình ra mua bán những vật trong nước mình không có mình biết mua ở đâu, còn đồ của mình có thì biết bán cho ai bây giờ.

Đệ.— Tại anh thiếu học-thức theo kiêm-thời nên anh mới luận như vậy, chớ việc ấy có khó chi đâu. Ở tại Saigon có nhiều nhà đại thương thay mặt cho những hãng lớn trong các nước mà bán hàng hóa. Nếu mình muốn mua hàng mà bán thì đến đó mà sĩ. Lại cũng có nhiều hãng ở Saigon lãnh mua thổ sản cho các nước. Nếu mình muốn bán thì đến đó chịu giá rồi góp mua đồ thổ sản chở đến đó mà bán.

Huỳnh.— Đồ của mình muốn đem bán cho người ta thôi thì dễ rồi, ngặt đồ của người ta mình mua lại mà bán e bất tiện.

Đệ.— Sao mà bất tiện?

Huỳnh.— Em nghĩ đó mà coi, mấy hãng trữ hàng ngoại-quốc họ bán hàng lại cho mình sao họ cũng bán mắc hơn giá tại gốc mới có lời; mà nếu mình mua mắc về bán lại làm sao mà có lời được.

Đệ.— Anh luận như thế thì phải rồi, song anh nghĩ coi, họ trữ hàng ngoại-quốc phải chịu số phí kho tàu, chịu số phí chở chuyên đến đây, nếu họ bán đồng một giá với tại chỗ làm thì họ lỗ còn gì.

Huỳnh.— Qua nghĩ người Annam ra mua bán còn có một điều bất tiện nữa, mắc khuya rồi chớ không qua cũng nói luôn cho em nghe.

Đệ.— Còn điều gì mà bất tiện?

Huỳnh.— Thôi em nghĩ đi, đề ma qua sẽ nói.

(Sau sẽ tiếp theo)

Cổ-Nguyệt Trang

Sản vật xuất dương

Trong tháng Janvier, Février và Mars 1918 .

Kiểu Sản Vật xuất dương	Bại-Pháp	Thuộc địa Hà-lang	Hạ-châu	Lữ-lông	Hương-cẩn	Nhứt-bồn	Các chỗ khác	Tổng cộng
Gạo lức.....	»	»	2.007 tấn	»	47,370 tấn	»	»	49.377 tấn
Gạo trắng.....	»	16.438 tấn	47.469 —	39.181 tấn	88,754 —	64.726 tấn	»	267.605 —
Lúa.....	»	»	401 —	»	68 —	»	»	469 —
Tằm.....	202 tấn	»	5.782 —	»	26,097 —	»	»	32.081 —
Bột.....	»	»	5.469 —	»	31,286 —	»	»	36.755 —
Tiêu.....	1.678.587 kil.	»	176.500 kilos	»	85.350 k.	»	»	1.940.437 k.
Bắp.....	»	»	»	»	1.552.183 k.	»	»	1.552.183 —
Cải-dừa khô...	»	»	»	»	»	850 k.	»	850 —
Bông vải.....	»	»	»	»	343.240 k.	798.725 k.	»	1.141.965 —
Cao-su.....	22.712 kilos	»	»	»	»	»	»	22.712 —

BÁC-HỌC KHOA

Pháp-luật

THƯƠNG VỤ LUẬT LỆ

Luận về Tâm-thể hội (tiếp theo)

Cái tâm-thể hội tôi luận trong kỳ trước gọi là tâm-thể-quyền-lợi hội (Société en commandite simple ou par intérêt). Vì mỗi người hội-viên đều có một cái quyền lợi riêng, chẳng đồng nhau (kể hùn nhiều, người hùn ít, tùy sức mình. Mà quyền-lợi ấy, tất nhiên là phần hùn, kẻ có phần hùn (actionnaire) chẳng hề được nhượng bán cho ai, nếu hết thấy hội-viên không ưng chịu, lại trong hội đó, các hội-viên thấy là người quen biết với nhau, tin cậy nhau, cho nên mới dám xuất vốn để cho người thông thạo đứng buôn bán hoặc làm công, nghệ chi.

Còn một tâm-thể hội nữa gọi là tâm-thể cổ-phần hội (Société en commandite par actions). Hội này khác với hội trước, là có kẻ xưng danh ra đứng chủ-chốt mà lập hội, định số tư bản là bao nhiêu, chia số tư-bản đó ra cổ-phần (phần hùn) bằng nhau, rồi rủ rê thiên hạ ai muốn lấy phần thì lấy, bất luận là người quen kẻ lạ, hề ai có tiền đều được hùn vào hết.

Cũng giống như hội trước, những người xưng danh lập hội, luật buộc phải liên-lạc với nhau mà giữ các lời hứa của hội, đầu hội có lỗ vốn, thì phải lấy vốn nhà mà bồi đắp vô cho đủ, còn những kẻ lấy phần hùn, khi hội có lỗ vốn, thì chịu lỗ hết phần hùn của mình thì thôi.

Trong hội tâm-thể quyền-lợi, hội-viên đều là người quen nhau, nên được thông thả mà lập điều-lệ theo ý mình muốn,

chớ còn trong hội tâm-thể cổ-phần, có người lạ hùn vào, cho nên luật ràng buộc nghiêm lắm.

Đây tôi xin nói nhắc lại, thương hội chia ra làm hai thứ: Hội người và hội vật.

Hội người (*Société de personnes*) cũng kêu là quyền-lợi hội (*Société par intérêts*). Còn hội vật (*Société de choses*) cũng kêu là cổ-phần hội (*Société par actions*).

Hội người như là tập-danh hội (*Société en nom collectif*), tâm-thể quyền-lợi hội (*Société en commandite par intérêts*).

Còn hội vật như là tâm-thể cổ-phần hội (*Société en commandite par actions*), nặc-danh hội (*Société anonyme*).

Mà hai thứ hội người đã có cắt nghĩa trước đây và có biên kiểu tờ hiệp đồng rồi, còn hai thứ hội vật, muốn cho hiểu rõ tờ hiệp đồng sẽ biên ra sau đây, thì trước hết phải biết phân biệt cái quyền lợi với cái cổ-phần và quyền hành của người hùn trong hội ấy.

Quyền-lợi và cổ-phần, hai cái có chỗ giống nhau, vì cả hai, thấy đều là phần hùn trong hội; song khác nhau, là trong hội quyền-lợi, lấy người làm trọng, phần hùn không đồng nhau, hội-viên chẳngặng tự chuyên mà nhượng bán phần hùn ấy cho ai, hội-viên nào ruổi có thác, hay là bị khánh-tận, thì hội phải rả mà suy tính.

Chớ còn trong hội cổ-phần, lấy tư-bồn làm trọng, mỗi phần hùn bằng nhau, khi góp tất số hùn rồi, hội-viên muốn nhượng bán phần hùn của mình cho ai tự ý, ví dầu hội-viên nào có thác, có bị biến mại sự sản, thì hội cũng không rả; hội quyền lợi lập để làm những việc nhỏ, những việc tầm thường.

Còn hội cổ-phần để làm các việc lớn, các việc phải cần dùng tư-bồn nhiều.

Quyền-lợi (*intérêts*) thì có một thứ, chớ còn cổ-phần (*actions*), thì luật phân làm hai thứ để cho người lập hội lựa thứ nào tiện mà dùng:

Cổ-phần hữu danh (*actions nominatives*) và cổ-phần vô danh (*actions au porteur*).

Cổ-phần hữu danh là khi nào hội định trong giấy hùn phải biên tên họ và chỗ ở người hùn, nếu người hùn muốn nhượng bán phần hùn mình cho ai, thì người bán và người mua phải đến tại hội-quán mà xin đổi tên, rồi mỗi người ký tên vào sổ của hội.

Còn cổ-phần vô danh là khi nào hội định trong giấy hùn không có biên tên ai hết, chỉ biên tên hội, số bạc hùn, ngày nào đóng bạc, và chữ ký tên của Quản-lý của hội mà thôi, hễ ai cầm giấy đó, tức là chủ phần hùn đó, vì luật tỷ cổ-phần ấy như một vật dụng kia, như bạc giấy thường dùng đó vậy.

Luật định cổ-phần có thứ hữu danh có thứ vô danh, ấy là muốn làm cho vừa lòng mỗi người hùn: Người nào có của đủ, có ý lấy phần hùn, đặt để lâu dài mà chia lợi, thì lấy cổ-phần hữu danh. Còn kẻ nào có chí buôn bán, thì lấy cổ-phần vô danh, rồi chờ khi hội thành, hẫu bán phần hùn đó cho người khác đặt mà thu lợi liền (1).

Sự bày cổ-phần vô danh tuy dễ cho người mua bán mặc lòng, song đến khi bị mất hay là bị ăn trộm lấy giấy hùn ấy, thì có nhiều điều bất tiện cho người chủ lắm.

Luật ngày 8 Février 1902 định như vậy: Người chủ giấy cổ-phần vô danh, khi bị mất giấy rồi:

1. Phải lập tức đến báo cho Kiên-khách hay, đăng ngăn cản chức việc ấy, mua bán giấy của mình mất đó, phải đóng tiền mà bố cáo sự mất giấy đó trong báo quản-cáo-thơ của Kiên-khách xuất bản mỗi ngày;

2. Phải đến hội-quán mà ngăn cản chẳng cho phát tiền lời cho người nào cầm giấy mình mất đó, rồi đợi một đôi năm, nếu không ai cầm giấy mình mất đó mà đổi nại với mình, thì mình phải kiếm người bảo kiết cho mình, và xin tòa cho phép mình đến hội-quán mà lãnh tiền lời phần hùn của mình, khi ấy, hội mới chịu phát tiền lời cho.

(1) Bên Đại-pháp có chỗ để buôn bán cổ-phần vô danh đó gọi là thị-trường (bourse), người đứng mua bán cổ-phần ấy gọi là hội-phiên Kiên-khách (Agent de change) là người nhà nước cử đặt như Trưởng-tòa Nô-te vậy, phải đóng bài sanh ý và đóng tiền thế chung.

Chớ còn cồ-phần hữu danh, ruồi người chủ làm mất, thì không bại chi, vì trong giấy đó có tên họ của mình, lý không ai dám mạo tên họ mình mà cầm giấy ấy đi lãnh tiền lời cho được; song mình cũng phải đến hội-quán mà khai sự mất giấy đó, rồi xin hội phát cho một cái phó-bồn (duplicata) là một cái giấy giống như giấy hùn mình đã làm mất vậy.

Trong hội quyền-lợi, người hùn phần đông là người có của dư, đem tiền bỏ vào hội rồi giao với nhau rằng chừng nào hội thanh, chừng ấy mới chia lời. Chớ trong hội cồ-phần chẳng phải vậy, tư-bồn của hội chia ra cồ-phần, ai có của nhiều lấy nhiều phần, ai có của ít lấy ít phần; mà người lấy phần hùn rồi, thì chỉ trông hai cái lợi này: 1. tiền lời số bạc mình hùn vào, tiền lời này có chừng, hội định trước mấy phần mấy lý như bạc cho vay vậy. 2. tiền lời của hội, tiền lời này vô hạn, hề hội thanh nhiều thì chia nhiều, hội thanh ít, thì chia ít, có khi hội không có lời, thì người hùn không lãnh chi hết.

Bởi vậy, cho nên trong hội cồ-phần người ta thường phát cho mỗi người hùn cầm hai cái giấy ghim theo giấy phần hùn: một cái kêu là lợi-phiếu (coupon de dividende), giấy này để cuối năm trình cho hội mà chia tiền lời của hội làm ra, còn một cái giấy kêu là tức-phiếu (coupon d'intérêt) giấy này để trình cho hội, mỗi kỳ ba tháng, hoặc sáu tháng, tùy lời giao trong tờ hiệp-dồng, đăng mà lấy lời như bạc cho vay vậy.

Nếu chẳng bày giấy tức-phiếu ấy, thì tưởng kẻ không dư ăn dư để, ít ai muốn hùn, vì thả để tiền mà cho vay lấy lời, còn mau hơn là bỏ tiền vào hội rồi trông chẳng biết chừng nào hội thanh mới được chia lời.

Có khi hội cồ-phần lập ra làm việc lớn như hùn làm nhà máy xay lúa, thì thường trong tờ hiệp-dồng giao trong hạng mấy năm, người hùn được dùng cái giấy tức-phiếu mà thôi, nghĩa là được lãnh lời bạc mình hùn chớ không được dùng lợi-phiếu mà chia lời của hội, vì trong việc lớn như vậy, tiền tồn phí ban đầu phải nhiều lắm, như hội làm té lời thì dễ bồi đắp số tồn, chớ nếu chia liền lời ấy cho kẻ hùn, thì cổ đâu mà đắp số tồn.

đó cho hết, lại có khi hội thanh lắm, muốn có tư bồn thêm mà làm lớn chuyện ra nữa, khi ấy, hội kêu hùn thêm, những người vô hùn trước được có lợi-phiếu lại có tức-phiếu, còn những người vô hùn sau, phải giao trong hạn mấy năm, được có tức-phiếu mà thôi, chớ không có lợi-phiếu vì người hùn trước phải mắc sự đánh lừa mà trải qua mấy cái nguy-hiểm của hội, nếu hội lỗ vốn, thì bị thiệt hại biết bao; ngày nay hội được lời thì lý phải cho hưởng hai phần lợi, chớ còn người hùn sau khỏi trải qua mấy cái rủi ro, nên phải nhượng cái lợi-phiếu cho kẻ hùn trước trong một ít năm; lãnh một cái tức-phiếu mà thôi.

Cũng có khi hội thanh muốn thối bớt tiền hùn cho bội-viên, khi ấy hội bày phép xỏ-số, mỗi người hùn một số, rồi bắt thăm hết số ai ra trước thì hội thối tiền hùn lại cho; kể từ ngày thối tiền hùn rồi, thì người chủ phần hùn ấy còn có một cái lợi-phiếu mà thôi.

Nghĩa là mỗi năm được chia lời như người ta vậy, song tức-phiếu phải mất, vì người hùn đó lãnh được tiền ra, thì được dùng riêng mà cho vay hay là hùn với hội nào khác mà lấy lời tự ý.

Trong hội cổ-phần người ta còn bày ra một thứ phần-lợi để mà đền đáp công khó của kẻ đứng tạo thành hội ra. Phần lợi ấy, có khi cho đồng giá với một số cổ-phần, song người chủ chẳng hưởng đồng lợi. Thường thường hội cho người chủ phần lợi ấy, hưởng mỗi một trăm đồng bạc lời của hội là mấy đồng bạc, số đó phải truất ra trước mà phát cho người ấy, rồi mới chia số lời còn lại cho mấy người hùn.

Cách lập hội tâm-thể cổ-phần. — Tâm-thể cổ-phần hội cũng có xã-viên như tập danh hội vậy. Xã-viên ấy thì lấy tên mấy người xướng danh ra mà lập hội. Phép lập hội phải làm tờ tư hiệp-dồng hay là tờ công hiệp-dồng, như làm tờ tư, thì không cần phải làm cho mỗi người hội-viên mỗi bồn như trong hội tập danh, miễn làm hai bồn thì đủ rồi.

Chiếu theo luật ngày 1^{er} Août 1893, muốn lập thành hội ấy thì:

1^o Tư-bồn phải chia ra cổ-phần bằng nhau, mỗi cổ-phần (nghĩa là mỗi phần hùn) ít nữa cho được 25 quan, nếu kêu số bạc hùn chẳng quá 200.000 quan.

2^o Số phần hùn mình kêu, phải có người lấy cho hết.

3^o Như phần hùn định từ 25 quan tới 99 quan, thì người hùn phải đóng đủ 25 quan, còn phần hùn định từ 100 quan sắp lên, thì phải đóng một phần tư.

4^o Người làm quản-lý phải làm khai việc hùn hiệp đó, khai số tiền hùn thâu được bao nhiêu, rồi cầu Nô-te làm chứng cho. trong tờ chứng đó phải ghi theo sổ biên tên người hùn, số thâu tiền hùn và một bản tờ hiệp-đồng.

5^o Như có kẻ không hùn tiền, đem đất vườn, hoặc vật chi mà trị giá, rồi xin hùn vào hội, thì các vật ấy phải có đại hội nhóm một lần đầu mà xét, rồi cách một ít lâu nhóm một lần thứ nhì mà nhứt định.

6^o Phải có Đại-hội nhóm cử đặt cho rồi một hội Ủy-viên để kiểm sát trước khi hội khởi công.

Còn về việc cai-quản hội ấy thì thuộc về người Quản lý, về hội kiểm-sát và về đại-hội mấy người hùn.

Người quản-lý hội ấy, thì tự nhiên là người đã xưng danh lập hội, thay mặt cho các hội-viên mà ký tên các tờ giấy và giao ước với ngoại-nhơn. Như hội lỗ vốn, nếu lấy các phần hùn đắp chẳng đủ thì sự sản người ấy phải bị biến-mại mà thương vô, bởi vậy, quản-lý hội ấy có quyền rộng lắm; nếu trong tờ hiệp đồng không dự việc trách cứ cũng là cách phạt sự người ấy, thì đầu cho đại-hội nhóm định bỏ người đó cũng chẳng đáng.

Về hội kiểm-sát thì khi hội lập thành rồi mà trước khi hội khởi công, các người hùn phải nhóm đại-hội đặng chọn ba người hùn mà cử làm hội kiểm-sát, hội này xem sóc, coi người quản-lý có thi hành thế lệ của hội chẳng, kiểm-sát sổ sách và cuối mỗi năm phải làm tờ phúc cho đại-hội mà tỏ công việc làm của hội, tỏ sự lợi hại trong hội, xin đại hội phê chuẩn các số tiền xuất phá, các số tiền lời đặng chia cho hội viên.

Còn về việc nhóm một đại-hội lúc lập hội nhóm một lần (assemblée constituante) đặng phê tờ hiệp-đồng.

Khi hội lập thành rồi, thì cứ cuối mỗi năm nhóm một lần, mà xem xét và phê chuẩn tờ phúc của Kiểm-sát. Ấy là nhóm

Hội thường (assemblée ordinaire) còn khi nào có việc cần kíp, như phải sửa tờ hiệp-dồng, bởi có chi phải ra hội, thì hội Kiểm-sát mới nhóm ngoại lệ (assemblée extraordinaire).

(Kỳ sau tôi sẽ biên kiểu tờ hiệp-dồng lập hội Tâm-thể cổ-phần.)

Định-chi.

Địa-lý học

Luận về đất và nước

Những người thuở nay chưa từng thấy biển, chưa học đến khoa địa-lý, tưởng có khi đất phải nhiều hơn nước, ấy là tưởng lầm. Chớ thật trên mặt trái địa-cầu, nước choán hết gần ba phần, còn đất có một mà thôi.

Mà nước ấy, đất ấy, bởi đâu mà sanh, xin coi lại Tập-chí số 3 nơi trang 258.

Bề mặt nước, thì địa-lý gia độ là 37.300 triệu mẫu, còn bề mặt đất, độ có 13.100 triệu mẫu mà thôi.

Mặt đất ấy không liên-tiếp, không liền với nhau, nếu xem Dinh-hoàn-toàn-đồ (1) thì thấy rõ có hai phần, gọi là đại-lục (continent).

Một phần kêu là cựu đại-lục (ancien continent) hay là cựu thế-giới (ancien monde) còn một phần kêu là tân đại-lục (nouveau continent) hay là tân thế-giới (nouveau monde).

Mà bởi sao kêu là cựu thế-giới, tân thế-giới?

Bởi vì phần đất kêu là cựu thế-giới là phần đất người ta biết trước hết. Qua đến năm 1492, nghĩa là cách mình đây có

(1) Dinh-hoàn-toàn-đồ, tại Chợ-lớn có bán, tuy làm bằng chữ nho chữ cũng như dinh-hoàn-toàn-đồ chữ Langsa. Bởi hồn-quán chưa có thể in bản đồ ấy được lúc này, nên hồn-quán khuyên khán-quan mua đồ mà coi mới mau hiểu khoa học này.

426 năm, thì ông Ca-luân-bồ (Christophe Colomb) (1) mới vượt biển tìm được bầu thế-giới sau đó, nên kêu là tân thế-giới.

Phần-đất kêu là cựu thế-giới thì chia ra làm bốn châu :

1. Âu-la-ba-châu (Europe) kêu tắt là Âu-châu.
2. Á-tế-á-châu (Asie) kêu tắt là Á-châu.
3. A-phi-lợi-gia-châu (Afrique) kêu tắt là A-phi-châu.
4. Hải-dương-châu (Océanie).

Còn phần đất kêu là tân thế-giới thì có một châu mà chia ra làm hai cõi :

1. Bắc Á-mỹ-lợi-gia-châu (Amérique du Nord)
2. Nam Á-mỹ-lợi-gia-châu (Amérique du Sud)

Năm châu ấy kêu chung là thiên-hạ-ngũ-đại-châu (les cinq parties du monde)

Nếu lấy bề rộng của năm châu mà so sánh với nhau thì Âu-châu với Hải-dương-châu gần bằng nhau, mỗi châu ước chừng 1000 triệu mẫu ; Á-châu và Á-mỹ-lợi-châu gần bằng nhau, mỗi châu ước được 4000 triệu mẫu, A-phi-lợi châu thì được 3000 triệu mẫu.

Ấy đó là sự chia phần đất, còn phần nước thì Địa-lý-gia chia ra làm năm biển cả (Océan).

1. Bắc-băng-dương (Océan glacial arctique) bao trùm hướng Bắc, đầu trên trái đất nhâm hàn-đái. Người ta gọi băng-dương là vì trong biển ấy, nước đặc như nước đá.

2. Nam-băng-dương (Océan glacial antarctique) bao trùm hướng Nam, đầu dưới trái đất. Biển này cũng đầy nước đặc vậy.

3. Thái-bình-dương (Océan Pacifique) biển này lớn hơn hết, bề mặt cho đến 18.700 triệu mẫu.

(1) Ông Ca-luân-bồ vẫn là người sanh ở tại nước Ý-đại-lợi, sau qua phò Tây-bang-nha, được hoàng-hậu ban cho ba chiếc tàu, nên dùng tàu ấy mà đi tìm tân thế-giới. Chuyện ngài đi tìm thế-giới đó, có nhiều điều gay trở lăm, lại lúc tìm được rồi, còn phải bị quân thần gièm siểm, làm cho vua không ưa, đến sau ngài phải nghèo khổ mà chết.

Hướng Bắc giáp với Bắc-băng-dương,
 Hướng Nam giáp Nam-băng-dương,
 Hướng Đông giáp tân Thế-giải,
 Hướng Tây giáp A-châu và Hải-dương-châu.
 Biển ấy tuy rộng hơn hết mà ít sóng gió lớn, nên kêu là
 Thái-bình-dương.

4° Đại-Tây-dương (Océan Atlantique) biển này bề rộng 8.800
 triệu mẫu.

Hướng Bắc giáp Bắc băng-dương,
 Hướng Nam giáp Nam-băng-dương,
 Hướng Đông giáp Âu-châu và A-phi-châu,
 Còn hướng Tây giáp tân Thế-giải.

5° Ấn-độ-dương (Océan indien) biển này bề rộng có 7.200
 triệu mẫu, hướng Bắc giáp A-châu (miền Ấn-độ) hướng Nam
 giáp Nam-băng dương, hướng Đông giáp Hải-dương-châu, còn
 hướng tây giáp A-phi-châu.

Ngoại trừ mấy cái biển cả kể tên trên đó, cũng còn nhiều cái
 biển nhỏ bao ngũ-đại-châu, vậy để chừng tôi luận đến châu nào
 thì tôi sẽ kể tên.

Đáy biển. — Chớ tưởng rằng hết thấy biển đều sâu. Địa-lý-
 gia có dò cùng trong các biển, lập bản-đồ chỉ chỗ nào
 sâu, chỗ nào cạn, đặt cho kẻ vượt biển biết mà đi tàu cho
 khỏi bị hiểm nghèo, nên người ta mới biết rằng : Bề mặt
 đáy-biển cũng không khác nào bề mặt đất vậy : có chỗ sâu
 có chỗ cạn, cũng như mặt đất có chỗ thấp có chỗ cao, mấy chỗ
 cạn dưới biển là mấy chỗ có cồn, có Cù-lao cũng như mấy
 chỗ cao trên mặt đất là mấy chỗ có non núi vậy. Mà cũng
 lạ, như trong Thái-bình-dương và Đại-tây-dương có một hai
 chỗ sâu đến 8000 thước thì trên mặt đất cũng có núi cao đến
 8000 thước vậy. (Núi ấy là núi ở tại Tây-tạng bên Trung-Hoa).

Nước lớn ròng. — Theo trong sách vật-lý-học dạy, thì bất cứ
 vật nào lỏng xây, thì nó sanh một cái hấp-lực rút những vật
 nào ở gần nó đó. Hãy xem thử cái xe hơi hay là một cái xe lửa
 chạy : Minh thấy rất rền bụi bặm bị rút bay theo một mù, nếu

lúc xe ấy chạy mà mình đứng gần, mình cũng phải bị rúc nhào vô. Những kẻ nhảy xe lửa thường hiểu cái hấp-lực đó, cho nên lúc họ ở trên xe đang chạy mà muốn nhảy xuống, thì trước hết họ de mình ngã ra trước, dường như muốn chuối đầu xuống đất, rồi họ mới nhảy, khi nhảy ra, bị cái hấp-lực nó rút làm cho họ đứng thẳng lại được. Chớ nếu đứng thẳng lưng mà nhảy xuống, thì sao sao cũng bị hấp-lực rút vập đầu vô xe hoặc té ngựa mà mang hại.

Vả lại mặt nhứt trái địa-cầu và mặt-nguyệt cả thấy đều lằng xây hết, mà hề lằng xây, thì có sanh hấp-lực. Hấp-lực ấy nó tương đối với nhau : hấp-lực trái địa-cầu nó tương đối hấp-lực mặt nhứt và hấp-lực mặt nguyệt. (Nghĩa là vì tính tú này rút vì tính tú kia, vì tính tú kia rút vì tính tú nọ). Mà cái hấp-lực đó mạnh yếu, là tùy hai vì tính tú ở gần hay là ở xa nhau. Theo sách thiên-văn thì nói cái hấp-lực mặt nhứt không bằng phân nửa hấp-lực mặt nguyệt, ấy là bởi mặt nhứt ở xa trái địa-cầu hơn mặt nguyệt; mà hấp-lực của hai vì tính tú đó, ưa rút nước là vật lỏng hơn là vật đặc, cũng như đá nam-châm ưa rút sắt vậy. Trên mặt trái địa-cầu, vả chẳng nước choán hết ba phần, nước ấy bị hấp-lực mặt nguyệt và mặt nhứt rút, cho nên ngoài biển cả mới thấy nước biển dung lên, khi mặt nhứt và mặt nguyệt giọi ngay, rồi hạ xuống, khi mặt nhứt và mặt nguyệt giọi xéo (đi khỏi chỗ đó). Hề nước biển dung lên, thì nó tràn vô sông rạch gọi là nước lớn, chừng nước biển hạ xuống, thì nước sông rạch phải rút ra gọi là nước ròng. Mà cái sự nước lớn ròng cả trong toàn cầu không giống nhau, vì có biển nước dung lên, hạ xuống có chừng, còn có biển không khi nào thấy vậy, như trong Hắc-hải (mer Noire) và trong Lý-hải (mer Caspienne) là hai biển hồ lớn bên Âu-châu, ở một mực hoài. Ấy cũng bởi nhiều cơ tích lắm, nhứt là bị ly-tâm-lực (1) của trái địa-cầu làm cho hấp-lực của mặt nhứt và mặt nguyệt cự không lại. Chẳng nói chi xa, trong Nam-kỳ và ngoài Bắc-kỳ, sự nước lớn ròng thì khác nhau xa lắm. Trong Nam-kỳ, mỗi một ngày và một đêm, thì thấy hai cơn nước lớn,

(1) Xin coi nghĩa ly-tâm-lực trong Tập-chí số 2 nơi trang 162.

hai con nước ròng, chớ ngoài Bắc-kỷ, cũng trong 24 giờ mà thấy có một con nước lớn và một con nước ròng mà thôi.

Mà nước lớn, nước ròng trong mỗi ngày không đúng giờ, lại khi thì nước ròng, khi thì nước kém là bởi có sao vậy ?

Theo những lời luận trên đây, thì nước lớn ròng tại hấp-lực mặt nguyệt mà mình thấy mặt nguyệt mọc lặn mỗi đêm trễ chừng hơn nửa giờ.

Nếu mình có ý chiêm nghiệm, thì thấy nước mỗi ngày lớn ròng trễ cũng chừng hơn nửa giờ theo như mặt nguyệt vậy ; ấy là một cái bằng cứ chắc rằng nước lớn ròng tại nơi mặt nguyệt. Vả lại mặt nguyệt cứ chạy chung quanh trái Địa-cầu, còn trái Địa-cầu thì chạy chung quanh mặt-nhật cho nên nước biển nội toàn cầu đều tùy đường mặt nguyệt và mặt nhật chạy mà thay phiên nhau đứng lên dục xuống có chừng, trừ ra khi nào có cơ chế khác, như ly-tâm-lực của trái địa-cầu nói trên đây nó phá cái hấp-lực mặt nguyệt, thì khi ấy sự nước lớn ròng mới không chừng mà thôi.

Còn như nước khi ròng, khi kém ấy là tại hấp-lực mặt nhật với hấp-lực mặt nguyệt, có khi trợ nhau, có khi phá nhau. Như khi nào, mặt nhật và mặt-nguyệt đồng ở một hướng với nhau, hai hấp-lực tương trợ nhau nên rút mạnh, làm cho nước ròng nước lớn. Khi ấy là lối đầu tháng âm-lịch ; lại lúc nào hấp-lực của mặt nguyệt khỏi bị hấp-lực mặt nhật kềm chế, thì lúc đó hấp-lực mặt nguyệt được mạnh mẽ mà rút, nên nước cũng ròng cũng lớn vậy, lúc ấy là lối giữa tháng âm-lịch. Trừ hai lúc đó ra, là đầu tháng với giữa tháng âm-lịch, còn trong mấy ngày kia, mặt nhật với mặt nguyệt đi chệch với nhau, hấp-lực mặt nhật rút góc này, hấp-lực mặt nguyệt rút góc kia, tương phá với nhau, cho nên nước không ròng được. Lại khi nào mặt nhật, mặt nguyệt đi ngay đường xích đạo, nghĩa là đi gần trái Địa-cầu, thì khi ấy nước càng ròng lớn hơn nữa. Tại thu-phân (équinoxe de l'automne) và tại xuân-phân (équinoxe du printemps) là lối mặt nhật và mặt nguyệt đi gần trái địa-cầu hơn các mùa khác trong năm.

Nước ròng, nước lớn cũng còn duyên cớ khác trọng hơn nữa.

Như chỉ cỏi Đông-dương mà nói : thì bề năm nào mưa nhiều,

ắc năm đó nước lớn — Có ấy thường lẽ ai ai cũng biết, nhưng mà có năm coi ít mưa, mà nước cũng lớn dữ vậy, là bởi có này : Nguyên vì nguồn sông Cửu-long-giang trong Nam-kỳ và sông Nhĩ-hà ngoài Bắc-kỳ ở đều tại núi Tây-tạng. Trên núi ấy, có một cái hồ rộng minh mông niên niên chứa đầy tuyết đặc. Qua mùa mưa, tuyết ấy rã ra, rồi chảy xuống tràng trề không chi cản nổi. Nếu lòng sông Cửu-long-giang, lòng sông Nhĩ-hà và đất chung quanh là vôi, là cát, là phấn, nghĩa là vật rút nước được, thì không hại chi, ruồi thay, khi tuyết tan ra nước tràng xuống gặp đá, gặp đất sét, rút vô đâu không đặng, nên nước ấy cứ theo lòng sông mà chảy tuông xuống làm cho thường năm mùa màng xứ ta phải bị nước ngập mà hư hại nhiều.

(Sau sẽ tiếp theo)

Lưu-nguyệt-Trang,

Đại pháp văn minh lược biên

(Tiếp theo)

Trong các đời vua đã kể tên trong bài trước, sự làm vua là cho có vị, chứ vua đã không có sự nghiệp lớn mà lại cũng không đủ quyền lực mà trị quần thần và chư hầu.

Thuở ấy, nhơn dân phân ra làm ba bậc : quý-tộc, giáo sĩ và tiện dân; hai bậc trên, thì có quyền hành lớn, còn bậc chót thì bị hai bậc trên hiếp đáp hoải. Bởi vậy cho nên tiện dân mới sanh lòng giao hảo liên lạc với nhau, lập xã-hội đặng mà chống cự hoặc buộc bậc trên phải nới tay, phải cho chúng nó được thông thả; nếu vị hầu nào, hay là vị chủ giáo nào không thuận theo lời chúng nó xin, thì chúng nó đồng một lòng dấy loạn mà giết chủ-trưởng đi.

Như chủ-trưởng chịu phê đơn, thì từ đó về sau, chúng nó được thông thả : muốn đi đâu thì đi, chẳng phải bị ràng buộc như khi trước ở hoải trong đất của chủ ; muốn sanh lợi cho

minh tự ý, chớ hết làm công cho chủ nữa; mỗi năm đóng thuế đất cho chủ theo giá định trước có chừng chớ chủ chẳng còn ý quyền muốn thâu bao nhiêu thì thâu như thuở trước.

Có nhiều chỗ tiện dân hùn tiền lại mà mua với chủ cái sự thông thả ấy. Hễ xin được rồi, thì chúng nó lập xã-hội nhóm nhau, cử một vị xử-trưởng để cai-trị và cử quan tòa để xử đoán việc tranh tụng của chúng nó. Chúng nó đầu tiên lại mà lập thành lũy chắc chắn phòng ngừa kẻ nghịch, chúng nó lập luật buộc mỗi người phải đi lính, thay phiên nhau mà tuần thành, chúng nó hết lòng binh vực nhau, đoán thề với nhau nên chúng nó trở nên mạnh mẽ được.

Khi ông hoàng Louis VI le Gros nối ngôi cho cha là vua Philippe 1^{er} trong năm 1018, thì đã thấy cái chí tiện-dân như vậy rồi, ngài dòm thấy nhiều chư hầu rộng quyền mà ngài không đủ sức kèm chế, nên ngài hạ cố mua lòng tiện-dân, ngài hết sức binh vực quyền-lợi cho chúng nó, ngài lại còn phê nhận xã-hội của chúng nó lập ra đó nữa.

Vì vậy mà hết thấy tiện-dân mến đức ngài, mà từng phục ngài. Khi ngài được lòng dân rồi, thì ngài mới khởi sự công phạt những chư hầu nào tàn bạo và bất tuân luật nước. Bởi nhờ tiện dân hết lòng phò tá, nên ngài đánh đâu thắng đó, nhờ vậy mà quốc sản càng ngày càng rộng, thế lực càng ngày càng to. Qua năm 1137, ngài băng, truyền ngôi lại cho con là vua Louis VII.

Vua này lên ngôi thuở 18 tuổi, dùng bà E léonore là con gái ông Quận-công Guillaume trấn xứ Aquitaine làm hoàng hậu. Trong năm 1152 ngài kéo thập-tự-quân đi cứu thánh-địa, lúc trở về ngài phế bà E léonore ra, rồi bà này lấy ông Henri II là vua Hồng-mao, nên bà mới giao hết cho vua Hồng-mao sự nghiệp của bà cộng là bốn tỉnh đệ nhất giàu có trong nước. Đến sau vua Langsa đánh lấy mấy tỉnh đó lại, nên mới gây sự thù oán mà sanh ra cuộc giặc trăm năm.

Khi vua Louis VII băng rồi thì con ngài là Philippe II nối ngôi. Vua này ghét Hồng-mao lắm, nên khi lên ngôi thì cử binh đánh vua Hồng-mao liền. Vua Hồng-mao thuở ấy là ông Henri II, kể đó, thì ông Richard, kể nữa, thì ông Jean Sans-

Terre là con vua Henri II và bà Eléonore. Tuy vậy ông đã làm vua Hồng-mao mặt lòng, mà bởi có đất trong xứ Langsa nên luật buộc phải làm tôi vua Langsa.

Bởi vậy, nên lúc vua Philippe II bắt được vua Jean, bèn truyền lệnh dẫn đến tại triều, lấy lễ chúa tôi mà xử tội. Vua Jean bị xử mất hết phần đất của mẹ là bà Eléonore đất ấy phải nhập làm đất quốc gia. Khi ấy vua Jean đem lòng oán hận, bèn thỉnh hoàng-đế Đức-quốc qua đánh vua Langsa mà báo thù. Khi ấy hai vua đánh nhau một còn một mất, rồi lại binh Langsa toàn thắng cứu nước khỏi bị dân A-lơ-Măn xâm nhập.

Thuở đó trong mấy tỉnh hướng nam nước Langsa như dân phần nhiều không tin đạo Gia-tô, bởi vậy, Giáo-Hoàng tức giận truyền lệnh dấy binh thập-tự gia phạt. Thăm thay, biết bao nhiêu dân số vì có một việc không tin đạo mà phải bị chém giết bỏ mình. Lại còn bày ra một cái tòa án để xử tội không tin đạo ấy, hoặc xử chém, hoặc xử uống thuốc độc, hoặc xử bỏ vào ngục tối cho đến chết.

Người đọc truyện xem đến đây ai cũng than rằng :

Người ta mà nỡ làm đều ác độc như thế, thì bao giờ cho thành được.

Qua năm 1223 vua Philippe II băng, truyền ngôi lại cho con là vua Louis VIII — Vua này ở ngôi có ba năm rồi băng nữa. Vua con là ông Louis IX thế vị. Mà bởi vua này lúc lên ngôi còn nhỏ lắm, nên quyền chấp chánh về tay bà mẹ là Blanche de Castille. Lúc ấy chưa lâu thấy đồn bà cầm quyền tưởng dễ mà đánh, nên rủ nhau dấy loạn. Song bà Blanche de Castille là người thông thái lắm, bả hòa đầu này, đánh đầu kia, làm cho chưa lâu vợ làm chi không nổi.

Khi vua Louis IX lớn khôn rồi, thì bà mẹ giao quyền lại cho, trước hết ngài, đem binh đánh binh Hồng-mao vì binh này mong lòng xâm nhập nước Langsa. Đánh thắng rồi thì ngài giao hòa với nước ấy. Vua Louis IX có lòng tin đạo lắm, đã hai phen đem binh thập-tự mà đánh dân đạo Hồi-hồi. Lần thứ hai ngài mang binh dịch khí mà băng tại thành Tunis.

Vua này trọn đời nhưn đức lắm, người ta tặng là vua thánh. Lúc ngài ở ngôi, ngài có làm mấy sự lớn này :

1. Làm cho rộng lớn quyền vua,
2. Định bốn phận quần thần,
3. Cử quan thanh tra đi xét các tỉnh.
4. Cấm chửi bấu đánh nhau.
5. Phế thoát luật đánh gươm trong việc tranh tụng.
6. Cử đặc người tài năng để phụ tá các quan tòa.
7. Lập Ủy-hội về việc tài phán.

Vua Louis IX truyền ngôi cho con là ông Philippe III. Vua này trị vì đặng 15 năm, chẳng làm việc chi đáng ghi vào sử, rồi truyền ngôi lại cho con là ông Philippe IV.

Từ khi vua Louis VI trị vì đến sau thì trong nước chẳng có chiết đất vua mà cho ông hầu nào, duy có đời ông hầu cự nào phản nghịch, đem binh chinh phạt rồi lấy đất mà soát nhập về đất quốc gia mà thôi.

Vì vậy cho nên đất của vua càng ngày càng lớn, dân của vua càng ngày càng đông.

Qua đến đời vua Philippe IV đây thì dân cả nước Langsa đều tùng phục vua hết.

Vua này lập một hội công đồng để nghị việc nước, một nghị viện để xử việc từ tụng của dân và một nghị-viện để xem xét các sổ thâu xuất tiền bạc.

Qua năm 1302, vua có việc bất bình với giáo-hoàng Boniface VIII, vì giáo-hoàng này muốn làm chúa thiên hạ. Khi ấy vua triệu ba bậc dân vào chầu mà nghị cái ý muốn của giáo-hoàng.

Ba bậc dân ấy là những người thay mặt cho bậc quý-tộc, bậc giáo-sĩ, và bậc tiện-dân. Cả ba bậc người ấy đều thăm trách ý giáo-hoàng và tung hô rằng: Một mình vua là chúa trong nước mà thôi.

Ấy là lần đầu hết trong nước Langsa, bậc hạ-dân mới được đứng cùng bậc quý-tộc mà nghị việc nước.

Nói nhắc lại, cái việc lập xã-hội nói trên đây, là tại dân ở châu thành xin lập trước, chớ còn dân ở nhà quê, ở lẻ rãi, ít khi gần nhau, cho nên không đoán thể được mà chống cự với chủ.

Tuy vậy, chớ cái gương của dân ở châu thành làm đó nó động tới mấy ông chủ ở đồng nó làm cho mấy ông phải suy nghĩ.

Mấy ông biết bề nào một ngày kia dân ở đồng cũng bắt chước dân ở thành thị, vậy thì, chi bằng ban ơn cho chúng nó trước đi còn hay hơn là đợi đến lúc chúng nó biệp nhau mà rúng ép mình.

Nghĩ như vậy rồi lần lần mấy ông, hoặc làm bộ nhơn đức, hoặc muốn kiếm tiền xài, nên thả lỏng dân ở đồng không bó buộc nữa. Nhờ vậy, mà dân nước Langsa trở nên một thứ dân rất thông thả trên toàn cầu.

(Sau sẽ tiếp theo)

Thi-Cồ Am.

Tình thân-ái Huê-kỳ và Pháp-quốc

Lúc quan Thừa-tướng Pháp Vi-vi-a-ni đặc lệnh cùng quan Thống-soái Joffre sang Huê-kỳ, ngài có diễn thuyết nhiều bài lối văn xuất chúng, lời lẽ thanh-tao đầu cho ai nghe cũng phải cảm động. Có người sao lục cả các bài diễn thuyết ấy in thành một quyển kiểu thơm để truyền tụng mấy lời vàng ngọc. Ông triết-học-danh-sĩ quý hiệu Bergsion vẫn có ký-ngụ bên Huê-kỳ, gần-gũi cùng dân ấy, đã thấy tận mắt lòng dân bên ấy ái-mộ quan Thừa-tướng Pháp là dường nào, có làm một bài tựa sách đề chi rõ tình thân ái dân Huê cùng người Pháp. Chúng tôi xin trích lục ra đây một ít đoạn, dịch quốc-âm cho khán-quan nhàn lãm.



Tự cổ cập kim, phòng Quốc-hội (Parlement) của Huê-kỳ chẳng hề để cho người ngoại quốc vào diễn thuyết, duy mới đây quan Thừa-tướng Vi-vi-a-ni được vào diễn đàn trong đấy, khi ấy tôi cũng ở tại Hòa-thành-đôn, nên được hầu nghe lời châu-ngọc. Còn lúc tôi ở tại thành Niều-Gio, tôi lại được xem tình-cảnh dân Huê. Hễ Thống-soái Joffre đi đến đâu thì già trẻ bé lớn thấy đều lấy làm hân-hoan, tỏ dấu kính trọng quan Thống-soái không cùng. Những người có con thì kẻ vác lên, người đồng-đồng trẻ nít đặt cho nhìn trong giây phút một vị anh-hùng đệ nhất đã thắng được trận « La Marne », cần được quân già-mang quen thói tàng-nhấn muốn lẫn lộn nước văn-minh. Còn chỗ nào là chỗ quan Thừa-tướng Vi-vi-a-ni thuyết-khách, thì người người đều xúc tâm, cảm động khoa ngôn, mền trang hiên ngổ, trước đã đam hết tâm chí mà giúp nước nhà lúc giặc mới khởi đoan. Một là ông Viviani và một ông Joffre cũng đủ thay mặt cho cả nước Pháp, vì trước nhờ hai ông Pháp mới liềm một lợi-quyền ra binh vực Công-lý cho Hoàn-cầu thoát khỏi chung tôi mọi. Bởi thế ngày nay một nước liệt cường như Hiệp-chúng-quốc mới tỏ lòng thâm-cảm như vậy. Mấy ngày hai vị đại thần Pháp ở tại Huê-kỳ nên ghi vào thanh-sử đề làm ngày kỷ-niệm hai nước hiệp hòa. Nếu trong mấy ngày ấy mà không ở tại Huê-kỳ thì không thể tưởng tượng được hình thân-ái Huê-kỳ cùng Pháp-quốc sâu xa là bao nhiêu, cao thâm là bao nhiêu.



Ông Viviani có quyền gì, có phép gì mà làm cho cả và thần-dân Huê-kỳ đều khâm-phục dường ấy? Mà chẳng phải là ai ai cũng đều biết nghe tiếng Langsa hết? Phần đông thiệt là dốt tiếng tây, song nghe lời diễn thuyết thì liền phục.

Rồi lần lần càng nói ra thì càng diều động tất dạ nhiệt thành, ngài vừa nói vừa ra dấu. Thấy dấu đó đủ biết ý người, chẳng cần phải nghe cho trọn câu thốt. Vả lại Pháp và Huê có nhiều tiếng trùng ngôn, thấy bộ tịch người diễn thuyết và nghe được một đôi lời thì đủ thông đủ hiểu.

Gĩa như trong hội huê-đăng người dùng đèn liên kết mà làm ra hình lâu đài nhà cửa, đèn tuy cách nhau xa cũng năm bảy tất, mà nhờ ngọn gió đàn, đứng xa ngó thì thấy như đèn dính nhau chớ không phải từ nơi từ cái. Ngôn từ của ông Viviani cũng thế, tuy vẫn nghe chẳng trọn câu đủ chữ mà người vẫn mê mẩn. Tôi nay hãy còn nhớ ở Niều-Gio, giữa đám tiệc có hơn ngàn người, ngài phân mấy lời như sau này làm cho người đồng tiệc phải rung rung đứng dậy : Thời « Tự-do » đã đến rồi..... Vậy thì ta hãy hè nhau mà bình vực dân quyền, cứu chữa nhân loại. Ớ thần dân ! Hãy ngược mặt lên nhóng lên cho cao, cho bằng cây cờ bôn-quốc. » Dứt lời ấy thì cả tiệc đều rộ lên vỗ tay cho đôi ba phúc đồng hồ. Nay tôi nhắc lại, lỡ tai tôi còn lũng bùng dường như nghe tiếng vỗ tay rền. Lúc đấy cận tôi, có một người chẳng biết một tiếng Langsa, mà vẫn nghe hiểu các đều, khen đồ rằng : « Ấy là hồn tử cùng hồn đó ? »

Các nhà báo Huê-kỳ cũng tỏ ý đó nữa « Chicago nhật-báo » có nói rằng : « Ông Viviani tuy là khách ngoại-bang, mà lời ăn nói dễ hiểu vì là lời ở trong lòng mà ra. Người biết lựa những tiếng tiêu tao, khiến cho ai nghe đến đã vỗ tay khen mà rung rung nước mắt khóc. Khi người tả lúc giặc kéo vào gần thành Ba-ri, quan Thống-soái Joffre bại trận, thế rất nguy-cấp thì ai nấy đều mũi lòngt. Mà đến chừng người bắt tay quan Thống-soái mà ngợi khen công thắng trận « La Marne » thì người người đều cười ré lên. Đến lúc Thống-soái ôm hung ông Viviani thì thiên hạ cười rân vui mừng hết sức. »



Tình cảnh ấy chẳng có thể nào mà tả cho ra vẻ. Lòng dân càng ngày càng bày tỏ ra nhưt là tại Niều-Gio lòng người Huê-kỳ rất hiệp với lòng người Pháp quả là hồn dân hồn đó.

Mà thiệt ông Viviani đi đến đâu cũng trích lịch-sử ra đề nhắc từ xưa Huê Pháp vẫn đồng lòng, đồng để truyền tụng lời vàng ngọc.

Lúc quan Thừa-tướng Pháp René Viviani đặc lệnh cùng quan Thống-soái Joffre sang Huê-kỳ, người có làm nhiều bài

diễn thuyết thật là từ-điệu, thanh tao, ai nghe cũng cảm động. Có người văn nhơn sao lục cả các bài diễn thuyết ấy in thành một quyển sách hay. Triết học danh-sĩ là ông Bergson vẫn có gài gửi dân Huê-kỳ, đã tận mặt thấy lòng ái mộ quan Thừa-tướng Pháp có làm bài tựa sách ; xin lựa một hai đoạn bài tựa ấy dịch ra sau này để chỉ rõ tình thân-ái dân Huê-kỳ cùng người Pháp đồng ý sở kiến lược đồng.

Nào ông Hoa-thành-Đốn, nào ông Lin-côn (Lincoln) ai là người lo tư lợi ? Cả hai đều gánh vác quyền Tự-do đều Công-lý. Còn Pháp từ bao giờ đến bây giờ chẳng hề lo cho một mình, cứ sốt sắng mà binh vực đều công ích.

Ngày nay sự văn minh bị tai biến đường ấy thì Pháp và Huê nên phải hiệp lực hội binh đặng lo cứu chữa.

Tuy biết rằng 2 nước ra cự chiến đặng ngăn bờ cõi nhà, song cứu nước mình được thì cũng là giúp cho các nước khác khỏi bị áp-chế, chỗ chí yếu đám giặc này có bấy nhiêu đó mà thôi, nên bao giờ giặc này tang thì chúng hiệp cô quen thói già mang vô khái đó phải tang tạnh, còn nhân loại thì được hưởng thái bình bất tận.

* * *

Ôi đều trông mong của ta ngày nay thật là hạp cùng thời thế, dễ làm cho khoái chí người, cho toại lòng chúng. Ba tháng trước khi hai vị đại thần Pháp sang, tôi ở Hoa-thành-đốn và Niều-Gio đã thấy dân Huê có vọi muốn khởi nghĩa binh mà giúp phe Công-Lý rồi. Đến ngày 2 Avril đức Giám-quốc hạ chỉ hiệu dụ thần dân kể hạ chiến thơ thì tôi lấy làm lạ vì chẳng mấy lúc mà lòng dân Huê trở nên đại độ đường ấy, kể nhĩ vị đại thần, sang chưa đầy ba tuần lễ lòng dân lại sanh khác, chỉ nhiệt thành đòi ra tinh hoan-hỉ. Hễ Thống-soái bước ra một bước đường thì đã thấy dân mừng rỡ. Lại thêm ông Viviani dụng cam ngôn mỹ-tử nên lối hân hoan lại càng thổ lộ ra nữa. Sự hân hoan này ắc sẽ được lâu dài vì là sự thiệt tình, vì là nước Huê-Kỳ tự mình mà ra tranh chiến, và bởi sự ấy ở nơi cang-dỡm Pháp-quốc chẳng nài ba năm lao khổ quyết giữ chặt tự-do và văn-

minh mà ra. Lòng nhiệt thành của Huê, chí cang đởm của Pháp, ông Viviani đã dùng lối văn hay mà, bìa tạc ra, cho nên các bài diễn thuyết của người ấy được ghi vào thanh sử đề về sau cho người khen ngợi.

H. Bergson

Hàng lâm học sĩ

Trần-Phát-Văn lược dịch.

Luận về sự Nhứt-bổn tiếp chiến

tại Tây-bá-lợi (Sibérie) —

Từ ngày dân A-lơ-măn dùng mưu thần, kế quĩ mà đục lòng Nga chia ranh đất, lập phe riêng, cần xé nhan, thũ thũ, phá phá hai phe đương trở cùng nhau, chưa phân phải quấy, thì dân A-lơ-măn dắc nhau ào vào Nga-quốc. Phía Bắc, thì chúng nó thâu quyền hành, thì thố mọi việc như trong nước chúng nó rồi, còn phía Nam, thì tuy chúng nó chưa trọn quyền, chớ sự tham muốn của chúng nó trong mười thì cũng đặng năm bảy rồi. Tại xứ Mô-xơ-cu (Moscou), thì vua Guy-dôm thứ hai đã sai ông Hoàng Miệt-bách (Mir-bach) qua trấn bảo hộ xứ đó. Nói tắt một điều, là A-lơ-măn đã cướp hết quyền thế của Nga-quốc rồi, đó có phải là : *bạn duật tương tri, ngư ông đắc lợi chăng ?*

Trong lúc này, Nga như người mang bệnh bại, tay chưa bắt động, khó nổi vùng vẫy cho khỏi tay yếm chế A-lơ-măn.

Các nước Liềng-hiệp tự thĩ chí chung, không một ngày bỏ nhau, nay nước Nga lâm hại lớn như thế, các nước đành ngồi khoanh tay mà ngó sao ?

Đương lúc bên mặt trận phía Tây, binh Pháp, Anh, Ý, Mỹ hiệp lực mà chống ngăn binh Đút, rồi phía Đông, các nước Liềng-hiệp nở đề cho binh tướng bạo tâng đoạt thâu Nga-quốc mà thũ quyền lợi sao ?

Đến thế rồi một ngày kia, dầu cho chúng nó đại bại phía Tây, thì chúng nó cũng còn quyền thế mạnh-mẽ bên Đông, vì nước Nga là một nước địa-thế rất lớn, quân dân rất đông, một tay chúng nó dắc dàng chỉ nể theo lòng của chúng nó muốn, ngày ấy thì cả toàn-cầu sẽ trở nên sao với chúng nó kia ? Chừng ấy cuộc thái-bình các nước Liềng-hiệp ước-ao bấy lâu nay đó làm sao mà giữ cho được ? Đó là một mối hại rất sâu rất lớn cho hết thảy chư quốc.

Bây giờ đây phải lo liệu thế chi mà cứu tồn Nga-quốc cho khỏi về tay hung bạo. Hễ cứu Nga-quốc, tức nhiên là cứu cả loài người,

Tây trận thì có Pháp, Anh, Ý, Mỹ, hươi gươm cầm nghịch tặc, thì bên Đông cũng phải đem binh mà công phá chúng nó, kéo để chúng nó ở không lâu, rồi chúng nó có đủ ngày giờ mà xây thành đắp lũy như bên tây, rồi thêm sự khó. Mà binh khêu chiến tại đó, thì có binh nào hơn binh Nhật nữa đặng. Nước Nhật từ ngày khởi chiến thì đều tỏ dạ yêu thương Liềng-hiệp, lo binh vực hai chữ tự-do của mỗi nước, không lẽ đến nữa chừng rồi bỏ sao ? Hễ Nhật mà đem binh trợ chiến tại đó, thì Đức không còn phương vùng vẫy.

(Rút trong Cực-đông-thời-báo)

Thường-Tiên.

Au-châu chiến luận

Từ tháng ba cho đến tháng sáu này, thì binh A-lơ-Măn đem hết sức mạnh mà công phá binh Liềng-hiệp tại phía Tây đã ba lần rồi. Binh Liềng-hiệp đều đứng vững vàng luôn, vì đã có đề phòng, Pháp, Anh, Mỹ dẫu cật nhau mà ngăn ngừa chúng nó, ba đạo binh ấy một lòng một ý thành ra một đạo binh mạnh mẽ vô cùng ; lại còn thêm dưới phía Nam binh Ý, đương dụ chúng nó vào hang thâm mà phủ vây chúng nó ; bởi ấy cho

nên từ mấy tháng nay, binh Ý bắt binh Đức gần 30.000 người, và lính và quan. Còn trong thì có binh Bút-tu-Ghê (Portugais) và Tỹ-lợi-thì tiếp chiến đó, nếu A-lơ-Măn nó không có phép tiên : hô phong hoán vũ, di sơn đảo hải, sái đạu thành binh, thì nó không thể thắng binh Liêng-hiệp dặng.

T. S.

Tử chiến

Ông Nguyễn-văn-Nha (Félix), Cai lục-quân đạo 130e, và cũng là một vị Phi-công, tài bắn súng liên-thình hạng nhứt trên phi-thoàn, tánh lệ làng, lòng can-dã-m. Ngày nọ ngài cỡi phi-thoàn đi tuần thám, gặp giáp chiến với 4 phi-thoàn quân nghịch. Một mình mà đương cự cùng bốn, liều chết mà thôi, chớ không tầm đường tẩu thoát.

Tên người đã đem vào sổ công-thần ngày 19 Février 1918.

B. V. T. C.

Mười ngày ở Huế

(Tiếp theo)

Lấy cái cảm-giác nhà ái-quốc mà đọc những lời đó, trong lòng hưng khởi biết chừng nào ! Người vô tình cho là lời văn-chương, hư-sức, mà người có cảm với nước nhà qua câu văn hình như trông thấy cái hồn trong nước sinh-trưởng ở vùng Thuận-hóa Phú-xuân nơi đất cũ vậy.

Tôi vốn không tin cái thuật địa-lý của bọn thầy vườn lấy đồng đất giữa đồng, ngòi nước bên ruộng làm ngai rồng tay hổ. Nhưng tôi tin những nơi sơn-thủy kỳ-tú có ảnh-hưởng đến

vận mạng một nước. Người ta đối với cái ngoại-cảnh không phải là không có quan hệ. Người đồng-bằng biệt ra tính-cách đất đồng-bằng, người rừng núi biệt ra tính-cách nơi rừng núi; thói ăn cách ở, đường sinh kế, lối tư tưởng, không gì là không tùy theo cái ngoại-cảnh mà khác nhau. Huống chi là những bậc đế-vương mở đất dựng nước, những nơi sông núi xinh đẹp lại không có quan hệ với cái lòng hoài-bảo lớn lao hay sao ? Liệt-thánh bân-triều ta đặt nền Đại-Việt ở đất Phú-xuân thực đã dư tưởng mà biết cái cơ đồ vĩ-dại về sau vậy.

Người khách mới đến thành Huế tưởng như bước chơn vào bức tranh cảnh : Chung quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ hiệp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền, trong xa một tòa thành-cổ bao-la, thâm nghiêm kín cổng. Cái phong cảnh Huế sở-dĩ đẹp là thứ nhất bởi con sông Hương giang. Con sông xinh thay ! Hà-nội cũng có sông Nhị-hà, mà sông Nhị với sông Hương khác nhau biết chừng nào ! Một dòng ví như cô con gái tươi cười, một dòng ví như bà lão già cay nghiệt. Nhị-hà là cái thiên-tai của xứ Bắc, Hương-giang là cái châu báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, sông phẳng như tờ, ít khi có chút sóng dợn trên mặt, đi thuyền trên sông như đi trong hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm mất nửa phần. Nhưng đã có sông Hương, lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thật là toàn xinh. Ngự-bình không phải là một núi cao như núi Phú-Sĩ nước Nhật, Hương-giang không phải là một sông rộng như sông Hoàng-hà nước Tàu, nên nói rằng sông ấy núi ấy làm hiểm trở cho chốn Đế-kinh, thì cũng là nói quá, như sông ấy núi ấy thực là vẻ nên phong cảnh xứ Huế vậy. Vả cái khí-vị của phong-cảnh Huế không phải là cái khí-vị hùng-tráng, mà là cái khí-vị mỹ-diệu ; cảnh Huế xinh mà đẹp, không phải là hùng mà cường, đáng yêu mà không phải là đáng sợ, có thú-vị mà không phải là có khí-tượng. Phải nhận kỷ như thế thì mới khỏi lầm mà hiểu được tinh-thần của cái bức sơn-thủy hiển-nhiên ấy. Khi mới bước chân vào một xứ lạ, cái gì nó cảm mình trước nhất là cái cảnh ngoài. Có cái cảnh ưa người, như tươi cười mà đón khách, có cái cảnh ghét người như hăm-hiu mà mời gương, lại có lắm cái cảnh vô tình, mình hỏi không thêm đáp

phần đó là phần nhiều. Cảnh Huế là một cảnh rất ưa người, ngoài mắt mới tiếp-xúc trong lòng đã sinh cảm tình. Hay là lòng tôi đã nhiệt-thành sẵn mà dễ cảm như thế? Cũng có thể, nhưng bởi cái tình-thần riêng của phong-cảnh cũng nhiều.

Nay đã có cảm tình với cảnh Huế, phải gây lấy mối cảm-tình với người Huế nữa. Đó là cái công việc tôi trong mấy ngày về sau này....

Cái mục đích cuộc du Kinh của tôi là chủ xem tế Nam-giao. Vậy trước nhất hãy xin thuật chuyện giao.

Tuế Giao-đỉnh-nhật đêm ngày 12 rạng 13 tháng 2 Annam (tức là 24-25 tháng 3 tây). Tôi tới Kinh từ ngày mồng chín, có ý sớm mấy bữa để xem cái cảnh tượng-trong phố-phường cùng cách trần thiết ở Giao-dân. Mấy ngày ấy thành Huế tập-nập những kẻ đi người lại. Hai bên đường Hoàng-Thượng sắp ngự qua từ Nội-thành đến Giao-dân đương làm rạp đặt hương án. Những hương-án đó là do các thôn xã mấy huyện ở gần kinh-đô, mỗi làng phải đặt một sớ, nghe nói cả thấy mấy trăm sớ. Nhứt là con đường thẳng lên Nam-Giao hai ngày 10-11 đi dạo chơi không cảnh gì vui bằng: cờ xanh, cờ đỏ có đuôi nheo, cờ ngũ hành, các hạng cờ cầm san-sát hai bên đường, gió thổi bay cả về một hướng, xa trông phất phới, tưởng-tượng như con hoàng-long ở dưới đất nổi lên mà mỗi lá cờ là một cái vẩy đương rung-động vậy! Hương-án liên tiếp nhau, cách vài thước lại một cái, không có khoản nào bỏ không. Mỗi sớ có mấy viên ký-mục ngồi túc trực, sau lưng những hàng quán dựng lên nhàn nhàn. Giữa đường kẻ đi người lại như nước chảy; nào là người phục-dịch về Giao-dân, về các hương-án, nào là dân các nơi lại xem, đàn bà con trẻ cũng nhiều. Tôi có ý nhận những đám đông người ở đây rất nghiêm, không những như ngoài Bắc, Lính canh-sát có ít mà trên đường vẫn có trật-tự, không hề thấy đám đánh nhau chửi nhau, ồn-ào rộn rịp, thứ nhất là không có cái tiếng rất khả-ố là tiếng *cáp-kẻ* của bọn sấm chợ, như những khi hội-hè ở ngoài ta.

Cái vui của người dân đây nghiêm mà không nhả. Đại để dân xứ Huế rất có lễ phép, dầu bậc hạ-lưu cũng vậy. Xem đó đã biết là gần cái phong-hóa của triều-đình. Ngoài ta không hạng

người nào thấp bằng hạng phu-xe : ở Huế bọn phu-xe cũng có lễ phép, không hề nói tục nói láo bao giờ. Cái nhân-phẩm của phu-xe Huế còn cao hơn phu-xe ở Hà-nội.

Ngày 11 ta, giao-dàn trần thiết đã chỉnh bị cả. Chiều hôm ấy tôi cùng với ông Chương-dân lên xem khắp mọi nơi, muốn thấu trước lấy cái địa-đồ vào trong mắt để khi xem tế cho tường hơn. Xin thuật đại-khái như sau này :

Giao-dàn ở giữa đồng, rộng ước bằng hai Văn-miếu Hà-nội. Ngày thường là cái đàn không, không có nhà cửa gì cả : khi tế mới căng vải dựng nhà, tế xong lại triệt đi. Đàn chia ra làm bốn thành : thành cao hơn cả là Viên-dàn, thành thứ nhì thấp kém là Phương-dàn, thành thứ ba thấp kém nữa, đến thành thứ tư là khoئن đất bao chung quanh bằng với mặt đất ngoài, trông toàn thông cả. Khi tế thì chỉ trần-thiết trong ba đàn thứ nhứt, thứ nhì thứ ba mà thôi.

Đàn thứ nhất là viên-dàn thì căng vải xanh khắp cả, làm thành cái nhà tròn, gọi là thanh-ôc, trong bày như sau này : ở giữa đặt hai án chính vị, tả thờ Thiên-hoàn (Trời), hữu thờ địa-kỷ (Đất), đều quay mặt về-phía Nam. Ở hai bên thì tả hữu mỗi bên đặt ba án phối vị, đông tây đối nhau. Tả nhất án thờ đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế (tức là đức Nguyễn Hoàng tổ bản triều); hữu-nhứt-án thờ đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế (tức là đức Gia-long); tả nhị án thờ đức Thánh-tổ Nhân Hoàng đế (tức là đức Minh mạng); hữu-nhị-án thờ đức Hiến-tổ Chương Hoàng-đế (tức là đức Thiệu-Trí); tả tam-án thờ đức Dực-Tôn anh hoàng-đế (tức là đức Tự-Đức); hữu tam. Án thờ đức Cảnh-tôn Thuần hoàng đế (tức là đức Đồng-khánh) Đức Đồng-khánh mới thăng-phối năm nay là lần đầu, Hoàng-thượng đã ký-cáo trước ở Giao-miếu từ ngày mồng 1 tháng 2. Trước bấy nhiêu án đã kê trên đó, mỗi án có đặt 5 cái bàn để bày những đồ từ-khi tế-phẩm. Ở trước chín-vị, ngay giữa, đặt một cái nội hương-án là chỗ Hoàng-thượng đứng làm lễ. Ấy đại-khái trong thành thứ nhất trần-thiết như thế.

Thành thứ nhì thì ở trước viên-dàn về mặt nam dựng một cái nhà vuông căng vải vàng, gọi là hoàng-ôc. Ở chính giữa hoàng-ôc đặt một cái ngoại hương án (đối với nội-hương án ở đàn

trên) trước án đặt chỗ ngự bái đề Hoàng-thượng đứng tế. Hai bên tả hữu thành thứ nhì đặt tám cái án gọi là tưng đàn, đồng tây đối nhau. Trên đàn bắc khung căng vải, mỗi án đặt 3 cái bản độc đề bảy đồ từ-khi tế-phẩm, trước án đặt chỗ để các quan phân-hiến đứng tế.

Tả-nhứt-án thờ Đại minh-chi-thần (mặt Trời); hữu-nhất án thờ Dạ minh chi thần (Mặt trăng) tả nhị án thờ Chu-thiên-tinh tú-chi-thần (các vì sao trên trời); hữu-nhị án thờ Sơn-hải-giang trạch-chi-thần (các núi sông); tả-tam-án thờ vân-vũ-phong-lôi-chi-thần (mây mưa gió sấm); hữu-tam án thờ Khưu-lăng-phần điền-chi-thần (gò đồng đồng điền); tả-tứ-án thờ Thái-tuế nguyệt-tướng-chi-thần (thần các năm các tháng); hữu-tứ-án thờ Thiên-hạ-thần kỳ-chi-thần (bách thần trong nước.)

Thành thứ ba góc đông-nam đặt nơi *liệu sở*, trũ sảng củi bằng gỗ tưng, để khi tế đốt lửa làm đình-liệu, góc tây-bắc đặt nơi *ê-sở*, là chỗ đem cho mao-huyết những con sinh vật dâng tế. Trước mỗi sở có đặt cái bản độc, che tàn lọng. Về phía đông lại đặt nhà *đại-thứ*, căng vải vàng, che mảnh màu sắt vàng, để làm chỗ khi Hoàng-thượng ngự tới Giao-dàn vào nghỉ đấy, rửa tay, sửa áo, rồi mới lên làm lễ. Về phía nam, ngay ở sân dưới thềm, hai bên bày các đồ nhạc khí. Ngoài những trống chuông, chiêng, khánh, là đồ thường, còn có nhiều các đồ cồng nhạc lạ lắm. Nhứt là có một cái trống bằng gỗ, hình như cái hòm hồng mặt trên, khi nào bắt đầu một khúc hát thì đánh vào đấy một hồi: gọi là *chúc*. Lại có cái *ngũ*, hình con hồ nằm trên cái hòm, trên lưng thùng đặt mười tám miếng gỗ ken liền với nhau, khi hát xong một khúc lấy cái que siết vào thành tiếng *quet quet*. Những đồ cồng-nhạc ấy không ra thanh âm gì cả: ý-giã chế ra đó để cho y cồng-lễ mà thôi. Lại có thứ như đàn cầm đàn sắt lớn, cái sáo *bài tiêu*, chỉ bày mà khi tế không dùng đến. Canh những đồ nhạc khí thì phường nhạc phường hát sắp hàng đứng hai bên. Phường hát tức là phường múa, vừa hát vừa múa, theo lối gọi là múa *bát-dật*. Cả thấy có 128 người, chia làm hai ban *văn sinh* và *võ-sinh*, mỗi ban 64 người, có một thầy đội bác phẩm coi, bên văn là hiệu cồng *mao*, bên võ là hiệu ở *tinh*. Văn-sinh, võ-sinh đều mặc áo xanh, nhưng bên văn thì

tay áo r
(cái sáo)
cái *can*
vừa mủ
khúc V

Xét k
Thường
cái *biên*
tròn cá
Những
quả, ra
đen, b
không

Tôi
thật th
không
trông
dàn r
mộng
thế-k
Đườn
được
còn

(R

tay áo rộng, bên vổ tay áo hẹp. Văn-sinh tay trái cầm cái thước (cái sáo); tay phải cầm cái *vũ* (cái gậy); Võ-sinh tay trái cầm cái *can* (cái móc), tay phải cầm cái *thích* (cái búa). Khi tế thì vừa múa vừa hát, sắp làm 8 hàng, 8 người một bên, bên vổ hát khúc *Võ-thiên-uy*, bên văn hát khúc *Văn-thiên-đức*.

Xét kỹ những tế-khí bày trên cái bàn độc cũng là thuần cổ cả. Thường đọc trong sách cũ thấy những tên cái *tôn*, cái *lước*, cái *biên*, cái *đậu*, cái *phũ*, cái *quĩ*, nay mới được trông, cái thì tròn cái thì vuông, cái thì cao, cái thì thấp, hình-dáng rất lạ. Những đồ ấy dùng để đựng các thứ nước rượu, thóc, gạo, hoa quả, rau dưa, thịt cá, mỗi thứ một ít, để dâng tế thần. Lại cây đèn, bộ đỉnh, cái ống hương, cái mâm bông, cái đài, cái chén, không gì là không có cái vẻ cổ-lễ và mộc mạc.

Tôi muốn về Kinh để xem phong thề củ nước nhà, nay được thật thỏa thích. Nội trong Giao-dân không có một đồ vật gì là không cũ; những người hành động trong ấy, ăn bận mũ áo xưa, trông cũng rất là cổ. Khi mặt trời đã xế, một mình đứng giữa đàn rộng mênh-mông, mơ-màng tưởng như tinh-thần đương mộng-du ở một nơi thế giới nào khác, tự mười lăm hai mươi thế-kỷ về trước, ở đâu nơi triều-dinh nhà Hán hay cung-điện nhà Đường vậy. Người đời tàu bay tàu lặn mà trong giây phút được nhắc trông một cái cảnh tượng, đời Thượng-cổ như thế còn gì khoái lạc bằng!

(Rủ trong Nam-Phong.)

(Sau sẽ tiếp theo).

Đ. V. T. C.



Cha con Đức-hoàng Guillaume

Trước khi nổi giặc thì coi bộ các vua và các hoàng-đế bên Âu-châu đều kiên sợ Đức hoàng Guillaume thứ nhì lắm, mà thiệt không ai thương chút nào, cũng tại va, một hai khi ăn ở thô kịch, tỏ dấu không biết vì nể ai, và làm nhiều chuyện vụng về, nên không ai ưa, cũng phải.

Ai nấy đều biết Guillaume, làm sao mà mịch lòng vua I-pha-nho, là Anh-phong thứ 13, hồi vua này đến Kinh-đô nước Đức, khi ấy có bảy cuộc điều binh, vua I-pha-nho, mặt sắc phục quan năm Đức. Trên áo người có một đốm cà-phe, nhều nhảm. Vua Anh-phong thấy Đức-hoàng, thì đến chào mà nói lời điệu dàng như vậy :

« Tàu bộ-hạ, vua I-pha-nho, làm « quan năm Đức, xin đã lệnh ngài ».

Đức hoàng đem giọng nghiêm mà đáp rằng :

— Nếu ông quan năm trong đạo binh « của trăm, không phải « là ông vua I-pha-nho, thì trăm đã nói cho ngài biết rằng trên « bộ sắc phục của quan ấy, có một dấu cà-phe Langsa, thấy « rõ ràng ».

Vua Anh-phong cũng dùng một giọng nghiêm mà trả lời rằng :

— Tàu bộ-hạ, vậy mới biết rằng vua I-pha-nho làm quấy là « giải nhung-phục tướng quân I-pha-nho, đặt mặc nhung- « phục quan năm Đức, nên phải liền lật đặt đi thay lại cho « như cũ. »

Vua Anh-phong nói rồi bèn chào và trở gót đi đi.

Guillaume thứ nhì quen tánh làm như vậy: thuở mới lên ngôi, thì đã làm mịch lòng cả triều Ý cũng bởi những lời pha lửng nặng nề lại cũng vì không giữ nết na theo phép lịch sự. Vua Ý đương trị vì là Đức Victor Emmanuel thứ ba, thuở ấy, mới 18 tuổi hãy còn nhu và dễ dặc. Ngài không quên cái bộ vô lễ của Đức-hoàng trong chiều tối kia, khi dự yến rồi. Theo lẽ

nghe tron
một bà c
theo điệu
Victor E
quấy lãn
trương n
hùm, ga
Ai đều n
trận to
cho bi
chưa tu
không

Cậu
hơn. C
cũng c
quí đế
cậu. B
re xư

Còn
Cậu ở
ăn ch
Mộ
Cậu
sanh

D
tron
« Ng
Ngà

C
lớn

Mộ

C
cả

nghe trong trào thi khi dự yến rồi, Đức-hoàng phải đi gặp với một bà công-chúa rất xinh đẹp, của nhà vua Ý. Bà ấy ăn mặt theo điệu đi chơi lễ. Đức-hoàng đi với bà công-chúa Ý thì gặp Victor Emmanuel mà mỉm cười cách dễ hiểu ngầm nhiều điều quấy lắm. Đó là cách ăn thói ở của Đức-hoàng. Còn cậu con trưởng nam của Hoàng-đế ấy, vốn là một chú hề, một anh miệng hùm, gan sứa, chớ có ra chi mà nước Đức hòng khoe-khoan. Ai đều nói phần nhiều tại Cậu thái-tử ấy, nên binh Đức mới bại trận to tại sông Marne. Người người đều biết rằng cậu ấy xui cho binh Đức phải dở, vì quân đương giao chiến, thắng bại chưa tường, cậu đã chạy trốn trước, chạy vắt giò lên vai chớ không phải vừa.

Cậu ở không mà lo ăn cho nhiều, chơi cho dữ, thì lấy làm hơn. Có nhiều cuộc của cậu chơi để tiếng dị-nghị lắm. Ai ai cũng còn nhớ rằng khi cậu ở tại Stenay, có nhiều người khách quý đến thăm cậu: Ông già cậu đến chừng mười lần màrầy cậu. Bà già cậu thì đến mà khuyên lơn cậu. Các vua xứ Bavière xứ de Saxe, xứ Wurtemberg v. v. cũng có tới cậu.

Còn vợ cậu thì không có đến thăm cậu một lần nào hết. Cậu ở một mình, tại Stenay, thì chứa trong dinh những tay ăn chơi, làm cho người đồn rục rở.

Một cái nhật báo kia, thuật lại rằng: Ngày 27 tháng Janvier, Cậu uống rượu li bì và ó dậy xóm dậu làng mà ăn mừng lễ sinh nhật của ông già cậu.

Dân ở Stenay, thấy vậy thì nhớ lời tiên-tri của Hausi, nói, trong cuốn sách « Mon Village » của người đặt. Lời ấy là: « Người Langsa sẽ nhập địa phận nước Đức, ngày 2 janvier. Ngày ấy vua quan trong nước đều say trời chết. »

Cậu Thái-tử ngày 6 Mai ăn lễ mừng ngày sinh của cậu lại lớn hơn lễ ngày sinh của ông già cậu.

Ai lại không biết rằng gia đạo của cậu không thuận hòa. Một mình cậu không dự lễ rửa tội cho con cậu.

Kỳ thiệt, vợ cậu muốn một điều là phân ly với cậu mà thôi. Cậu thật là cã gan dám gởi cho vợ cậu những vật báu cậu ăn cắp trong các đền đài xứ Langsa, là nơi cậu lết tới. Bà vợ giận

cậu vì không biết kiên nhẫn mình, nên mới gởi đồ ăn cấp mà cho mình, bèn không lãnh. Bà Hoàng-hậu cho dâu làm vậy là phải. Đến đời Đức-hoàng, là tay quen làm vậy, mà cũng phải cho cậu thái-tử là quấy.

(George Rocher)

Rút trong «Cực-đông-thời-báo»

T. K.

Việc trong nước

Lễ Quốc-triều đại Kỷ-niệm ở Huế

Kỷ trước bản-báo đã đăng lời dụ của Hoàng-thượng đặt lễ Kỷ-niệm nước Nam vào ngày mồng 2 tháng năm ta là ngày Đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế (tức là đức Gialong) đăng-quang. Vậy ngày 2 tháng năm mới rồi, (tức là ngày 10 tháng 6 tây), ở Kinh-đô có cử lễ trọng thể lắm. Bản-báo tiếp được thơ một người bạn trường-an thuật về các lễ tiết rất tường tận. Xin trích lược và đăng sau này :

«..... Ngày mồng hai mới rồi đây là lễ Kỷ-niệm đức Thế-thờ-Cao-hoàng-đế đăng-quang. Tôi chỉ tiếc rằng Đại-huynh không rảnh đăng vào mà xem cái lễ trọng thể lắm. Ban đầu nghe rằng đức Hoàng-thượng đặt lễ Kỷ-niệm này ra, thì ngỡ rằng lễ ấy cũng thường thường vậy, chớ cái cuộc vui khó lấp quá cái cuộc vui của lễ Chánh-chung đăng. Mà đến ngày lễ mới biết là rực-rỡ, trang-nghiêm sự thể lắm !

« Buổi mai khi 6 giờ mai thì phát lệnh 7 tiếng. Đức hoàng-thượng, Tôn-nhơn-phủ, cùng các quan Văn Võ đình-thần đều qua yết và làm lễ bên Thái-miếu. Làm lễ xong thì phát lệnh 3 tiếng. Hoàng-thượng ngự về điện Cần-chánh, thiết thường-triều tại đó, vì điện Cần-chánh sửa chưa xong, trong khi ấy thì phát lệnh 21 tiếng. Ấy là xong lễ trong đền.

« Tuy chánh lễ là ngày mồng 2, mà từ mồng một đến mồng 3 thì trong thành ngoài phố đâu đâu cũng đèn thấp đèn, ngày cấm cờ hết. Vẫn xưa nay, bất kỳ lễ Chánh-chung hay là lễ lớn gì, thì nhà nào cũng treo cờ tam-tài, nên chi nhà nào cũng chỉ sắm một thứ cờ ấy mà thôi. Vậy mà trong lễ Kỷ-niệm này tự quan đến dân đâu đâu cũng treo cờ vàng trên có đỉnh tam-tài (*jaune écussonné de tricolore*) cờ ấy vẫn là cờ riêng của nhà nước ta, thuở nay trừ ra nơi cột cờ, thì không sở nào, nhà nào dám treo. Thiệt nhà nào nghèo lắm cũng làm cờ vải ta nhuộm vàng mà treo; ngó vậy thì biết cái lòng dân phục cái ý đức Hoàng-thượng đặt lễ Kỷ-niệm này ra làm thế nào. Đò ghe dưới sông, đều cũng thấp đèn như trên tộ.

« Cái chỗ chơi cũng là khéo lựa, nhắm em xem chợ lắm: hễ xưa nay, thường lễ Chánh-chung các trò chơi đều bày ra nơi đám cỏ rộng chợ Đông-bà, trước đường Paul-Bert, mà đây lại bày ra trước Phu-văn-lâu. Sau là cột cờ (*Cavalier du Roi*) ngoài vừa cái thành, đến Phu-văn-lâu, đến đường Paul-Bert, vừa làm hai cái bằng để các quan tây cùng quan Annam xem hát. Đến ngay đó thì có bến Lương-tạ, ngoài hết thì đến cái sân tàu. Hai bên Lương-tạ, một bên có một cái nhà sân của lính thủy ở, một bên thì có làm một cái bằng nhỏ để phát giải cho những trái đua. Trong Lương-tạ và mấy cái bằng đều rực-rỏ đẹp để vô cùng, nào cờ xi, đèn đuốc, ghế đẩu, toàn đồ trong nội chỗ ra hết; ghế thì da màu lá cam đậm, có con rồng vàng doanh, xiên xiên nơi chỗ lưng dựa, chân ghế thì chạm trổ theo kiểu « Trung-cổ-phục-hưng (*Renaissance*). Cả cái khoản đất từ cửa Thế-nhơn, đến cửa Quảng-đức dọn sạch bóng như gương, có dựng du bầu cho thiên hạ chơi.

« Các đình, điện, phủ, tòa, sở công, sở tư đường xá, cờ xí đều trần thiết đẹp-đẽ vô cùng. Các chỗ làm việc quan đều được nghỉ một ngày. Người đi coi rậm rật trong mấy ngày, đông như kiến cỏ, trai thanh gái lịch, nhà quê hàng phố, ngó trên cầu Trương-tiền như đen đi nứa cầu; thiệt là:

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm! « Dưới sông nhiều cái lâu thuyền rất đẹp đẽ: bốn năm chiếc thuyền kết lại, trên làm

lầu đài trần-thiết, biết mấy công trình, hao tổn bao nhiêu tiền bạc. Nào tôn phở, nào Văn-ban-dinh-thần, Võ-ban-dinh-thần, nào trưởng hậu bồ, nào trưởng Quốc-tử-gián, nào Thừa-phủ, đều kết lâu-thuyền như thế cả, mỗi cái lâu-thuyền như vậy, tốn chừng 250\$ đến 400\$ chớ không vừa ! Như cái lâu-thuyền của Tôn-phở là trước có kết đầu rồng bằng đèn, thùng thỉnh rồng phụng lửa ; cái lâu-thuyền của Thừa-phủ thì hai bên có hai con rồng thiết lớn, miệng ngậm hai bột châu ; cái lâu-thuyền của Văn-ban-dinh-thần thì làm hoành, làm liên, toàn bằng hoa quả, cái bàn để đồ ăn thì có xây một cái lầu toàn bằng kẹo ; trưởng Hậu-bồ và Quốc-tử thì thuê riêng một chiếc ghe vẽ lại sơn lại, trên thì treo cờ xí, như dáng một chiếc thiết-hạm, Võ-ban-dinh-thần kết cái lâu-thuyền cũng dụng công lắm, lại có pháo bông mà đốt riêng nữa ; lâu-thuyền của Thừa-phủ cũng đẹp lắm, trên tầng trên để vọng một cái ngai vàng.

« Còn người ngoài, ai ai cũng đều thuê đồ mà đi coi, đã tổ dựng cái lòng thành với Nhà-nước sau lại dựng hưởng một cuộc vui rất nhã và quý lắm. Đồ nào cũng đều kết bông hoa, cờ xí, đèn đuốc lờ lợt hết sức ; như hội nhạc Quảng-đông của Bùi-tiên-Sinh.

« Khi 2 giờ rưỡi chiều thì trong thành kéo quân ra, độ 200 quân, cờ-xí, long tán, trước hai voi, sau hai voi, ra cửa Thượng-tứ, qua đường Paul-Bert đi ngang qua đường Phú-văn-lâu, rồi vào cửa Quảng-đức, trở về đóng tại Ngọ-môn. Cách ấy cũng như cách duyệt binh. Đến khi đức Hoàng-Thượng ngự ra, thì rút những vệ cờ cửa long bát tú, và cấm y thương trực đi đóng hầu tú bến tàu, đến Phú-văn-âu. « Đến 3 giờ rưỡi chiều thì quan Tây quan Annam đều đủ mặt. 4 giờ thì đức Hoàng-Thượng trong đèn ngự xe điện ra cửa Thế-nhơn, quan Khâm-sứ-dại-thần bên tòa đến, quý-quan cùng quý phu-nhân đều đông đủ. Khi 4 giờ rưỡi thì đua, đua đến 3 lần, mỗi lần lộn ba về. Đức Hoàng-Thượng, quan Khâm-sứ, các Cụ-lớn, các quan Tây đều ngồi trên bến tàu xem đua. Hai ngài Hoàng cùng hết thấy các bà nội-cung đều đi chiếc Xà-lúc « Phú-xuân » có trái kéo ra giữa dòng Hương-giang mà xem, mặc xà-lúc trở quay vào trong bến tàu. Có long-thuyền và xà-úc nhỏ canh tuần, còn xung

quanh
kể, na
mà đư
nhạc,
bên ng
khởi m
chỗ đ
bốn c
ngoài
mà cá

« K
cùng
con h
ngồi t
có đ
đầu c
cái l
đèn
tả h
đàn

«
nghe
trời
nga
phá
cái
mu
ta
nó
lễ
của
kh
tr
cu
th

quanh thì nào ghe, nào xuồng, của người đi coi không xiết kể, nam thanh nữ tú, ăn mặc mỹ miều, cũng luồn gió bẻ măn mà đua tài đua sắc! Khi dò đua thì các lâu-thuyền đều đánh nhạc, đốt pháo bông, đua rồi hai lần thì. . . , lạ thay. đầu bên ngả Thừa-phủ có bốn con cá gáy rất to lớn, lưng đứng lên khỏi mặt nước, hai con vàng, 2 con đỏ, thùng thẳng lội đến chỗ đức Hoàng-Thượng ngự, rồi đi ra một đoàn đều đặn lắm: bốn con cá ấy té ra bốn chiếc xuồng nan, trong có người chèo, ngoài thì phất cốt cả. Rất khéo, rất nhả! Dưới nước thì có cá! mà cá lại cá gáy! Thiệt là khéo lựa!

* Khi đua xong rồi thì vừa khởi sự múa tam-tinh, múa tứ linh cùng bát tuồng Giang-đông phó hội trong rạp hát, con hát dùng con hát trưởng Thanh-bình. Các quan Tây, quan Annam đều ngồi trong 2 cái băng tả hữu mà xem hát. Đức Hoàng-Thượng có đãi đủ các thức rượu, bánh và thuốc. Khi 7 giờ tối thì đầu đầu cũng thắp đèn, nào trên bộ, nào trong mấy cái băng, mấy cái lâu-thuyền và dò người đi coi, mặt nước dợn như vàng, đèn lóng lánh như sao! Đốt pháo bông trên cột cờ, và hai bên tả hữu Phu-văn-lâu. Khi ấy trong các cái lâu-thuyền thì thời đàn địch đánh chuông trống.

* Hai bên thiên hạ, trên bờ dưới sông, lặng phất như tờ mà nghe. . . . — Đến khi đốt pháo phun hoa cải đỏ chói nửa lưng trời, khói hóa ra ngũ-sắc ngó như mây như giáng-phong trên ngai đức Hoàng-Thượng ngự. Sau thì ngọn cờ vàng bay phất phới! Đẹp thay! xinh thay! Dầu lấy ngàn vàng mà mua cái cảm giác trong cái cuộc ngoạn mục ấy thì cũng liệu đi mà mua lấy. Ôi! Khi ấy mới biết tuy ở đó là mấy ngàn con người ta mà như một người! một lòng! ý hiệp tâm đầu, trong ngực nó cứ đánh phập phồng. Nhìn thử mà nghe nhạc một cách lễ phép nghiêm trang. — Khi ấy như tuần cái hồn to tát của đức Thế-tổ ta bay phưởng phất đầu trên khuôn trời xanh ấy, khiến cho lòng người phải chạnh tưởng đến công-đức của bậc triều! Thiệt ngó như một bức tranh vẽ thiên nhiên! Giá như cái cuộc vĩ quan ấy mà bày ra nơi Đông-ba, thì tôi tưởng cái phong-thủ nó mười phần cũng giảm đi bốn; bức tranh đẹp mà lộng

trong cái khuôn khéo ấy là hoàn toàn ! Bốn con cá thì khi ấy thấp đèn trong lòng mà cứ liệng đi liệng lại, xinh !

« Mà quý thay ! đã tháng năm là tháng nắng trời không mưa, cớ xí áo xống lại càng rực rỡ ; mà lại ngày mồng 2 đêm không trăng đèn đốc thêm rạng rỡ ! Chẳng những là năm nay mà lại còn nhiều năm nữa, còn đời đời kiếp kiếp sau này, lễ Kỷ-niệm sẽ thành ra một cái quốc-phong là chúng ta đều đặn hưởng cái cuộc vui ấy, cuộc đồng lạc ấy, trời cũng hùn phần vào : là giúp cho cái ngày không mưa, đêm không trăng đó. « Tối lại khi 8 giờ thì đức Hoàng-Thượng ngự vào đền, quan Khâm-sứ đại thần về phủ, và nội-cung về cung.

« Khi ấy trong mấy cái lâu-thuyền và các chiếc đồ riêng của các đức ông, đức bà, các quan các thầy đều bày cuộc chơi ra, nào là nhà trò, nào là ca đờn hát xướng không thiếu thứ gì. Trong cái lâu-thuyền của Văn-ban đình-thần thì hát nhà trò, các quan liền khi ấy đặt bài nhà trò tôi có sao đặt biên sau này cho Đại-buynh xem cho vui.

« Dưới Hương-giang thuyền liệng sáng như sao, thiệt là vui vẻ quá.

« Vậy mà đây mới một lần đầu chưa cỡ-chung gì mấy, thiên hạ chưa biết đều hết đầu đuôi, nhiều người đến nỗi chưa nghe đến cái tiếng « Kỷ-niệm » huống chi biết cái nghĩa sâu xa của lễ « Kỷ-niệm » ? Vả chẳng bên Mậu-bang đương bối rồi, cuộc vui chơi ấy cũng giảm bớt nhiều.

« Thiệt đức Hoàng-thượng ta lập cái « Kỷ-niệm-đại-khánh-tiết » này, toàn cả quốc dân lấy làm hoan hỉ sung bái lắm. Tuy là cái cuộc chơi mà nuôi dưỡng đặng cái quốc-hồn cho công-chúng, cuộc chơi mà làm cho xuôi thiên hạ nhớ đến cái công-đức xưa, cuộc chơi mà làm cho cái trình-độ của chúng-tộc ta tấn tới, cuộc chơi mà lập đặng một điều khuyết-hám một trăm mười sáu năm, thì cuộc chơi ấy là một cuộc chơi có ích và đáng quý là bao !..... « Sau này tôi xin sao bài nhà trò của các quan :

« Ng
phục
công
nguyên
nhất
tế, ng
khi V
mặt
buôn
xuân
ức t
ấy c
tron
Trên
đều
mới
....

xu
là
th
d
c

- « Rõ ràng ngọc-chúc kim giai,
- « Mừng nay an-lạc nhớ ngày gian nan.
- « Rượu sen dâng chúc chén vàng.
- « Gọi ngày Kỷ-niệm Cao-hoàng năm xưa.

« Ngày mồng hai tháng năm, năm Nhâm-tuất, ngày ấy là ngày phục quốc tân hoan ! Ngứng trông xưa đức Thái-tổ Cao-hoàng, công nghiệp với Võ Thang đều sánh ví. Kể từ thuở dựng cờ nguyên-soái, bến Long-xuyên lắm chỉ rửa thù. Đến Saigon mỗi nhất thống mở mang từ bến Ngé Trong quan đã nhiều vai kinh tế, ngoài thần thêm lắm kẻ tay chân. Khi Cần-giờ khi Phú-quốc, khi Vọng-các, khi Qui-nhơn, thuyền Long-Phụng lẩy lừng trên mặt bể. Trong hai mươi năm gian nan chi xiết kể, gió xuôi buồm thuận Huế thẳng vào. Giặc Tây-sơn khiếp vía bôn đảo, xuân kinh phúc súng chiêu đem lại. Hồng nghiệp phi khai thủy ước tái, chánh biên cung kỷ chiếu thiên thu. Lịch vô-cương từ ấy chép năm đầu, thâu thánh kế kim âu vừng đặt. Nhìn bờ cõi trong Nam ngoài Bắc, an-lạc rày chạnh nhớ lúc gian-nan. Trên chín tầng ban xuống chiếu vàng, ngày Kỷ-niệm xa gần đều vui mến. Phong-hóa đã một ngày thêm tấn, có ngày xưa mới đến ngày rày. Tiệc vui xin nhớ hôm nay !

C.....

(Rút trong báo Nam-Phong)

Phong tục xứ Xiêm

Trong báo « *Tribune Indigène* » nói có một đồng-bang ta ở xứ Xiêm 15 năm, về thuật nhiều phong tục xứ ấy rất ngộ, như là lễ táng một ông vua Xiêm. Hễ mỗi khi vua Xiêm băng rồi, thì cả nước đều chịu tang, dặng tỏ lòng bi ai. Cả triều-thần đều lo tính tôn vua khác lên ngôi cho vững vàng, rồi mới dám cho thiên hạ hay tin buồn ấy. Chừng hay thì xát vua đã liệm rồi.

Trên mặt thì đề một cái mặt già làm bằng vàng ròng. Kế thỉnh xát ấy đem đề trong thái-miếu kêu là Maha-prasatr là đền thờ hoàng-thân quốc-thích. Cách giữ gìn cái xát của vua xứ ấy thiệt rất kỹ và tốn hao hết sức. Xát của vua liệm rồi thì để ngồi xếp bằng, hai tay chấp ngan ngực như tượng phật trong một cái án bằng vàng hết sức lớn và chạm hình rất khéo. Xung quanh thì chạm trổ và gắn châu báu vô số, nhứt là có mười hột châu vô giá. Mười hột châu ấy, theo tục lệ thì chỉ dấu mười vị phật của đạo Thích-ca, trước bình vàng thì đề cái mào của vua, cây bính-quờn, cây gươm vía, cái hộp đựng vật quý-báu của vua, và hết thấy các món chi vua thường dùng hồi còn sanh tiền, thì gộp đề chung trên bàn trước bình vàng ấy.

Mỗi ngày, thì cũng cứ việc đem dâng cho vua cơm nước trần cao trên một cái mâm bằng vàng, nói tắt một lời, xứ ấy thiệt thờ vua hết lòng, tử như sanh, nên cho đến ngày thiêu rồi cũng giữ một lòng nhiệt thành mà thờ vua, hiển lễ lộc vật thực như vua còn sống vậy.

Xát vua đề tại Thái-miếu chừng một năm cũng quá một năm. Trong lúc ấy trong triều lo lập một cái tháp để thiêu. Tháp ấy cất bằng tre. Tuy vậy chớ kiêu, chế khéo vô cùng nói không tròn được và lớn lắm. Chung quanh tháp thì có lập nhà mát nhỏ đẹp để lắm, lại có chiếc nhánh cây tươi tốt trông vòng theo. Dưới bóng cây thì thấy những giấy bông, và tượng hình mấy thú lạ của xứ Xiêm.

Đến ngày táng, thì thỉnh cái bình vàng lớn đựng xát vua đi khắp cả kinh-đô. Nhơn dân đều hơn hởi vui chơi nhiều cuộc. Còn tân-quân thì cỡi một thớt voi đi rào mấy chỗ đông đảo mà bố thí tiền bạc. Cách bố thí cũng ngộ: Tiền bạc cũng giấy được phép lãnh bạc tại kho vua, thì đề hoặc trong trái chanh hay là trong trái chi tròn, rồi quăng cho thiên hạ lượm. Các viên quan ở Âu-châu thì lãnh được nhiều món vô giá, thường là tượng thú vật nhỏ bằng vàng ròng.

Mỗi đêm thì đốt pháo nhiều kiêu lạ và khéo. Pháo ấy thì mượn thợ chęc danh tiếng trong hoàn-câu làm mà thôi. Mỗi chỗ đông đảo thì có lập rạp hát hát sáng đêm, thiên hạ coi đông vô số.

Đền n
tháp tre
chất ch
chạm c
vua thi
miếu m

Vi
10
chức
20
Long
30
Rạch
lên
40
xuyê
Tri-
50
lên
6
chú
7
gò

Đến ngày định lên giăng hỏa, thì đem xát vua đề trên cái tháp tre rồi lấy các thứ quí mộc như trầm hương vân vân, chất chung quanh mà đốt. Dùng thuốc mà giã hỏa, rồi cứ lo chụm cho cháy hoài chẳng hề dám quên mà đề tặc. Chừng xát vua thiêu ra tro rồi, làm lễ rất lớn dâng thỉnh đem về Thái-miếu mà thờ chung với ông bà của đời vua ấy.

(Sau sẽ tiếp theo)

LÊ-TOÀN.

Cận nhứt tân văn LÊN CHỨC

Vì lời nghị quan Nguyên-soái Nam-kỳ ngày 9 juillet 1918:

1^o Ông Nguyễn-lức-Tổ, Travinh, Tri-phủ hạng nhứt, lên chức *Bộc-phủ-sứ*.

2^o Ông Nguyễn-hảo-Nhơn, Travinh, Trương-vĩnh-Việt, Long-xuyên, Tri phủ hạng nhì, lên chức *Tri-phủ hạng nhứt*.

3^o Ông Trần-cửu-Trường, Chaudoc, Lê-minh-Phụng, Rạch-giá, Trần-nguyên-Lượng, Mytho, Tri-Huyện hạng nhứt, lên chức *Tri-Phủ hạng nhì*.

4^o Ông Lâm-ngươn-Thơ, Hà-tiên, Phạm-hữu-Công, Long-xuyên, Trương-ngọc-Lãnh, Baclieu, Trương-văn-Nga, Sadec, Tri-Huyện hạng nhì, lên chức *Tri-Huyện hạng nhứt*.

5^o Ông Nguyễn-v-Hiền, Hà-tiên. Thơ-ký thiết thọ hạng nhứt, lên chức *Tri-Huyện hạng nhì*.

6^o Ông Trần-minh-Hiền, Bentre, Thông-phán hạng nhì, lên chức *Thông phán hạng nhứt*,

7^o Ông Nguyễn-thành-Cương, Baclieu, Dương-tấn-Văn, Saigon, Thông-phán hạng ba, lên chức *Thông-phán hạng nhì*.

80 Thầy Phan-công-Minh Vinblong, Nguyễn-văn-Thấm, Saigon, Phan-thơ-Tài, Longxuyên, Nguyễn-ngọc-Nở, Vinh-long, Lâm-Em, Soctrăng, Bùi-quang-Tân Cabinet, Thơ-ký thiết thọ hạng nhì, lên chức *Thơ-ký thiết-thọ hạng nhất*.

90 Thầy Lâm-Khun, Soctrăng, Huỳnh-thiện-nguyên Tân-ninh, Đồ-cai-sô, Biênhoa, Lê-văn-Chi, Giadinh, Trương-minh-Giảng, Cabinet, Trương-ngọc-Sang, Cabinet; Thơ-ký thiết thọ hạng ba, lên chức *Thơ-ký thiết-thọ hạng nhì*.

100 Thầy Nguyễn-văn-Phải, Giadinh, Đồ-phước-Tâm, Baria, Nguyễn-văn-Phụng, Đội thông-ngôn, Đồ-văn-Kia, Mỹ-tho, Văn-ngọc-Tôn, Cholon, Nguyễn-tấn-Văn, Saigon, Phan-văn-Ngôn, Saigon, Thơ-ký thí sai hạng nhất, lên chức *Thơ-ký thiết-thọ hạng ba*.

110 Thầy Nguyễn-văn-Mãng, Cholon, Nguyễn-khắc-Nường, Gocong, Hồ-văn-Thông, Thudaumot, Nguyễn-văn-Sùng, Longxuyên, Trương-văn-Phụng, Hatiên, Lê-minh-Tâm, Thudaumot, Huỳnh-văn-Ứng, Nguyễn-văn-Đất, Saigon, Thơ-ký thí sai hạng nhì, lên chức *Thơ-ký thí sai hạng nhất*.

120 Thầy Nguyễn-chánh-Hải, Đội Thông-ngôn, thầy Tô-văn-Quá, Tayninh, Bùi-quang-Đồn, Longxuyên, Nguyễn-văn-Nho, Biênhoa, Võ-văn-Cang, Vinhlong, Ng-văn-Liêm, Vinhlong, Huỳnh-văn-Đầu dit Sanh, Saigon. Thơ-ký thí sai hạng ba, lên chức *Thơ-ký thí sai hạng nhì*.

130 Thầy Hồ-v-Quy, Thudaumot, Nguyễn-v-Miệt, Poulo-Condore, Ng-v-Khương, Choquan, Huỳnh-trình-Lê, Saigon, Hồ-văn-Câm, Saigon, Võ-văn-Giỏi, Saigon, Ng-văn-Trọng Saigon, Dương-v-Mâu, Saigon. Thơ-ký học tập, lên chức *Thơ-ký thí sai hạng ba*.

140 Thầy Lâm-Hiêu, Thudaumot, Huỳnh-đình-Ngân, Cai-tổng hạng nhì, lên chức *Cai-tổng hạng nhất*.

150 Thầy Ng-v-Bồn, Biênhoa, Dương-v-Hồ, Sadec, Trần-v-Cương, Cholon, Huỳnh-đình-Kiên, Baria, Trương-thới-Lương, Giadinh, Nguyễn-v-Yên, Travinh, Ng-v-Tôn, Giadinh, La-v-Ty, Biênhoa, Cai-tổng hạng ba, lên chức *Cai-tổng hạng nhì*.

160
Huỳnh,
Cholon
văn-T
chức
Bồn

H
phép
và A
100.

1
1
2
4
C
thi

h
m
k

160 Thầy Lý-Nhiều, Barja. Lâm-Cơ, Thudaumot. Nguyễn-v-Huot, Chaudoc. Trần-hưng-Nhượng, Giadinh. Nguyễn-văn-Bích, Cholon. Lê-văn-Sơn, Cholon. Tô-dức-Trinh, Cholon. Nguyễn-văn-Tại, Mytho. Trần-văn-Trò, Mytho. Phó-tổng hạng nhì, lên chức Phó-tổng hạng nhất.

Bồn-Quán kính mừng chư quý vị.

B. V.

Cuộc xổ số

Hội Ái-quốc Áng-lê có được chỉ dụ ngày 14 Juillet 1918 cho phép xổ số đặng lấy tiền giúp cho hội Hồng thập tự Langsa và Áng-lê. Bán ra mười. muôn số, mỗi số giá 1\$00, cộng 100.000.\$00; cho 457 số trúng như vậy:

1 số độc đắc trúng	20.000.\$00	20.000.\$00
1 số —	5.000. 00	5.000. 00
1 số —	2.500. 00	2.500. 00
1 số —	1.000. 00	1.000. 00
3 số, mỗi số trúng	500. 00	1.500. 00
100 số, mỗi số trúng	100. 00	10.000. 00
100 số —	50. 00	5.000. 00
250 số —	20. 00	5.000. 00
457 số		50.000. 00

Giấy số có bán tại các nhà buôn bán lớn ở Saigon, các tỉnh thi mấy bà Đại-lý Hồng-thập-tự bán, và tại Tòa bố.

Sự ruỗi ro

Sớm mai ngày 18 Juillet 1918, Quan Toàn-quyền lên xe hơi ở Quảng-Trị về Huế. Xe đến một cái cầu vắng coi mỏng mảnh, nên ngài xuống xe mà đi bộ qua cầu. Một cái xe hơi khác thỉnh lình chạy tới đụng nhằm Quan Toàn-Quyền, bị trầy

nặng, song nhiều lương-y đến khám bệnh, khai rằng tuy bệnh như vậy, mà không có dấu chi lo sợ. Vì sự ruỗi rọ ấy, nên ngài phải tạm lại Huế chừng 10 ngày dưỡng bệnh. Bồn quán lấy làm lo buồn sự ấy và bết lòng cầu nguyện cho Ngài mau lành bệnh.

Rất may thay, nay nghe Ngài, quý-thê đã huân hòa và Ngài đã vào tới Saigon rồi.

Đ. V. T. C.

Sửa chỗ sai

Nơi trưng số 554, kể từ mục *TÌNH THÂN-ÁI HUÊ-KỲ VÀ PHÁP-QUỐC* cho tới khoa *Âu-á* từ *đàng* đó, thì thuộc về khoa *ĐÔNG TÂY THỜI VỤ*, vì ân-công vô ý nên quên để 4 chữ *Đông tây thời vụ*, xin khán-quan miềng nghị



ÂU Ấ TỪ' ĐÀNG

Văn

LẬP HỘI THUYẾT

lược giải

Hoặc hỏi : Đại-việt Tập-chí số 4 Lập hội Thuyết có nói rằng :
gấp gấp toan lo 6 điều :

BINH-HỘI, TÀI-HỘI, SĨ-HỘI, NÔNG-HỘI, THƯƠNG-HỘI,
CÔNG-HỘI.

Chưa biết 6 điều ấy sự thiệt tương tện, phải canh-trương
thi-thố làm ra làm sao ?

Hoài-nam-Tức, viết :

Chúng nghị thành lâm ; vô dục nhi phi, (đồng người bàng
tính, đất bằng thành rừng, lại cũng như chim không cánh mà
hay bay). Sự lập hội, ý tôi muốn đem đề mục nêu lên đó, chờ
cho có chúng nghị mới mau thành, nên chẳng dám xưng ra
mà độc đoán. May đâu Nông, Thương, Công, Nghệ thấy đã bày
mời lục tục phát nhần, tuy chưa như nguyện, song cũng bày
đường chỉ nẻo, có ngày chúng ta cũng được bước lên đường
cả, gìn giữ lợi quyền ; chỉ có Binh, Tài, Sĩ hội 3 điều chưa
từng nghe chỗ nào bày tỏ phương châm nên hoặc giả kiên nghị
sách giải, dư nhục hà từ yên (đã nghị cầu giải rõ, ta đâu lại
dám từ chối vậy).

Ô hô!!!

BẮT CẢM TỰ TƯ KỶ

(Chẳng dám riêng đâu yêu

Thân,

Tài,

Tức,

Mình),

Của),

Con),

Ba câu ấy là cang-lãnh của ba hội sẽ bằng tới đây.

Đã lấy thân này mà hứa với Xã-hội rằng : *nhứt phần tử*, thời thân này dùng vào Xã-hội nhằm trách dụng nỏ, cũng chẳng từ nan ; dầu ra mà *Tùng-quân* thiên tân vạn khổ, cũng phải vui lòng, há dễ kiếm phương ty trọng tự khinh (như thành tục của xứ mình mỗi khi điền lính) cho đáng ; Âu-Mỹ các xứ người người đều thạo việc binh, nên đến khi quốc-gia hữu sự, nhứt hô bá ứng, người đều *dòng dục dụng binh* ; *Cường tai kiêu*. Nay quốc-dân ta hữu hạnh, được có chỗ mà nghiên cứu theo chánh sách của Xa-công. Sao không sốt sắng, lo cho mau thành Binh-hội cho biết sự quý lúc này ; *Điều dòng dục giả tương tòng tương*. (Chim đồng cánh bay luyện theo nhau) ngàn năm một thuở.

Thân này đã chẳng tiết cùng Xã-hội, dầu tài sản muốn trân trọng tự-tư, thời có nghĩa gì ? Quốc-gia hữu sự thời chúng ta phải rõ nghĩa Quyên-xi (cho của) cung binh phí dam hết lòng thành cùng Chánh-phủ, mới gọi là phần tử phân ưu ; lo thê, dầu mà chẳng nghĩ là việc chung, đến khi thành bị lửa thiêu, họa lây ao cá, thời dữ sao cho toàn vẹn thân gia ; ấy đó : Tự tư kỳ tài, chung qui vô ích, cho biết nghĩa lo lập Tài-hội không phải là đều trẻ phỉnh phờ.

Mạnh-tử viết :

Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi, tam lạc giả. (được anh tài thiên hạ mà dạy nuôi đó, ba sự vui vậy) đơng kiêm Tân-cựu học chu-tôn đều thông nghĩa ấy là đại hữu ích, chỉ hiềm thiêu phương pháp và thế lực, cho nên coi cả thấy Xã-hội, dường như bỏ qua ; không vậy sao ? mà nhà giáo dục còn nhiều chỗ bất tiện điều đặc con em ; nhứt là thương nhà bần bặt, có trẻ thông minh mấy ai mà lo cho có thê gì bảo bọc chúng nó, nuôi dạy cho tới thành thân, rất uổng vậy thay ! ! Xã-hội nào mà không rõ thấu tình cảnh thâm thiết ấy ? Nên rõ thấu tình cảnh phải lo phương pháp và thế lực, đặng điều đình cho bảo toàn đừng dễ bỏ qua mà hại cho đám *nhục-tử khả giáo*. Vậy thời phải lập ra Sĩ (士) hội, chỉ lo gìn giữ cho có Tư-bồn mà cấp dưỡng các Sĩ-tử cô cùng, liệu cho chúng nó *cập thời tân tu*

nêu nói rằng: nhà mình còn có con cháu mình, lo cấp dưỡng chưa kham, lo đâu mình mong vậy? ấy là: Tự tư kỷ tử, có nghĩa nào mà xưng rằng: Công ư Xã-hội bao giờ. Lời ba đều lược giải trước đây chưa để định bình, Xin chư-tôn tái nghị.

Đặng-thúc-Liêng.

Khuyến học văn⁽¹⁾

Thánh-tổ Nhơn-Hoàng-đế (Minh-Mạng) Ngự-chê.

HỒ-KHỞI-ĐÔNG phụng diễn

- « Quân-tử thành đức chi danh, quý hồ hữu thể hữu dụng,
- « Nho-giã vị kỷ chi học, yếu tại thành thĩ thành chung.

Người quân-tử đức nên tiếng gọi ;

Kẻ nho-nhơn học hỏi vì mình.

Thề, dụng quý có cho tình,

Trước sau tóm ở đều thành mới thôi.

Ấy mới gọi : làm người đại-đức,

Ấy mới rằng ; làm bậc chơn-nho !

- « Câu đán tịch chi bất cần, tác công phu chi hữu gián,

Sớm khuya dầu chẳng siêng lo.

Hoặc khi xa giức công phu sao đành ;

- « Hạ-Võ đại-thánh tư tư du tích thốn âm.

- « Tăng-tử đại-hiền miến miến thường gia tam tĩnh,

Vua Hạ-Võ là nền đại-thánh.

Thầy Tử-Tư cũng chánh đại-hiền ;

(1) Quan Toàn-quyền A. Sarraut mới ban hành các thẻ lệ về việc giáo-dục trong cõi Đông-dương, tưởng cũng nên ăn hành bài khuyến học này của đức Minh-Mạng đặt cho quốc-dân rõ thấy, khi trước vua ta cũng trọng sự giáo-dục là giềng nào.

Người còn sức gấn công chuyên.
Tiếc theo tắc bóng, xét liền ngày ba,

« Hán Đồng-tử hạ đi nhi lệ chí.
« Đường Xương-lê kể quĩ dĩ thành công.

Người Đồng-tử rất là rắng chí,
Chàng Xương-lê quyết ý nên công ;

Xū mãn vườn chẳng mất trông,
Thấp đèn nối bóng học không buổi rời :

« Bĩ hà nhơn ngã diệc hà nhơn, vì chi nhược thị,
« Cồ thử đạo kim đồng thử đạo, chí giả cạnh thành.

Kia cùng ta đều người nào khác,
Xưa với nay cùng một đạo nầy ;
Có làm thì cũng như vậy,

Chí châm thì cũng kiếp rày bền nên.
« Nhĩ đẳng sanh ư thiên địa chi gian, đồng đất âm dương chi khí.
Chúng người ở trong nền trời đất,
Khí âm dương đẳng rất tốt linh ;

« Vạt các phú vật, tuy vân hoặc bác hoặc thuần,
« Nhơn sơ vi nhơn, diệc hữu hi hiền hi thánh,

Tuy cho rông lộn khác hình,
Cũng người làm vậy trong in thánh hiền.

« Tất tiên căn hồ sái táo ững đối tấn thối chi tiết,
« Hựu thử cập hồ lễ nhạc xạ ngự thơ số chi văn,

Tiết văn nầy ghín siêng thử trước,
Tới lui rồi lễ nhạ đều hay ;

« Lập như trai toạ như thi, học nhi thi tập,
« Chính kỷ tâm thành kỷ ý đức hựu nhựt tân.

Đứng ngồi như dạng kính chay,
Ý lòng thi cũng thiết ngay như thường.
Chim mới bay học dường buổi tập,
Ắc sớm lên đức kịp ngày dồi ;

« Hàm

« Mãn

Th

Siêng

« Kinh

« Sữ v

Giống

Sách t

D

Xét

« Nh

« Hà

« Vu

« Vu

Phép

Đều

Mà c

Thi

Lễ n

« T

« X

T

« F

« X

Hi

Kể

« Hàm vịnh hồ kỳ sở dĩ nân
« Mãnh miên hồ kỳ sở vị chí

Thăm nuần những chỗ hay rồi;
Siêng năng những chỗ tôi lui chưa tường.

« Kinh già tải đạo chi khi, đương dụng lực dĩ giãn cầu,
« Sữ vi kỳ sự chi thơ, yếu tận tâm nhi suy cứu.

Gống chở đạo kinh thường năm bộ,
Sách thiết biên sử đủ mấy đời.

Dẫn tiêm dùng sức nơi nơi,
Xét suy hết dạ lời lời gần xa.

« Nhả ngôn mạc thiết ư thi thơ, thi thơ cần nãi hữu,
« Hành đạo mạc tiên ư lễ nhạc, lễ nhạc bất khả vô.
« Vu dĩ khảo thánh hiền chi thành pháp,
« Vu dĩ cầu nghĩa lý chi đương nhiên.

Phép thánh hiền nên ta xét lấy,
Đều phải chẳng nghĩa lý cho hay.

Thi thơ thường nói thiết thay,
Mà chung lễ nhạc đạo nay làm đâu.
Thi thơ nọ siêng âu bèn có,
Lễ nhạc này há bỏ mà không.

« Trần tiêm hồ bác quái cứu trừ,
« Xuất nhập hồ bá gia chư tử.

Chín loài tìm quẻ nắm lòng,
Trăm nhà các giả cho thông trong ngoài.

« Đại hiền vi sư, thứ hiền vi hữu, thân sư thù hữu chi hữu
phương,

« Xuất sư kỳ trưởng, nhập sư kỳ huynh, kính trưởng ái huynh
chi tận đạo.

Hiền lớn môn làm thầy làm bạn,
Kẻ trưởng huynh thờ phượng ra vào.

Gần thầy dùng bạn đã lâu,
Yên anh kính lớn đạo hầu có cho.

« Bất khả tuận vật vi lý, dẫn đương chũ thiện vi sư,

Chớ khá còn theo trò trái lẽ.

Nên chủ lãnh chính kẻ làm thầy,

« Khi tập sở di đương giới phù kiều chi nhứt tự.

Chớ quên khi tập sở di ;

Kêu chung một chũ vậy thì thường rằng.

« Đạo lý tối đại, dai thủ phù thân chi lưỡng bản.

Rất lớn hơn chi bằng đạo lý,

• Đòi bên mình đều để khi dùng.

« Hữu chơn tiếng thiết lý chi công,

« Vô hiệp đẳng can dự chi thất.

Nói theo chắc thiệt có công,

Cầu khen, vược bực thấy không lỗi rầy.

« Năn tịnh năn an năn lự, năn đắc, sở thườn giã thâm,

« Như thiết, như tha, như trác, như ma, ích cầu kỷ chí.

Lặng, an rồi trái hay lo, dặng,

Các, cửa rồi, thêm gán dỗi mai,

Đến sâu mấy chỗ đều hay,

Rất rộng nên muốn cầu may thêm rộng.

« Ký hữu đất chi ư kỷ, lự đương suy dĩ cập nhơn,

Ở mình đã gia công có dặng,

Cùng người nêu lại rộng suy lòng.

« Tài dưỡng bất tài, trung dưỡng bất trung, tư chi giã chúng,

« Thành bất độc thành, lập bất độc lập, cư tất lữ lân.

Tài, trung nuôi dạy người không,

Dựng nên chẳng những một trong đức mình.

Nhờ đó đông thì danh thêm rạng,

Ở có làng thì bạn thêm nhiều.

Mới rằng hay đỡ giúp nhau,

Mình dè yêu kính người đâu phụ phàn.

« Nhơn chi thực nghĩa chi tinh, công chi thâm nghiệp chi quăng,

Thục mà rông mỗi đều nhưn nghĩa,
Rộng mà sâu xiết kẻ nghiệp công.

« Do thị nhi cùng kinh trí dụng ; do thị nhi học cổ nhập quan,

Cùng kinh bởi ấy đêa dùng.
Vào quan bởi ấy học cùng người xưa,

« Thũ Hán-thác chi tứ thanh, dãi đồng thập giới.

« Trạc Tống-Triều chi khoa giáp, bữn nhược bạc tỷ,

Hán, Tống xưa cùng ưa học sĩ.

Tourng ban cho cũng rất mỹ miều ;

Vĩ bằng học thiệt đã hay,
Một mai gặp hội rông mây bây giờ.
Lấy xanh tĩa dễ như lượm rât,
Vệc giáp khoa nhẹ khác nhỗ râu.

« Nhưn trạch khán kim băng đề danh,

« Ngã độc khoái thanh vân đặc lộ.

Băng vàng xem thấy chen nhau,
Mây xanh nhẹ bước ta hầu xinh xon,

« Bộ ngọc dâng kim chi khách, tiếp chưởng liên khâm,

« Chấp tiên phụ nữ chi đồ, hô tiền ứng hậu.

Bước trên bộ ngọc, vàng khách lạ,

Rước lên đường roi, ná quân hầu ;

Đập diều tiếp gót liền hầu,

Tiền-hô hậu-ứng, trước sau đã thừa.

« Đẳng bỏa chi sơ tâm bất phụ, công danh chi tổ chí hoạch
thường.

Việc đèn sách làng xưa chẳng phụ,

An công danh chí đó dặng nền.

Cho hay siêng học thì nên

Ngôi cao quyền cả dưới trên yêm niêm,

« Dĩ văn chương nhi bổ bạc hoàng du,

« Dĩ đạo đức nhi sinh dụng tri hóa,

Văn chương nọ, áo xiêm mau chửa,
Đạo đức này trống mùa hóa dân.

« Tỷ dân tôn chúa, lợi trạch cấp ư đương thì,
« Đương danh hiển thân, sự nghiệp thù ư hậu thế.

Đương khi thăm khắp lợi ân,
Về sau sự nghiệp xū lần thêm lâu.
Mới phải tướng phò vua giúp nước,
Mới đáng người ráng trước bày tên.

« Thị dai học dĩ vi thượng, cố năng lộc tại kỳ trung.

Ấy đều siêng học làm trên
Nên hay phước lộc dặng liêu ở trong.

« Thăng hoặc bất học bất cần, tự khí tự bạo.

Vì dầu dứa biếng không lo học.
Giữ bỏ mình sĩ nhục nhiều bề;
Luống nên thiên hạ cười chê,
Trái chùng đạo lý cũng vì lẳng lơ,

« Mụi mụi diên mô chi huấn, mậu mậu hà tri.

« Mê tâm phong nguyệt chi tường, yêm yêm vọng giác.

Lời diên mô ngờ ngờ nào biết.

Cuộc gió trăng mịch mịch chẳng chờ.

Dạy theo sách vở không ngờ.

Mấy trường hoang nhớn thì ưa lẫn lừa.

Trương đôi mắt xem lơ mờ những,

Đăm tất lòng dọi lẫn bạn sai;

« Song khích chi quan âm lủ diệc.

« Thành nam chi dăng hóa bất cân.

Bóng cu hằng nhẹ song tây.

Đèn quanh lại biến nơi ngày thành nam.

« Nghiệp hoang vu hi, kê khuyến chi tâm dĩ phóng.

« Diệc học vị kỹ, hồng học chi chi dĩ di;

Những theo chơi nào ham chỉ nghiệp.

Giả học cớ mấy diệp xem ra.

Thiệt là những đũa đại khờ.

Cam lòng trể nải lần lừa chó qua.

Lòng gả chó giả ra đã mất.

Chỉ học hồng đời bắc đã rồi.

« Tế Dư bủ mịch bất khả điều, Từ từ thủy lưu vô sở chỉ.

Chàng Dư cây mục khó xoi.

Họ Từ nước chảy thẳng buôi đầu ngờ.

« Sơn vi cứu nhân, nhứt quỷ du khuy, tĩnh vị cập tuyên bán đồ
nhi phế.

Thieu giở đất khôn chừng nên núi.

Bỏ nữa đường sao gọi giếng sâu.

« Ứng thủng chi tải hề dụng, ti tiện chi dịch cam vi.

Tài thô ứng thủng dụng đầu,

Việc theo bèn hạ mai sau phải làm.

« Từ khu huy hạ chi binh, giáp sanh cơ sắc,

« Bôn tầu mã tiền chi tốt, bối xuất thư trùng,

Ruồi dưới cớ chính cam phạm lính

Chạy trước lừa những tính, hầu quan ;

Áo xanh rận chí chi màng,

Lưng ra dòi đĩa, lang thang như tù.

« Ngũ phủ xích tịch chi đồ lao, tĩ tắc nô nhan chi khả sĩ,

Luông nhọc nhần ngũ phủ xích tịch,

Khả hồ han tĩ-tất, nô nhan;

Cũng vì trước chẳng lo toan,

Nên chi sau phải gian nan ghê đường.

« Lồ mắng chi canh, lồ mắng chi báo, khuyết cự thủy qui,

« Khốn khổ kỷ chi, khốn khổ kỷ thân, phệ tễ hà cập.

Cây sống ruộng khôn dường chín lúa,

Sửa lỗi này biết đồ về ai ?

Khó khăn chịu trót một đời,
 Ăn năn nào kịp cần rồi rúng đi.

« Khởi đặc tác thê noa chi lụy, ức diệc cô phụ mẫu chi ân.

Người siêng học sướng chi sánh dặng,
 Đoàn ham chơi khổ chẳng một mình.

Vợ con bị lụy đã đành,
 Dầu ơn cha mẹ sanh thành mất trông.

« Hồi khan ý cầm chi vịnh, không báo hậu nhan chi sĩ.

Kẻ mặt gấm thẹn lòng đoái thấy,
 Mặt dày mo hồ ấy sượng sùng.

Người sao thi đậu hiển vang,
 Mấy sao biếng nhác phải mang khổ hèn.

« Phủ nơn chi tiểu giữ bất tiểu, vu thị phán nhiên,

« Tại học chi cần giữ bất cần, vi hà như nhĩ.

Cười với chẳng, chê khen chia rõ,
 Siêng cũng không từ đó mới hay.

« Dư ngôn cập thử, nhữ đẳng chí chi.

— Ta nay khuyên dạy mấy lời.
 Đôi đường hơn thiệt chúng mày nên ghi.

Hoàn

Hồ-phước-Dẫn

Tân-ngải, Vĩnhlong lai-cáo.



Lai Cáo

VĂN TÊ

Bài Văn-tê quan huyện THIỆU chủ quận Cầu-kê (Cần-thơ)
bắt lộc tại nguyên quán làng Mỹ-lộ (Cholon).

Hỡi ôi !

Làng Tòng xóm Bá, đều đưa nhau củ rũ héo đon;
Dạng Cúc chòm Lang, cũng cả thấy ũ ẻ lơ lạt.
Ấy là giống vô tình, hơi còn hay cảm cảnh sầu bi ;
Huông chi nghĩa đồng thính, ai chẳng thương nhau
còn còn mặt.

Nhớ linh xưa :

Tánh bẩm thông minh,
Lòng thuần văn chât.
Tư trời sẵn có dân-di;
Bước dật noi theo vật tất.
Lúc nhàn hạ thi thơ công luận,
Chức tương giao mấy bậc xức vuôn tròn;
Cơn thừa bình kỹ tịch châm khuy,
Câu tri kỷ một lòng mong gấn chặt.
Chức Tri-huyện, vãng vàng trăm dặm,
Ngần thời tà ngục bạc giá tan;
Quận Cầu-kê dạy dỗ muôn dân,
Rèn nết chánh nước trong trắng vật.
Phận tử đạo hết lòng thương mẹ,
Lo tháng ngày rèn tập bút nghiên;
Việc đoán hình có dạ ái dân,
Ưa non nước thông dong cảm hạt.
Trong cô bác biết bao thương tưởng,
Gấn tới lui, xa thăm viêng,
Phận nhỏ nhen cứ giữ thiệt thà ;
Ngoài anh em lây lẽ kính nhường,

Khi đàm đạo, lúc khuyên lơn,
 Nguyên sau trước, trọn niềm giao tã'.
 Ngày nhiễm bệnh, tưởng đã lây lất,
 Một vài thang, lê hoạt cũng là thuyên;
 Máy huyền vi, sớm dục cội vàng,
 Chín mươi bữa thần tiên đâu tới dắc.

Ôi !

Một giât dăm dăm ;
 Ngàn thu bạc bạc.
 Nhà lang lui tới, nghĩa đồng chu,
 Bâng bôí phút chừa tay;
 Vườn cúc ra vào tình cộng phát.
 Ấm dương dành cách mặt,

Thăm là thăm Tìc-Huyền còn lụm cùm, buồn nỗi con dựa
 cửa khóc đêm ngày ;
 Thương là thương đường đệ luôn đeo sầu, ruỗi gầy nhánh
 nữa chừng xem diên ngất.
 Cái mạng bạc cứ theo bèn gót, tiếng người khen vừa toại, chữ
 tim tình buổi trước há quên lòng ;
 Nẻo xuôi vàng phút chút đeo chơn, phần hiệu sự lúc về sau
 buồn thiêu mặt.
 Đông đảo trước, một hồi xuôi cách trở, đêm than dài ngày
 thờ vắn, thương rất đôi thương ;
 Ngậm nguôi sau bấy cháu đại bơ vơ, nhà chưa định, thác
 sao yên, ngất đã quá ngất,
 Ai cũng biết, ền nhân loài giả diều, lạt bấy còn giáo giác kêu rêu;
 Minh đã sanh, khôn ngộ dưng nhưn linh, mắt bạn, chẳng
 diên diên buồn bực.
 Đã có chữ tri sanh đã diều, tiệp sanh tư, xin giới lệ thương;
 Rằng có câu tri tử giả ai,
 Tình bằng hữu dăm dăm lây lất.
 Hỡi ôi, thương thay, có linh, xin hưởng.

Bồing-Dinh.

Thi

KHÓC PHÓ TỔNG PHONG

Băm bảy xuân thu cùng một đời,
 Nở nào vội vã vậy chàng ôi ?
 Mịch mù hôm sớm mây bay ngược,
 Lòng-bỗng công danh nước chảy xuôi.
 Trao gánh xuân huyền còn lụm cụm,
 Để thân bồ liễu chịu lui cui :
 Cơ duyên nầy hỏi ai cho thấu,
 Dâu biển đa đoan cuộc đời ?

Mộng-Tiên.

HẠ ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

Báo như vậy, báo mới là.....
 Văn vật gồm no các học-gia.
 Pháp-Việt đáp chung nền đạo nghĩa,
 Đồng tây nhồi một góc sơn hà.
 Vì quê chi nệ công trình nặng,
 Thương giống mà suy lý tưởng xa.
 Có chí ắt nên khuyển gần gỗ,
 Xưa người Âu, Mỹ cũng như ta.

Nguyên-viên-Kiều.

HẠ NỮ-GIỚI-CHUNG

Bấy lâu lúng túng phận đàn-bà,
 Nữ-giới chung, rầy mới tỏ ra.
 Nét bút vẽ tươi màu phấn đại,
 Tiếng ngân kêu tỉnh giấc quần xoa.
 Ba từng bốn đức tròn chưa mấy,
 Muôn quyền ngàn kinh vẹn mới là.
 Vung quên Liễu Bồ nên cội cả,
 Tập thần chen chút với người ta.

Nguyên-viên-Kiều.

TRÔNG CON ĐI LÍNH MỘ

Khải ca chầy kiếp luôn trông tin,
Dựa cửa hôm mai thắp theo mảnh,
Nói gương với đời cho lẩn-lẩn,
Làm nư mà ruột cũng tan-tán.
Ngân ngơ đất Việt vàng trắng xé,
Ngao ngán trời Âu trận gió tanh!
Cui cui ba thu ngoài cõi giặc.
Hỏi con có nhớ mẹ lều tranh.

Nguyễn-viên-Kiều.

LỮ THỮ TƯ GIA

Lữ đình hôm sớm dạ bừng khuôn,
Bắc mặt trống vui sầy nhớ chuông.
Cây trái vườn xưa là tờ ruột,
Ngựa xe xứ lạ thấy người dừng.
Trường văn lấm dẫm con ba thước,
Nhà cổ lui-cui vợ bốn tuần.
Dám hỏi vong gia xưa những kẻ,
Phải là vì nước mới quên thân?

Nguyễn-Tiên.

NGŨ TUẦN

Tuổi tác chừng ni biết mạng trời,
Lần lữa mới đó đến năm mươi.
Tuởng hồi bốn chín còn năn nỉ,
Sống ráng ngoài trăm lăm hồ người.
Buồn nổi tóc râu màu đã úa,
Vui là hoa cỏ sắc đương tươi.
Hỏi ai lo tết quên lo tết,
Đen đỏ lẩn xán nghĩ nực cười.

Ng-viên-Kiều.

DU HỒ

Hang tiên động bọt thấy cheo veo,
Đò khách năm ba đũa bẹn chèo.
Chấp chóa sông Ngưu con sóng lượng,
Thong dong bãi hạt cánh bướm treo.
Nghêu ngao một chiếc thuyền trăng gió,
Lặn lẽ đôi bên tiếng quạ đều.
Du-lữ mặt dẫu say trúc chén,
Bao nhiêu buồn cũ đôi bao nhiêu.

Bồng-Dinh.

VIẾNG CHÙA HANG (*Baria*)

Rủ nhau thừa hứng đến Chùa hang,
Phong cảnh nguy nga một cõi nhàn.
Bầy vườn véo von chòm lục thụ,
Cửa thuyền công quả khách hồng nhan.
Trăng soi liêu vãi năm canh tịnh,
Gió vật nhành hoa mấy độ tàn.
Kẻ mên vân-san người mộ hải,
Thích tình quên lữ mỗi gia-cang.

Bồng-Dinh.

TRUYỆN

VONG TÂY TIÊU THUYẾT

Gia-Đi truyện

HỒI THỨ TÁM

Cái họa của Gia-Đi do nơi chỗ phước của người và do nơi tài-tình của người mà đến đó; mỗi ngày người đều phải vào cung mà đàm luận với Vua và bà Hoàng-hậu, cái tài ngôn ngữ thanh tao của người hằng làm cho trí khôn thiên hạ phải chuộng yêu, chẳng khác nào sự trau tria cái sắc, ai cũng đắm mê vì chàng. Đã thanh niên, lại mở miệng rất có duyên, nên làm cho bà Hoàng-hậu càng ngày càng thâm nhiễm sự mến yêu thêm..... vào lòng mãi mãi; thật chẳng chi độc cho bằng cái tình thương, cái ngày nó mới sanh ra, thời ít ai thấy được, duy đến chừng hay rằng có nó trong lòng, thì nó đã thành khối rồi, có phương chi mà trừ cho tuyệt diệt. Bởi vậy bà Hoàng-hậu Ấ-tạt-Tề càng ngày càng lộng, chẳng kiên dè chi hết, hằng muốn đàm luận với Gia-Đi luôn luôn; hằng khen ngợi Gia-Đi trước mặt Vua; hằng nói chuyện Gia-Đi với sấp thế-nữ hoai, sấp thế-nữ càng khen vội hơn nữa. Nhiều khi bà đòi Gia-Đi vào, thì Gia-Đi cũng thủ lễ quân-thần, song có nhiều lúc bà tưởng rằng mình lấy lễ quân-thần mà nói chuyện, té ra một hồi dục mình nghe lại thì đã có chỗ sai rồi.

Vả bà Hoàng-hậu Ấ-tạt-Tề đây là một ả sắc đủ đồ nước nghiền thành, sánh với nàng Xê-Mia ngày trước mà phụ bạc kẻ một mặt, với nàng muốn lặc mủi chông thời Hoàng-hậu Ấ-tạt-Tề này trời hơn thập bội, bởi sự lân cận nhau nhiều lần, (mà cái giống sắc với tài, thì có khác chi là huê với nguyệt; dầu cho nguyệt ở đông, huê ở tây đi nữa, chỉ tránh dạng trong lúc trăng mới lừng, chờ đến giờ trăng tỏ rạng trốn đi mô cho khỏi dạng bấy giờ), Nhiều khi Gia-Đi kêu cái lương-tâm ra mà rầy-rà dút bần lâm đều, dạn lòng ép trí hết sức, song rồi cũng vô ích mà

thôi, đã lắm khi người lấy hết trí vì phạm thân tử mang ơn chác nghĩa, vì nước vì vua, lấy đều luân lý ra mà giải lỏng, nhưng cũng không kham, nhiều khi người làm hết thể mà không xong, người thở than mà rơi lụy dầm dề. Tình ôi là tình! nặng chi lắm bấy; nhiều khi người vào cung thì người lập tâm cứ ngó xuống thủ lễ chúa tôi, cứ cúi mặt mà chẳng dám luận bàn chuyện văn thông thả như khi trước nữa. Song một lúc rồi hình như có ai cạy cái mý con mắt, mà xô nó lên vậy, cho nên nó bắt phải ngó lên một chút mới dặng, mà hề vừa ngó lên, thời vừa dặng cặp con mắt của bà Hoàng-hậu đang ngó một cách rất hữu tình; làm cho hồn phách của Gia-Đi dường như đã bay mất hết rồi vậy. Cả hai bên đều dẫn ép lấy mình như vậy, cũng đã lâu ngày, nhưng thật là càng ngày nó càng lừng ngon lửa hữu tình lên hoài hoài.

Nhiều khi Gia-Đi khi ra khỏi cung rồi, thì tâm thần đều táng loạn dường điên; còn trong lòng thời triệu triệu một khối tình mang đá chẳng nổi. Lắm lúc Gia-Đi cực lòng nặng trí hết sức khó chịu, bên nói xi cho chàng Ca-Đô là bạn thiết của người rõ hết tâm sự trước sau.

Ca-Đô bên khuyên người rằng: « Tôi đã dòm dặng cái khối tình của hiền-hữu được rồi, tuy hiền-hữu đã hết lòng chống cự lại tưởng rằng dấu kín vô cùng, chớ cái tình mà dẫn ép thế nào, nó cũng phải lộ ra cho thiên hạ thấy dặng luôn; vả lại nếu tôi thấy được thời có lẽ nào vua lại chẳng thấu việc ấy hay sao. Vua thường cũng ghen tương như thiên hạ vậy. Phạm làm người thì phải thông thời thế và phải quyết đoán việc mình, thời mới hay lánh họa được; Hiền-hữu đây là phạm nam nhi, gan to, trí lớn, học hành lịch lãm thế tình, mà sự dẫn ép khối tình, còn có chỗ chẳng dặng kín-đáo cho lắm thay; huống chi bà Hoàng-hậu, người vầu là phạm nữ lưu trí mềm, mặt nhỏ, sức yêu ớt mỏng mảnh, thì có thể nào mà dấu diếm cho nhem dặng bao-giờ; một lời nói quên cầm, một tiếng cười vô-ý, một lúc ngó ơ hờ, cũng đủ cho lệnh Thiên-tử phát nghi mà phân thấy xê thệt. Ấy vậy nay đã lỡ mà họa khích bên lưng rồi, duy có một điều đánh liều, thời mới họa may thoát nạn được chăng: Vả cái tình càng dẫn ép thì nó lại càng lộ càng xi, chớ cái tình mà mở trống ra, ắt dễ bề che dặng dặng; lại thường hề lẽ loi thời yêu ớt, chớ

chung hiệp ắt mạnh bền ; bởi ấy hai người nay nhứt định phải hiệp nhau đi, đừng-tránh nữa, vì xưa nay đã rõ biết thật là vô phương trốn lánh rồi, còn chi mà cưỡng cầu nữa ? Hiệp nhau thôi cái tình đã hết huất hết xi, hiệp nhau thôi tình ra hòa hoãn, dễ dặt dễ che, hiệp nhau thì có thể thương-lượng cuộc ăn núp cả hai đảng, hề trắng thời trắng bết, đen thời đen luôn, rập ràng một thể với nhau, dầu cho mắt thánh cũng khó bề dòm nôi. Chớ như hiền-hữu dự dự, thời họa sẽ đến trong nay mai bây giờ. »

Gia-Đi khi nghe mấy lời như vậy thời cũng cho là phải, song bụng người không nỡ làm đều loạn thần tặc tử như thế, nên quyết chẳng nghe lời Ca-Đô.

Khốn thay ! thật chẳng khỏi phải y lời của Ca-Đô tru biện trước đó ; bà nọ hề nói tới Gia-Đi thời bắt sống sờ mớ tướng, cho nên như vậy chẳng bao lâu Thiên-tử đã có dạ nghi ngờ ; người bên coi xét kỹ càng mỗi việc, thời người thấy sao khi Hoàng-hậu đi giày màu xanh thời Gia-Đi cũng đi giày màu xanh, khi bà Hoàng-hậu mang sợi dây đai màu vàng thời mũ của Gia-Đi cũng màu vàng, cho nên người càng nghi lắm. Cả đám cung-phi mỹ-nữ là kẻ hay dòm hành tâm sự của vua và bà Hoàng-hậu đều nói rằng: Hoàng-hậu mềm mỏng, mà đức vua hay ghen tương quá.

Tên tặc-hiền đồ-năng lúc này hay dặng lòng vua nghi hoặc như thế, bên bảo vợ lấy cái dây cột vớ của mình, đã giống một màu với giày cột vớ của bà Hoàng-hậu đó mà gói thặng cho lính Thiên-tử, dặng đeo họa cho Gia-Đi. Khi thiên-tử dặng dây cột vớ ấy rồi, thì đã quã quyết mọi việc không còn nghi ngờ chi nữa, bên tính mưu mà hại cả hai cho đã giận. Vậy ngày kia người quyết tới chỗ thi cho bà Hoàng-hậu uống độc dược, rồi sáng ra thì bắt Gia-Đi mà xử bắn. Lệnh ấy người đã truyền cho một vị Hoạn-quan độc-ác kia thì hành mà trả những sự oán của người.

Trong đền vua lúc ấy, lại có một thằng lùn, tuy là câm mà chẳng điếc, nghe dặng rõ ràng mọi việc mà tánh nó lại kính yêu bà Hoàng-hậu với Gia-Đi lắm. Bởi ấy khi nó nghe vua phán như vậy, thì nó lấy làm kinh hãi vô cùng ; song nó không biết

làm sao mà tỏ cho bà Hoàng-hậu rõ cái đại họa này ; vì nó đã không nói dặng, lại không biết chữ nữa ; song nhờ nó hay sáng láng nên nó hay tập vẽ thường ngày ; tuy nó vẽ chẳng dặng hay chi, chứ nó cũng vẽ giống vật này vật kia dặng. Vì vậy nó tính dùng cái nghề vẽ của nó đây mà tỏ dấu cho Hoàng-hậu hay sự đại họa này ắt dặng ; bởi ấy nó vẽ một ông vua kia mặt mày giận giữ nơi một góc giấy, đang chỉ huy hạ lệnh, lại vẽ một sợi dây xanh và một cái châu đề trên bàn, lại giầy cột vớ xanh và dây đai vàng ; còn giữa miếng giấy thì vẽ bà Hoàng-hậu nằm chết trên tay sắp thê-nữ. Gia-Đi thì bị thất cổ dưới chơn bà Hoàng-hậu đó. Khi họa-công ta vẽ rồi ; thì lật đặt chạy vào giao cho một con thê-nữ bảo thức giết bà Hoàng-hậu đây lập tức mà dặng đồ vẽ ấy cho lệnh bà, kíp kíp.

Nhờ vậy mà nửa đêm có người đến gõ cửa Gia-Đi và trao một đạo ý-chỉ của bà Hoàng-hậu. Khi Gia-Đi thức dậy nghe người báo như thế, thì mơ màng như giấc chiêm bao, bèn vội vã lấy đạo ý-chỉ của bà Hoàng-hậu, rung cả hai tay, đưa lên đèn mà đọc, thì thấy mấy câu như vậy : « Ở Gia-Đi ; Hãy trốn đi bây giờ, trốn lập tức chẳng nên trì hoãn ; nếu chậm chơn thì tánh mạng nan tồn. Tôi chưa phạm tội, song tôi phải thác một cách như kẻ phạm tội kia vậy. »

Gia-Đi khi đọc rồi mấy câu ấy, thì tâm thần tán loạn ; duy gương nói ít tiếng bèn kêu bạn thiết Ca-Đô vào mà thôi. Khi Ca-Đô đến, thì Gia-Đi không mở lời dặng, bèn trao ý-chỉ ấy cho Ca-Đô coi, Ca-Đô bèn nhứt định bảo Gia-Đi phải tức tốc lên đường mà lánh nạn, nhằm Nam-phi châu tấn phát, và lại nói với Gia-Đi rằng : « Nếu bây giờ hiền-hữu vào cung thì làm cho Hoàng-hậu chết gấp đó, nếu hiền-hữu vào kiến giá, thì cũng là đều giục thêm cho bà mau chết vậy. Nay hiền-hữu cứ việc lánh thân cho khỏi họa, còn tánh mạng của bà Hoàng-hậu, thì để mặc tôi lo phương giải cứu cho. Hễ hiền-hữu đi xong, thì tôi sẽ làm cho thiên hạ đồn rùm rằng : hiền-hữu đã sang nơi Ấn-Độ rồi ; khi mọi việc an bài rồi thì tôi sẽ đi tìm hiền-hữu mà thuật rõ mọi việc đã xảy ra tại thành Bá-bí-lông đây cho mà nghe. »

— Tức thời Ca-Đô đi lựa hai con Lạc-đà chạy hay hơn hết mà thắng, rồi mở lên cái cửa kín nơi đêm, cổng Gia-Đi bỏ lên lưng Lạc-đà ; vì lúc ấy Gia-Đi dường như chết, không đi đứng ; có một tên Gia-dinh trung tín theo Gia-Đi mà thôi, còn Ca-Đô thương và buồn rầu vô cùng.

Gia-Đi lên đường rồi, đến bưng sáng bèn tới một cái rồng kia, mới day đầu lại thành Bá-bí-lông, thì thấy nóc đền cửa bà Hoàng-hậu, Gia-Đi liền nhào lẳng xuống đất bất tỉnh như sự, giây lâu mới tỉnh lại rơi lụy dầm-dề và than rằng : « Đời người thật chẳng ra chi ; nghĩ lại bao nhiêu tài đức ta, đều chẳng ích gì cả ! Hai con phụ-nhơn trước thời đối đã độc ác với ta đến đều ; còn người thứ ba này là một đáng đáng kính đáng yêu, lòng dạ như phật, nhan sắc như tiên, chưa phạm tội chi, lại phải thác theo hình để trị lũ đại ác đại gian như thế ; còn ta thời hề muốn làm phải, ắt mang lấy họa ; lại hề ta bỏ cao thì té nặng ; nếu ta nể tâm mà làm ác như thiên hạ, ắt ngày nay ta còn hưởng phước lộc đầy đầy đó. »

— Than rồi thì lấy làm sầu thảm vô cùng, bèn gần gương nhâm *Ê-gíp-Tô* tấn phát.

HỒI THỨ CHÍN

Gia-Đi cứ coi theo sao nhâm hướng mà đi qua tới cửa biển Ca-nốp, và đi dọc đường và xem sao cùng vạn vật mà suy nghĩ việc thế sự phù ba, tưởng tới chừng nào dần cay chừng nấy ; xét các vì sao lớn hơn trái đất muôn phần, như vậy người mà ở trong trái đất thời khác nào loài côn trùng nhỏ mọn kia ấu cắn xé nhau, nghĩ ra con người rất nên nhỏ mọn. Nghĩ như vậy thời càng ngày càng bớt sự rầu buồn ấy ; song khi nghĩ tới bà Hoàng-hậu thì thêm rưng rưng, chẳng bao lâu người đã đến địa phận nước *Ê-giêp-tô*, thì tên hề đồng của người đã vào xóm dạng kiếm một nhà mà ở.

Lúc ấy Gia-Đi đi dạo theo các miềng vườn trong làng ấy, bỗng đâu người thấy gần bên đường cái, có một người đàn bà, vừa chạy vừa than trời vang đất, mà xin tiếp cứu ; vì sau

lưng có người đòn ông rượt theo coi bộ giận dữ, khi Gia-Đi vừa
 ngó thấy, thời người đòn ông cũng vừa theo kịp nàng ấy, bèn
 vật nàng ấy xuống mà mắng nhiết đánh đập đều đều, Gia-Đi
 nghe người đòn bà xin chú nó tha thứ, mà chàng kia cũng
 không kể đếm chi, cứ việc đánh hoài mà thôi, nghe các lời
 năn nỉ ấy và lời mắng nhiết của người đòn ông, thời rõ là chú
 ghen, còn nàng nọ lẳng lơ chi đó. Song khi Gia-Đi ngó kỹ người
 đòn bà, thời thấy thiệt là một á xinh đẹp vô cùng, nhan sắc ấy
 trên đời khó gặp, lại mặt mày có một vài phần giống bà Hoàng-
 hậu Ấ-tạt-lê nữa, mới kỳ cho chớ; vì thấy mĩa mai như bà
 Hoàng-hậu, nên Gia-Đi lại cảm động tấm lòng mà sanh tâm ghét
 chú chông, nghe nàng nọ kêu người mà nói rằng: « Ồ hảo-hôn
 ôi, xia cứu mạng tôi cùng, kéo tôi phải chết về tay độc ác
 này ». Nghe vậy Gia-Đi lấy làm xốn xang lòng dạ, liền chạy a
 lại chen vào mà can ngăn chủ đòn ông ra. Vì người biết tiếng E-
 giêp-tô một ít, nên mới can người đòn ông ấy rằng: « Nếu
 người có nhứt đấm lương tâm, thời ta khuyên người biết kính
 cái sắc đẹp và thương cái phận mỏng manh; có lẽ nào người
 đánh đập liễu dày hoa, mà làm cho một vật khéo léo của tạo
 công hư hại, ít khi đức năng đáng như thế, phải hư trầy lấm
 láp dường ấy sao? Đứng trước-phu đàn có hiệp đảng những
 người yêu đuối, chẳng có sức chi mà chống cự với người, duy
 có rơi dôi hàng nước mắt mà chịu vậy thôi: » Chàng nọ vừa
 nghe nói dứt mấy lời, thời lửa giận lại phừng thêm, bèn buồm
 á nọ ra mà dọm đánh Gia-Đi và nói rằng: « Á ! nói vậy mà
 cũng thương nó há ? ! — Taoi tao cứ mấy trả thù cho mấy coi. »
 Nói rồi thời rút cây chĩa trong lưng ra mà đâm Gia-Đi một
 mũi; Gia-Đi rất tỉnh tuốt, né khỏi mũi chĩa rồi, bèn bắt ngọn
 chĩa mà dọt về bên mình, tên kia ráng đánh lại: hai đảng
 nhúng nhằng làm cho cây chĩa gãy làm hai. — Bên kia thấy
 vậy bèn bỏ cây chĩa mà rút gươm ra quyết liễu sanh tử,
 Gia-Đi cũng rút gươm ra mà chống cự. Nàng kia sửa đầu
 tóc lại vén vẻ rồi ngồi xuống đám cỏ mà xem hai đảng cự
 chiến. Sức Gia-Đi thật là yếu hơn tên nọ, song vì lệ làng,
 lại võ nghệ cao cường hơn, nên chẳng mấy hiệp Gia-Đi
 thừa-thế khắc một cái mạnh, gươm của tên kia bèn văng mất.

Lão cộc cần nầy bên giận dữ, nhẩy a lại quyết vật Gia-Đi; Gia-Đi lại thủ thế bất té nhào, rồi người nhẩy dè lên, đưa lưỡi gươm ngay ngực tên nọ, mà có ý hăm cho tên ấy xin lỗi thời tha liền; chẳng dè lão cộc cẳng nầy chẳng chịu thua, lại rút độc kiếm mình mà đâm Gia-Đi nữa; vì Gia-Đi có lòng tha và thấy nó thất thế, nên chẳng đề phòng mới bị lưỡi độc kiếm-ấy xẻ da; Gia-Đi bây giờ mới đỡ cộc ra, nên thọc chủ nọ một lưỡi gươm ngay phổi mà đưa hồn luôn về chín suối.

Xong việc rồi; Gia-Đi bước lại gần người đòn bả mà nói một cách rất khiêm nhượng như vậy: « Cô cũng thấy chứ, tôi thiệt chẳng có lòng giết hân, tại hân làm cho tôi cực lòng phải giết đó mà thôi. Vậy nay tôi đã báo thù cho cô rồi; cô nay đã khỏi tay độc ác ấy. Vậy cô còn đều chi sai khiến nữa chẳng? Ấy nọ làm mất giận dữ mà mắng Gia-Đi rằng: « Quân còn đồ, trời hại mày, có lẽ nao mày giết chồng tao như vậy. Nay tao muốn ăn gan mày cho vừa bụng tao mà thôi. » Gia-Đi trả lời rằng: « Thật cô kéo lừa một người như thế, mà trao thân gởi phận thì thôi đã, đã đánh đập cô như tử, đến khi cô kêu tôi tiếp cứu, lại muốn hại mạng tôi nữa. » Người đòn bả ấy rằng: « Tao muốn cho người ấy đánh tao thêm nữa cả, mới đáng tội tao chứ: mạng vận tao trời đã định vậy, ai biểu mày làm tài khôn. » Gia-Đi lấy làm tức giận vô cùng, thật trọn đời người không có lúc nào giận dữ như thế, nên người mới nói xằng rằng: « Cô kia, tuy nhan sắc cô như vậy mà rất uổng cho cô lòng dạ như thế, tôi cũng muốn đưa cô về địa phủ cho rồi, mà đều nghĩ lại rất vô ích, giết ắt như gươm tôi, nên thôi. » Nói bấy nhiêu lời, rồi người lên lưng lạc-đà mà đi vào xóm.

Khi người vừa đi được ít bước thì người nghe có tiếng xôn xao ầm ỉ sau lưng, người bên dầy đầu lại thì thấy bốn tên mã-ky ở thành Bá-bĩ-lông sai ngựa đến chỗ người đòn bả ấy, mà la lớn lên rằng: « Thật nó đây, chẳng khác cái đồ hình của ta thấy đó chút chi. » Nói rồi áp lại bắt nằng nọ, chớ không kể đến cái thấy ma bên đường ấy làm chi, con mẹ nọ bây giờ họa tới bên lưng lại rằng cô réo Gia-Đi một lần nữa rằng: « Ở bảo hôn ôi, xin cứu thiếp một lần nữa kéo tội nghiệp, và đừng chấp những lời điên dại của thiếp hồi nầy làm chi, lần nầy nếu hảo

hơn cứu tôi, thì tôi nguyện liều một thác mà đền ơn cho hảo hớn, chớ chẳng dám vô lễ như trước vậy đâu» Gia-Đi còn đang giận dữ lẽ nào chịu cứu một lần nữa sao? Lại Gia-Đi lúc này đã bị vít rồi, máu ra cũng bộn, phải đi kiếm đồ rịt bó mới đặng, lại thêm thấy bốn tên ấy là người ở thành Bì-bì-lông, thì e là người của vua Mộ-Áp-Da sai ra, nên lòng người càng sợ hãi lắm, mới giục Lạc-dà vào xóm cho mau, chớ không hiểu đặng vì có nào mà bốn tên ấy lại đến bắt con đờn bà nọ, còn tánh nết con đờn bà ấy cũng là quái gở vô song, ta không hiểu đặng.

(Sau sẽ tiếp theo)

Bá-Trang.

Tổng phê : Chẳng khác chi mấy bức nhập đạo thì chắc rằng sắc tức thì không (Sắc có đó coi như không) Tâm trung vô ký (giữa đám ký lòng không tưởng) cũng có nhiều kẻ bởi duyệt lịch nhiều, cảnh ngộ chán rồi, tiên vậy vậy, ma vậy vậy, có chỗ nào mà còn gọi là tình chẳng đặng thôi, cảnh còn đương mẩn. Có câu rằng : Núi dẫn chạn vạn lần như nước. Trăng lộng khuya lơ đồng trời hồ, Gia-Đi cũng phải tu tỉnh mà thâm tưởng mấy đều kệ ngữ đó cho cùng.

Lục-bà-Tầu.



THƯỢNG ĐẲNG DƯỢC PHÒNG

G. RENOUX

NHỨT HẠNG BÀO-CHÊ-SU

Ở ngang nhà hát tây — Saigon

Tiệm cũ của ông **HOLBÉ** và **RENOUX**

Y-khoa dược liệu đủ thứ. Vật liệu
để bào chế thuốc, Vật liệu để dùng
chụp hình, Đồ tiện dùng cho người
Langsa và người ngoại-quốc, Đồ phụ
tùng cho nhà bào chế thuốc, Đồ phụ
tùng về máy chụp hình, Kiên và giấy
để chụp hình, Đồ để dùng bó rịt. Dầu
thơm thượng hạng đủ thứ. Dầu mắng
(Bạc-hà) thượng hạng.

Thuốc nước hiệu R. để dùng mà bỏ nha phiến của ông
Holbé chế ra.

Như vị nào có mua thuốc của Thượng-đẳng Dược-phòng
G. Renoux thì phải nài cho có cái nhãn hiệu **Xich-long**
(con rồng đỏ).

P. S. — Nếu vị nào có gởi thư xin tại nhà Thượng-đẳng
Dược-phòng **G. Renoux** sẽ gởi cho không một cuốn *Dược-
tánh lược biên* có chỉ rõ cách dùng các thứ thuốc,

Ngà
Tòa-B
hoặc s
tổng I
Tôn
Tiề
Tiề
Tôn
Myth
ban
tới 5
Gi
nhữ
biết
này

gi
sa

Tỉnh Mytho

Việc làng

LỜI RAO GIẢO GIÁ

Ngày thứ năm 22 Aout 1918, chín giờ rưỡi ban mai, tại Tòa-Bố Mytho, sẽ giảo giá, theo cách bao thơ gán keo, hoặc trời hoặc sục, dựng cất một cái nhà chợ tại Cai-lậy làng Thanh-sơn, tổng Lợi-Trinh, quận Cai-lậy (Mytho)

Tồn-phí cất cuộc ấy phổng.....	3.400\$
Tiền thế chung tạm.....	50
Tiền thế chung chắt.....	445 quan

Tờ thế lệ đấu giá hãy thi đề tại phòng quan Trưởng-Tiền Mytho. Những người đấu giá được đến coi mỗi ngày làm việc ban mai từ 7 giờ rưỡi tới 11 giờ và ban chiều từ 2 giờ rưỡi tới 5 giờ rưỡi.

Giấy phép cho dự cuộc đấu giá thi quan Tham-Biện sẽ phát cho những người nào đã thạo nghề, có giấy tốt của một người nào biết nghề ấy cho và có quan Trưởng-Tiền nhận thiết. Giấy phép này phải xin trước khi đấu giá ít nữa là 5 ngày.

Mytho, le 24 Juillet 1918

Chánh-Tham-Biện quan

Ký-tên : Mossy.

Tỉnh Mytho

LỜI RAO ĐẤU GIÁ LẠI

Ngày 15 Aout 1918, chín giờ ban mai, tại Tòa-bố Mytho, sẽ giảo giá lại, theo cách bao thơ gán keo. mà mua những món sau đây :

XI-MON VÀ VÔI

Giá mua phông chừng.....	8.547\$00
Tiền thế chừng tạm.....	213. 00
Tiền thế chừng chặt.....	1.816 quan

Thẻ lệ về sự đấu giá này thi để tại Tòa-nhứt (Phòng thứ ba) Soái-phủ Nam-kỳ và tại Tòa-bố Mytho. Ai muốn coi thi được coi cả thấy.

Sở Tạc Tác

Cuộc Hỏa-xa thuộc quận hướng Nam

ĐẤU GIÁ TẠI SAIGON

Ngày thứ bảy 10 Aout 1918, chín giờ

Ngày thứ bảy 10 Aout 1918, chín giờ ban mai, sẽ giao giá theo cách bao thơ gán keo tại phòng đấu giá trong sở Hỏa-xa Saigon và trước mặt một hội ủy-viên đã định trong tờ giao kèo đấu giá, đặt chịu những món kể ra sau đây dùng về việc xe-lửa quận hướng Nam :

1° Làm và chịu đồ bằng gang sống. Tiền thế chừng tạm 100 đồng, Tiền thế chừng chặt 5 % trong số tiền chịu.

2o Chịu 9.000 thước củi, chia ba phần mà đấu mỗi phần 3 000 thước và nạp tại chỗ nào Nhà-nước định nơi trại Mương-mán (Những người đấu giá muốn lãnh mấy phần thì phải làm mấy bao thơ cho đủ) Tiền thế chừng tạm 40\$00, Tiền thế chừng chặt 300 f.00.

Lời khai xin đấu giá và giấy tốt thì phải gửi cho quan Bác-vật quân đốc sở Hỏa-xa quận hướng Nam tại Saigon, ghi 10 ngày trước khi đấu giá về những đồ gang, và 15 ngày về củi.

Những bao thơ đấu giá thì được phép gửi theo nhà thơ lấy biên-lai và gửi cho quan Bác-vật quân đốc sở Hỏa-xa quận hướng Nam Saigon, trễ lắm là trước ngày đấu giá một bữa.

Những bao thơ đấu giá phải biên cho người ta biết và nói rằng không được xé trước giờ đấu giá.

Giấy tờ thuộc về sự đấu giá này thi đề tại Phòng-văn quan
Bác-vật quân-đốc sở Hỏa-xa quận hương Nam, ai muốn coi
cũng được, mỗi ngày từ 8 giờ đến 10 giờ rưỡi và từ 15 giờ đến
17 giờ ra mấy ngày chúa nhật và ngày lễ.

Saigon, le 18 Juillet 1918,
Quan Bác-vật quân-đốc
Sở Hỏa-xa thuộc quận hương Nam.
Ký tên : A Caville.

Kiểu chịu giá

(Làm và chịu đồ bằng gang sông)

Tôi (1) Ký tên dưới đây (2) (tên họ, nghề nghiệp và chỗ ở)
cư trú tại.....đường.....số.....(hay là nói thê
nào cho người ta biết rõ nhà mình ở) đã có hiệu rõ thể lệ buộc
trong tờ giao kèo về sự làm và chịu đồ gang sông mà đấu giá
ngày 10 Aoút 1918 đây, nên tôi chịu lãnh nạp đồ ấy y theo cách
thức trong tờ giao kèo, giá là.....

Tôi (1) khai rằng đã hiểu rõ thể lệ chung định trong lời nghị
ngày 31 Décembre 1899 cũng thi hành với sự chịu giá này được.

Tôi (1) lại hứa nếu tôi đấu được thì tôi chịu tiền tổn phí về
con niêm, và sao lục tiền phí đóng bách phần sự đấu giá này.

Làm tại.....ngày.....1918

Người đấu giá ký tên (3)

Kiểu chịu giá (lãnh củi)

(Mỗi phần một bao thơ riêng)

Tôi (1) Ký tên dưới đây (2) (Tên họ, nghề nghiệp và chỗ ở),
cư trú tại.....đường.....số.....(hay là mình
nói thê nào cho người ta biết rõ chỗ mình ở) đã có coi rõ tờ

giao kéo về sự đấu giá chịu 9.000 thước cũi, chia làm ba phần, đăng dùng về sở Hỏa-xa quận hướng Nam, mà đấu giá trong ngày 10 Aoút 1918 đây. nên tôi chịu lãnh nạp, tại trại Mương-Mán, chỗ nào tùy nhà-nước định) ba ngàn thước cũi, theo như phân thứ.....(*viết chữ trọn*), giá tiền là.....(*viết chữ trọn*) mỗi thước, y như thẻ lệ buộc trong tờ giao kéo.

Tôi (1) lại hứa, nếu tôi đấu giá được, thì tôi chịu tiền tổn phí về con niêm, về sao lục tờ giao kéo, về tờ kiết nhận sự đấu giá và tiền tổn phí đóng bách phần sự đấu giá này.

Làm tại.....ngày.....1918

(Người đấu giá ký tên) (3)

(1) Nếu nhiều người chung lãnh thi biên : «Chúng tôi ký tên dưới đây.....Chúng tôi tương liêng.....Chúng tôi tôi lại hứa v.v,

(2) Nếu thuộc người thay mặt cho hội, hay là thay mặt cho người khác thi biên thêm : « Thay mặt cho.....(*biên tên họ, chỗ ở, tên hội, quán hội v.v.*) Theo tờ thay mặt ghim theo đây.» và phải đính tờ thay mặt theo tờ chịu giá.

(3) Nếu tờ chịu giá mà không phải tay người đấu giá viết thì trước khi ký tên phải bõn thân viết mấy chữ này : « *Coi phải nên chịu giá*».



TÂN HUÊ VĨNH PHÁT

Nº 134, rue Latérale Nord, ngang nhà ga xe lửa lớn Saigon

TIỆM MAY VÀ BÁN HÀNG

Thợ may chắc chắn, khéo và tính giá rẻ.
Có bán hàng Bắc, hàng Tàu và đủ đồ nhứt-dụng trong nhà.

Nhơn chừ Quí-bà, Quí-ông đi đường, trong lúc chờ xe lửa, ghé vào tiệm trước nghỉ chơn, sau muốn đặt may đồ chi, hoặc mua món chi của tiệm, dầu trong tiệm có thiếu đồ thì vợ chồng chủ tiệm là người rất vui vẻ mau mẫn, cũng tính cho đẹp ý mỗi hàng.

GRAND HÔTEL DE FRANCE

PHÁP-VIỆT-KHÁCH-LÂU

157, Rue Catinat, Saigon

NGUYỄN-VĂN-CỬA Chủ-nhơn.

Phòng ngủ rộng rãi sạch sẽ, sắp đặt nghiêm trang, đủ đồ dùng rất thuận tiện cho khách, Boy bạn dễ sai khiến, mỗi mỗi đều vừa ý khách mà giá phòng lại rẻ.

BÁ NHÂN TRUYỀN

của ông Huỳnh-thúc-Mậu, ở Lập-vò (Longxuyên) soạn

Trong quyển Bá-Nhân này có một trăm điều của thánh hiền xưa làm gương tốt vì bền lòng nhịn-nhục việc nhỏ rồi sau được nên việc lớn. Đồng-bang nên mua để trong nhà cho con cháu đọc cho thường, cũng là một phương tiện nhẹ bớt cho cha mẹ trong phần giáo dục con cháu.

Có bán tại nhà in,

J. VIẾT

N° 59, rue d'Ormay Saigon và các nhà bán sách khác.

Giá mỗi quyển. 0 8 50

Tiệm khắc con dấu bằng đồng và bản đồng

TANG-VAN-PHA

49, Rue d'Espagne, 49^e

SAIGON

Tiệm bán nón và giày theo kiểu Langsa

LIÊU-HIÊN

51, Rue d'Espagne, 51

SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION

Lê-van-Nghi và Đinh-thai-Son dit Phat Toan

NGUYỄN-VĂN-CỬA chủ nhơn

157, Rue Catinat, 157 Saigon

Nhà in này là một nhà in lớn trong Đông-dương có lãnh chịu sách, sớ, giấy, mực cho các sở Nhà-nước, có bán đủ đồ dùng về thơ-phòng, sách chữ tây, thơ, tuồng, truyện chữ quốc-ngữ, in nhứt trình, in sách, sớ, danh thiếp, thiệp mời đám cưới, đám tang. Bán buôn mau mảng. Nhứt ai ở xa gửi thơ đến mà thương nghị việc chi hoặc đặt món chi, lập tức kỳ tàu kế có trả lời.

XUÂN-LAN

Au bonheur des Saigonnaises

Ở gần nhà giấy Saigon-Cholon (route haute)
Ngang Chợ mới, đường Latérale Sud, môn bài số 21

Kính cáo cùng Lục-châu Quý-khách: tôi mới lập thêm một tiệm, hiệu « XUAN-LAN au bonheur des Saigonnaises », tại Chợ mới Saigon, gần nhà giấy xe lửa vô Cholon, đường Latérale Sud, môn bài số 21.

Có bán đủ thứ vải-bô, tơ-lụa tàu và bắc; có may áo quần Annam và theo kiểu Langsa. nhứt là con nít, như: áo, mao giấy, vớ, làm nhiều kiểu đẹp-đẽ và khéo-léo.

Có bán đủ đồ phụ tùng trong khi rửa mặt: dầu thơm, phấn dõ, nước súc miệng, phấn chùi răng, vân vân.

Lại cũng bán các vật dùng tại Bắc-kỳ, đồ bằng đồng, đồ mạ bạc, đồ cặn Xa-cừ, nón, giày dép v.v.

Xin nhờ Quý-Bà, Quý-Cô chiếu-cố, thừa lúc nhân du, ghé lại XUÂN-LAN, xem chơi, thì tôi đội ơn.

PHÁT LỢI

Quai de Belgique, Saigon.

BANQUE INDUSTRIELLE DE CHINE
TRUNG-PHÁP THIẾT-NHIỆP NGÂN HÀNG

Hội nặc danh vốn 45 triệu quan

HỘI-TRƯỞNG HỘI-ĐỒNG CAI-QUẢN : ÔNG ANDRÉ BERTHELOT
Đại Tổng-lý : ÔNG A. J. PERNOTTE

Hội quán tại Paris, đường Saint-Lazare, môn bài số 71

Tổng cuộc tại Bắc kinh

Ngánh tại Thượng-hải, Thiên-tân, Hương-cảng và Saigon

Có đặt người thông tin
cùng các nơi thương trường trong thế giới

Ngân hàng thi là :

Tại Pháp quốc : Hội đề mà khai phát thương cổ và công-nghệ
Tại Luân-đôn : Hội London County & Westminster Bank Ltd
Tại Niêu-do : Ông Redm nô và Công-ty.

Ngánh tại Saigon :

Mé sông Belgique, môn bài số 8 và đường Adran, môn bài số 2

Lãnh :

Đều gửi tiền bạc theo ngân-hàng, nếu tính theo bạc đồng
thì tiền lời lai ly.

Nếu tính theo quan tiền Laagsa (Gửi về Pháp-quốc) thì lời
hai ly rưỡi.

Đem tiền đến gửi, hoặc tính theo bạc đồng, hoặc tính theo
quan (phải lời mới nói số tiền lời).

Tiền gửi có định chẵn : ngày lấy ra (phải hỏi mới nói số tiền lời).

Lãnh giấy của các nhà mua bán mà trả bạc hoặc đổi bạc

Lãnh bán giấy nợ, giấy lãnh bạc hay là đánh giấy thép mà
sang giấy ấy cùng mấy thương trường lớn.

Lãnh gửi giấy mua bán theo Thiên thị với mấy thương
trường lớn.

Cho vay có thế chững hàng hóa và bằng khoán.

Tổng lý, A. BERTHIER.

NAM-HÔNG-PHÁT

KHÁCH SẠN

ở đường Boulevard Bonnard, số 106, ngang Gare de l'Est nhỏ
Saigon-Govap, tại chợ mới Saigon

Bán rượu tây và sữa xe máy, đèn essence và đèn alcool.
Có cho mượn phòng ngủ sạch sẽ rộng mát, giá rẻ.
Quý-quan, Quý-khách ở xa muốn mua bất cứ vật chi thì tôi mua giùm
miễn kỳ lưỡng gởi tới chỗ ở mấy ông.

HUỲNH-HUỆ-KY.

Trường tổng Chợ mới

Tổng Định-hòa (Longxuyên)

Kính thưa cùng quý khách đặng hay, tại trường
chúng tôi có dệt hàng, bề khổ bảy tấc tây (0m70) mỗi
cây là hai mươi thước Langsa, dệt đỏ trơn, như lụa
Hồ-la, Cẩm-tự. Huân đây chúng tôi sẽ dệt thứ hàng
Demi-tussor.

Xin bạn đồng-bang giúp sức cho bản trường lập
nên nghiệp cả là chỗ ích-lợi chung.

Nguyễn-hữu-Chương.
tự Đình-Châu.

MINH THÀNH HÒA

Tiệm làm bán đồ nữ-trang

M. NGUYỄN-V-LẠC dit **BẦY-KHỎE**, chủ tiệm
23, rue Schrœder Saigon, Téléphone n° 295

Trước bốn năm nay thợ bạc Annam hay ở chỗ
khuyết tích chợ không có dọn tiệm giữa chôn phiên
ba coi cho kinh dinh như thợ bạc Langsa và Khách-
trú vậy. Duy có M. Nguyễn-văn-Lạc nầy bày dọn ra
một tiệm thợ bạc hiệu là *Tân-hiệp-Thành*, n° 148,
rue des Marins Cholon, téléphone n° 381, chừng dọn
hực hở, như tiệm thợ bạc Langsa ; từ ấy cuộc thợ
bạc tàn phát lắm, sau M. Nguyễn-văn-Lạc lại lập
thêm một tiệm nữa tại chợ Saigon hiệu là *Minh-
thành-Hòa*, môn bài số 23 đường Schrœder, đây
thếp nói số 295, cuộc buôn bán lại càng thanh mậu
thêm vì là đồ nữ-trang hai tiệm nầy nhiều kiểu
khéo lạ, chần chần và vàng y, nên mấy bà có lòng
tin cậy mới dặng nên cuộc như thế. Vậy chư quý-bà,
quí-cô có cần dùng đặt đồ, hoặc mua nữ-trang xin
đến hai tiệm nầy thì chắc khỏi lầm và đồ thiệt rất nên
kỳ-xảo.

NGUYỄN-THÊ-NGỌC

Chủ vừa cá

Quai de Belgique Cầu-ông-Lãnh
SIAGON

*Tirage 1500 exemplaires.
Saigon, le 30 Août 1918.*

W. H. L.

